



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**



**2023**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**



# MỤC LỤC



Dấu ấn 40 năm  
hình thành  
& phát triển

## 01

### Thông tin chung

Thông tin khái quát  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

## 02

### Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu  
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

## 03

### Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  
Kế hoạch phát triển trong tương lai

## 04

### Đánh giá của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## 05

### Quản trị công ty

Hội đồng quản trị  
Ban Kiểm soát  
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

## 06

### Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023

Ý kiến kiểm toán  
Báo cáo tài chính được kiểm toán

40 năm

## Hình thành & Phát triển

Nhà 11 tháng 7 năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (TICCO) kỷ niệm tròn 40 năm ngày thành lập (11/7/1983 - 11/7/2023).

Trải qua 40 năm là hành trình để TICCO từng bước khẳng định uy tín, vị thế của mình trong lĩnh vực xây dựng. Từ một Công ty chuyên thi công các công trình thủy lợi, TICCO đã nhạy bén nắm bắt cơ hội, phát triển thành doanh nghiệp đa ngành nghề. Những sản phẩm mang thương hiệu TICCO đã trở nên thân quen và làm hài lòng rất nhiều khách hàng của nhiều tỉnh, thành trong cả nước, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương.

Bằng những nỗ lực phát triển không ngừng của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Công ty và sự quan tâm của các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương... Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang ngày càng vững mạnh, xứng đáng với danh hiệu được Chủ tịch nước phong tặng **"Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới"**, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước phồn vinh, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Sau 40 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (TICCO) đã ngày càng khẳng định được vị thế thương hiệu mạnh. Những hoạt động hiệu quả, thiết thực trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, dân sinh của Công ty không chỉ đóng góp tích cực cho tăng trưởng mà còn là "cầu nối" thu hút đầu tư vào Tiền Giang nói riêng và các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói chung.

Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty là dịp để tập thể lãnh đạo, công nhân viên Công ty cùng nhau ôn lại truyền thống rất đáng tự hào về những thành quả đã đạt được, qua đó nhìn lại để đánh giá, đúc kết kinh nghiệm, xác định và quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao trong từng thời kỳ, để luôn xứng đáng với sự kỳ vọng, sự tin yêu của Đảng, Nhà nước, Quý cổ đông và các Đối tác, Khách hàng đối với Công ty trong thời gian qua.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang xin trân trọng cảm ơn Quý khách hàng, Quý cổ đông cũng như toàn thể các cơ quan, bộ ngành các cấp tỉnh Tiền Giang đã luôn tin tưởng và ủng hộ TICCO. Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên của TICCO mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và đồng hành này trong chặng đường phát triển tương lai.

Trân trọng kính chào!



“

TICCO định hướng trở thành nhà cung cấp dẫn đầu các sản phẩm bê tông thương phẩm, nhà đầu tư hàng đầu về hạ tầng kỹ thuật và bất động sản của tỉnh Tiền Giang, khu vực ĐBSCL và hướng phát triển đến miền Đông Nam bộ, Nam Trung bộ, Tây Nguyên trong tương lai gần.

”



# DẤU ẤN 40 năm



**1.852,23** Tỷ đồng  
TỔNG TÀI SẢN

**1.669,78** Tỷ đồng  
DOANH THU

**147,28** Tỷ đồng  
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

**116,66** Tỷ đồng  
LỢI NHUẬN SAU THUẾ  
(HỢP NHẤT CÔNG TY MẸ)

**670** Nhân sự  
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG  
(tính đến 31/12/2023)



**DẤU ẤN**  
**40** năm



## Những tặng thưởng cao quý



- ★ **Năm 1991** : Huân chương Lao Động hạng Nhì
- ★ **Năm 1996** : Huân chương Lao Động hạng Nhất
- ★ **Năm 2000** : Danh Hiệu Anh hùng lao động
- ★ **Năm 2003** : Huân chương Độc lập hạng Ba
- ★ **Liên tục 2 năm (2008 - 2009)** được tặng thưởng “Bảng vàng doanh nghiệp uy tín, chất lượng”
- ★ **Năm 2010** : Huân chương Độc lập hạng Nhì
- ★ Chính phủ, Bộ, Ngành Trung ương và UBND tỉnh Tiền Giang tặng thưởng **20 Cờ thi đua, 30 Bằng khen**
- ★ **Năm 2023** : Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam



# CHƯƠNG 1 THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Quản trị rủi ro



# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

### Tên doanh nghiệp Quốc tế

Tien Giang Investment and Construction  
Joint Stock Company

### Tên doanh nghiệp viết tắt

TICCO

### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 18/07/2023 .

### Vốn điều lệ

**229.578.960.000 đồng**

### Vốn đầu tư của chủ sở hữu

**229.578.960.000 đồng**

### Sàn giao dịch

**HOSE**

### Mã cổ phiếu

**THG**

### Địa chỉ

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

### Số điện thoại

0273 3872 878

### Số fax

0273 3850 597

### Website

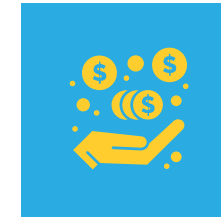
<http://ticco.com.vn>



### Tầm nhìn

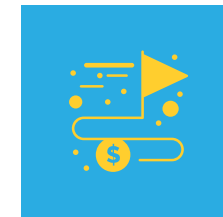
Công ty tập trung phát triển mạnh trên các lĩnh vực:

- Bất động sản
- Sản xuất kinh doanh Bê tông
- Thi công xây dựng



### Giá trị cốt lõi

Chuyên nghiệp, trách nhiệm, trung thực, tận tâm và linh hoạt



### Sứ mệnh

Sứ mệnh của TICCO là mang lại sự an tâm và giá trị gia tăng với những sản phẩm, dịch vụ có ưu điểm vượt trội, đạt tiêu chuẩn cao về kỹ thuật, mỹ thuật cùng với sự trân trọng, trách nhiệm cao của mình đến xã hội và cộng đồng



### Thông điệp của TICCO

Với tâm huyết và nỗ lực không ngừng, cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ trên tất cả các lĩnh vực: xây dựng công trình, bất động sản và bê tông. Chúng tôi tin tưởng rằng TICCO sẽ tiếp tục phát triển ổn định và bền vững, mang lại giá trị cao cho khách hàng, đối tác và cộng đồng





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### Giai đoạn thành lập

- 1977: Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang được thành lập.
- 1980: Ban tiếp nhận nguồn hàng viện trợ ADB ra đời, theo chương trình triển khai dự án tiền phong Gò Công – Tân An, thuộc Sở Thủy lợi Tiền Giang
- 1981: Ban tiếp nhận nguồn hàng viện trợ ADB được chuyển thành Xí nghiệp thi công cơ giới thủy lợi.
- 1983: Xí nghiệp Thi công Cơ giới Thủy lợi sáp nhập với Công ty Xây dựng Thủy lợi thành Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang
- 1996: Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang chuyển đổi thành Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang

1977  
-  
1996

### Giai đoạn mở rộng và phát triển

- 2007: - Thực hiện dự án tái cấu trúc quản lý Công ty.
  - Thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO và Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao Thông TICCO với vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng; Công Ty TNHH MTV Bê tông TICCO, vốn điều lệ 38.000.000.000 đồng.
  - Thành lập các đơn vị kinh doanh trực thuộc: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu Xây dựng.
- 2008: Mua Công ty Xây dựng Thủy lợi An Giang (DNNN) và tổ chức lại thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng, trong đó, TICCO nắm giữ 65% vốn điều lệ.
- 2009: -Thành lập Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal)
  - Sàn giao dịch bất động sản đầu tiên tại Tiền Giang.
- 2010: Sáp nhập Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông TICCO vào Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO và tăng vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng. Phát hành thêm vốn cổ phần, nâng vốn điều lệ toàn Công ty 80.000.000.000 đồng.
- 2011: Niêm yết 8.000.000 cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
- 2013: Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 4:1, nâng vốn điều lệ toàn Công ty lên 100.000.000.000 đồng.

2007  
-  
2013

### Giai đoạn củng cố nội lực, vươn tới tương lai

- 2021: Tăng vốn điều lệ lên 159.713.060.000 đồng từ việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- 2022: Tăng vốn điều lệ lên 199.638.930.000 đồng từ việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- 2023: Tăng vốn điều lệ lên 229.578.960.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022

2021  
-  
2023

### Giai đoạn chuyển mình

- 1997: Đầu tư phát triển Khu công nghiệp Mỹ Tho.
- 2000: Thành lập Xí nghiệp bê tông, mở ra lĩnh vực kinh doanh mới về các sản phẩm bê tông.
- 2003: Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang được cổ phần hóa theo Quyết định của UBND tỉnh Tiền Giang và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với vốn điều lệ 19.621.100.000 đồng.
- 2004: Đầu tư phát triển Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, TP. Mỹ Tho. Khu dân cư hiện đại đầu tiên của tỉnh Tiền Giang. Thành lập Trung tâm đầu tư và kinh doanh địa ốc (EIC).
- 2006: Đầu tư dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, thị trấn Chợ Gạo với quy mô 23 ha. Tăng vốn điều lệ công ty lên 60.000.000.000 đồng.

1997  
-  
2006

### Giai đoạn tăng tốc

- 2014: Tháng 02/2014, thành lập Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi. Tháng 09/2014, thành lập Xí nghiệp Thi công Cơ giới.
- 2016: - Thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO (tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi).
  - Thành lập Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO (tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa).
  - Thành lập Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (TICCO PILE) trực thuộc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO.
  - Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 119.999.070.000 đồng.
- 2017: Thành lập nhà máy bê tông Tân Phước.
- 2018: Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO chuyển đổi loại hình sang Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO. Thành lập Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO (tiền thân là Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng)
- 2019: Thành lập công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước.
- 2020: Thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

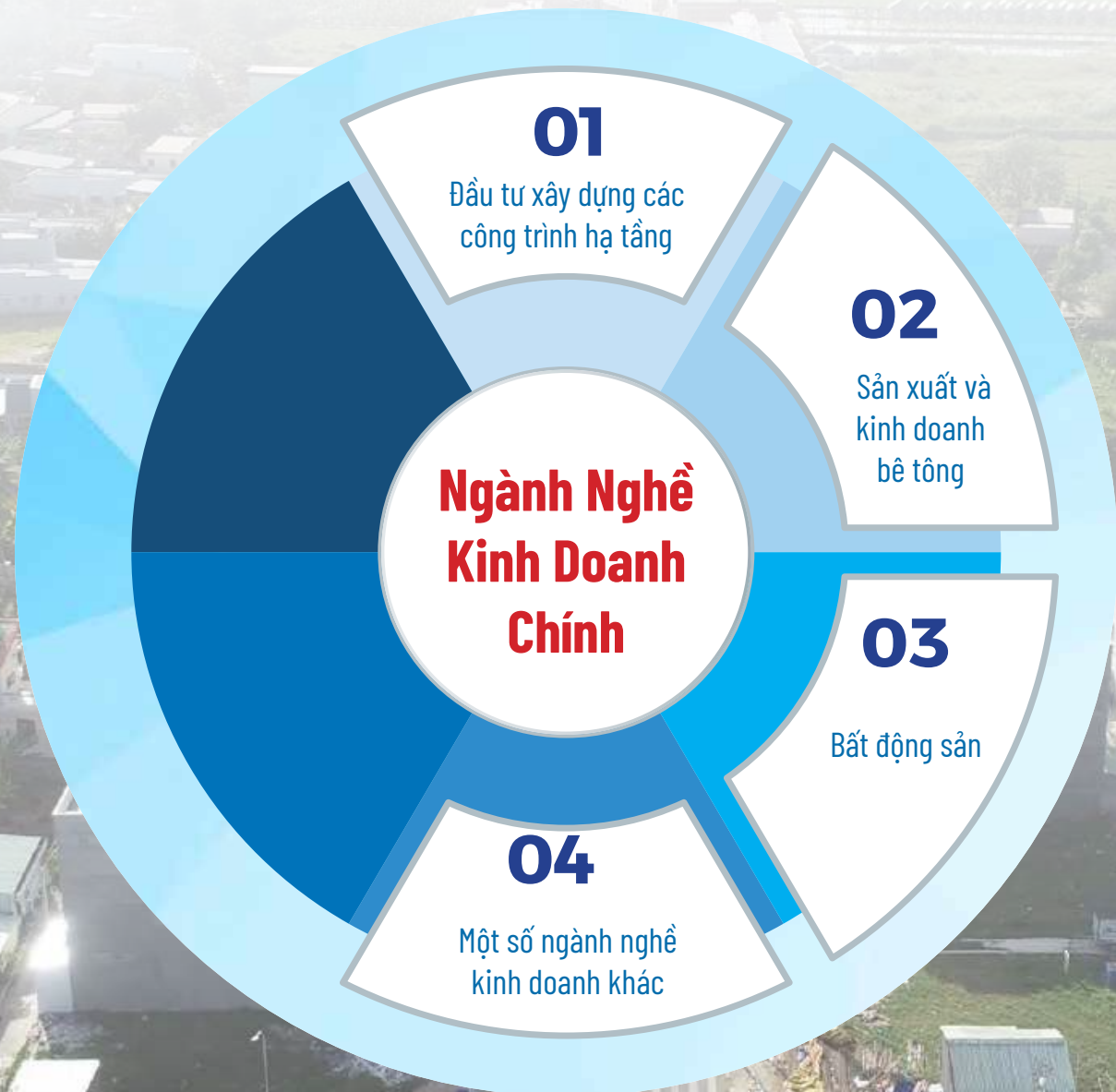
2014  
-  
2020





# NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

## Tổng quan ngành nghề kinh doanh



## Địa bàn kinh doanh

Thị trường kinh doanh chính của TICCO là đồng bằng Sông Cửu Long, trọng điểm là khu vực giữa Sông Vàm Cỏ và Sông Hậu và định hướng phát triển kinh doanh khu vực Đông Nam Bộ, Trung Bộ và Tây Nguyên.

## Cụ thể từng ngành nghề kinh doanh

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
0111	Trồng lúa
0112	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
0113	Trồng cây lấy củ có chất bột
0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
0119	Trồng cây hàng năm khác
0121	Trồng cây ăn quả
0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm
0129	Trồng cây lâu năm khác
0131	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm
0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
0210	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite
2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi
3011	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan
3511	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời
3512	Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)
3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3700	Thoát nước và xử lý nước thải



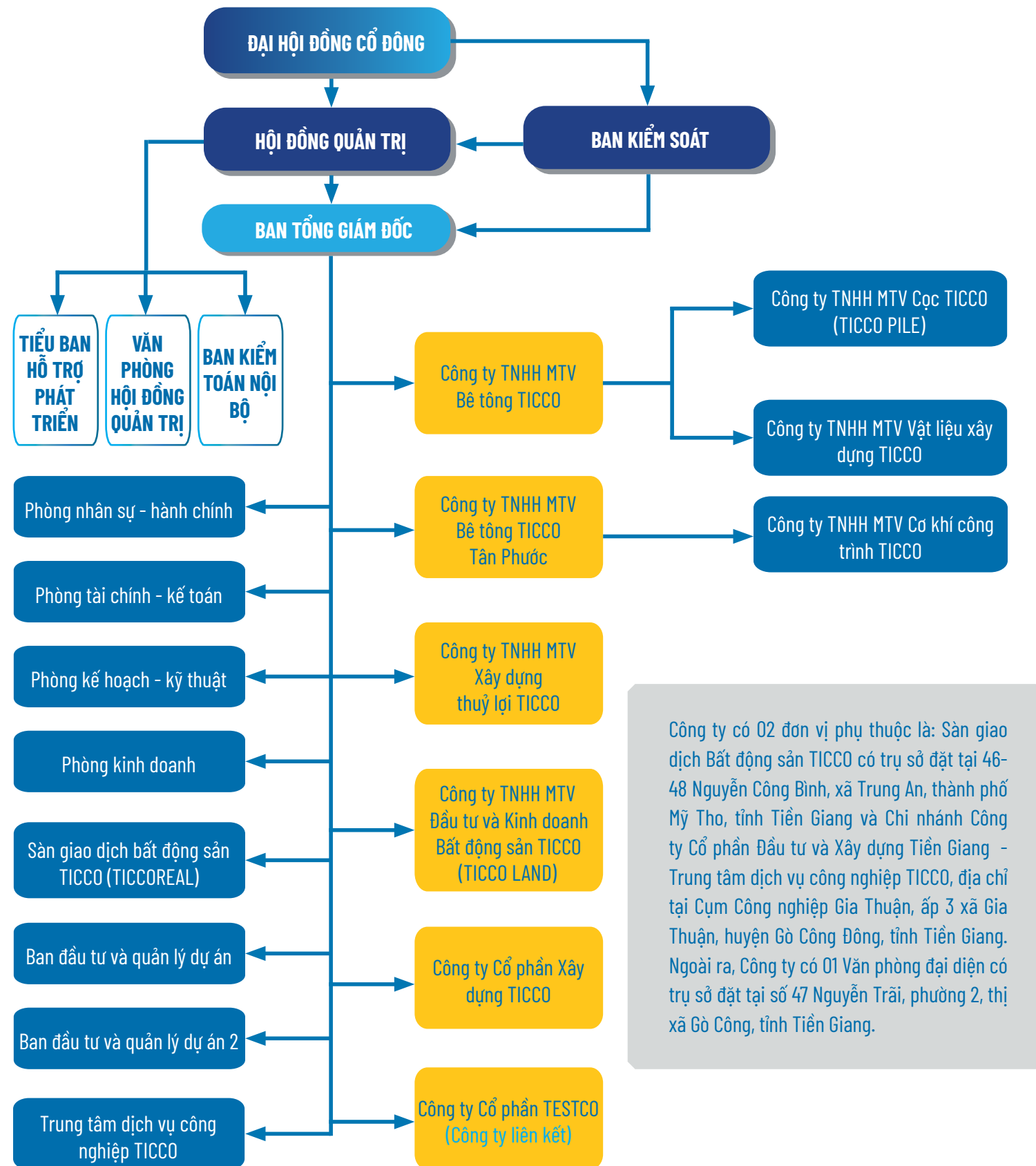
## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
3811	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Trừ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình
3812	Thu gom rác thải độc hại
3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại
4101	Xây dựng nhà để ô
4102	Xây dựng nhà không để ô
4211	Xây dựng công trình đường sắt
4212	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4291	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương, (trừ thiết lập, vận hành duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải)
4299 (Chính)	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp - Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật
4312	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite
4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4940	Vận tải đường ống
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
5224	Bốc xếp hàng hóa
5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh kết cấu cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu tái định cư, nhà ở công nhân. Cho thuê lại đất, kho tàng nhà xưởng, bến bãi; - Mua bán nhà ở. Cho thuê nhà ở, cho thuê văn phòng, cho thuê kiốt; - Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư và nhà ở công nhân; - Kinh doanh bất động sản. (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản. Định giá bất động sản. Tư vấn bất động sản. Quản lý bất động sản. Trừ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ quản tài viên.
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi. Tư vấn đấu thầu, giám sát. Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi
7310	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo bất động sản
7710	Cho thuê xe có động cơ
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
8130	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan



# CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



Công ty có 02 đơn vị phụ thuộc là: Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Trung tâm dịch vụ công nghiệp TICCO, địa chỉ tại Cụm Công nghiệp Gia Thuận, ấp 3 xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, Công ty có 01 Văn phòng đại diện có trụ sở đặt tại số 47 Nguyễn Trãi, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại hội đồng cổ đông:**  
 Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị:**  
 Là cơ quan quản lý Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban kiểm soát:**  
 Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của mình.
- Ban Tổng giám đốc:**  
 Là cơ quan điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- Văn phòng Hội đồng quản trị:**  
 Thực hiện các công việc văn phòng, văn thư, thư ký thuộc HĐQT, BKS; ghi chép biên bản và lưu trữ các nghị quyết, quyết định, các văn bản khác của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, BKS. Tham mưu, đề xuất với HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong việc đưa ra những đường lối, chính sách, quyết định của HĐQT về những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT và Chủ tịch HĐQT.
- Ban Kiểm toán nội bộ:**  
 Là Ban chuyên môn thực hiện nghiệp vụ kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, báo cáo công việc cho HĐQT. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và giám sát tính thích hợp và hiệu quả của hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ.





## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Hiện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (TICCO) có 5 Công ty con cấp 1 và 3 Công ty con cấp 2 chịu sự kiểm soát của Công ty. Chi tiết như sau:

### CÔNG TY CON CẤP 1

Tên Công ty	Giấy chứng nhận ĐKDN	Ngày cấp	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	1200656249	04/07/2022	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh bê tông
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	1201602574	04/07/2022	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh bê tông
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	1201534074	05/01/2023	100%	100%	Thi công công trình xây dựng thủy lợi
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO	1201640114	11/01/2023	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	1200683404	06/06/2023	66,67%	66,67%	Thi công công trình xây dựng thủy lợi



### CÔNG TY CON CẤP 2

Tên Công ty	Giấy chứng nhận ĐKDN	Ngày cấp	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	Diễn giải
Công ty TNHH MTV Cọc TICCO	1201537131	29/09/2022	100%	100%	Đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực	Công ty con của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	1201534099	16/11/2022	100%	100%	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Công ty con của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO	1201577198	04/01/2023	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Công ty con của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO

### CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên Công ty	Giấy chứng nhận ĐKDN	Ngày cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Testco	1200673607	16/04/2018	Lô 1, 2, 3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	20%	20%	Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

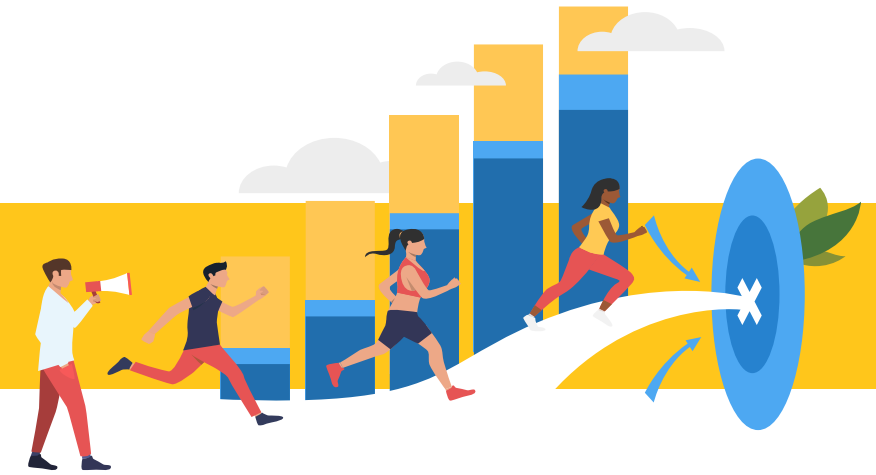


### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Với lĩnh vực kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản và hạ tầng khu/cụm công nghiệp; sản xuất kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn, và đồng thời duy trì lĩnh vực thi công xây dựng có giới hạn nhằm hỗ trợ cho lĩnh vực bê tông và kinh doanh bất động sản, TICC0 luôn đề cao chất lượng trong từng sản phẩm và dịch vụ, đảm bảo mang lại sự hài lòng cho khách hàng và khẳng định uy tín lâu năm trong ngành. Mục tiêu của công ty là tăng trưởng lợi nhuận và mở rộng thị phần qua từng năm. TICC0 nhận định rõ trong định hướng phát triển của Công ty, rằng sự phát triển của TICC0 gắn liền với thăng trầm của nền kinh tế Việt Nam. Vậy nên Công ty hiểu rõ tham vọng của Công ty là một thử thách, nhưng thử thách là để vượt qua và thành công là phải có thử thách. Vì vậy TICC0 chưa bao giờ nản chí mà luôn lập kế hoạch phát triển một cách rõ ràng và bền vững. Theo đó, Công ty luôn duy trì quan hệ hợp tác lâu bền với các đối tác cũ, cũng như tìm kiếm đối tác mới, tham gia đấu thầu các dự án cấp tỉnh, cấp khu vực. Từ đó gây dựng uy tín và thương hiệu, tạo tiền đề cho TICC0 vươn cao và vươn xa. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng đầu tư phát triển bền vững bằng cách đầu tư nghiên cứu các giải pháp ít phát thải, áp dụng công nghệ số hoá trong sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ, nhằm tối ưu hoá nguồn lực, quy trình, đồng thời tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.



### Các chiến lược trung và dài hạn



Công ty đề ra chiến lược phát triển cho giai đoạn 2022 – 2026 và định hướng đến 2031 như sau:

Kiên trì thực hiện theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông qua các nhiệm kỳ thống nhất thông qua, tập trung đầu tư, phát triển cho lĩnh vực bê tông, phát huy ngành nghề kinh doanh khu, cụm công nghiệp, đầu tư dài hạn cho lĩnh vực bất động sản, lĩnh vực xây dựng tiếp tục duy trì năng lực hiện có; tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao năng lực quản trị hệ thống, phát triển nguồn nhân lực, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và môi trường.

Trên từng lĩnh vực kinh doanh, công ty đều có mục tiêu chiến lược cụ thể:

**Lĩnh vực thi công xây dựng:** Củng cố công tác quản lý, áp dụng công nghệ tiên tiến tạo thế mạnh cạnh tranh về giá, chất lượng, mỹ thuật và tiến độ, liên kết với các đối tác chiến lược mở rộng thêm loại hình công trình như: giao thông, xây dựng công nghiệp, xử lý môi trường.

**Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông:** Phát huy và giữ vững thương hiệu, liên tục cải tiến tạo ra sản phẩm có chất lượng và mỹ thuật công nghiệp đạt chuẩn; Đẩy mạnh tiếp thị vào các thị trường mục tiêu duy trì số lượng khách hàng hiện có, nghiên cứu mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm mới để có được những khách hàng, đơn hàng mới.

**Lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản:** Thực hiện đúng cam kết và giá cả hợp lý phù hợp với nhu cầu của thị trường và xã hội; Tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư các dự án có tính khả thi cao, đảm bảo tiến độ để đáp ứng kịp thời chiến lược kinh doanh; Thực hiện quản lý tốt các dự án đầu tư xây dựng, đảm bảo thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục pháp lý theo qui định pháp luật hiện hành; Phối hợp với các địa phương có dự án đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng dự án nhằm đưa sản phẩm vào khai thác, kinh doanh kịp thời, hiệu quả.



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Các mục tiêu Phát triển bền vững

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (TICCO) đặt mục tiêu phát triển ổn định và bền vững, vì vậy TICCO chú trọng vào vấn đề phát triển và đổi mới sản phẩm nhằm mục đích tạo ra giá trị và sự hài lòng cho khách hàng. Đồng thời, công ty tận dụng các nguồn lực nội tại và bên ngoài để đảm bảo sự phát triển bền vững và hài hòa lợi ích của các bên liên quan. Với mục tiêu trên, TICCO xác định những nhiệm vụ cụ thể như sau:

Đi cùng sự phát triển chung của Tỉnh, TICCO chú trọng xây dựng các dự án hạ tầng công nghiệp xanh, sạch, thân thiện với môi trường. Trong quá trình triển khai đầu tư, Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với địa phương, cung cấp đa dạng các loại hình sản phẩm; đề cao việc xây dựng hạ tầng đồng bộ, đảm bảo các yếu tố về môi trường, cây xanh, xử lý tốt rác thải,... Đồng thời, thực hiện tiết kiệm nước, năng lượng và tuân thủ chặt chẽ các định chế của pháp luật về bảo vệ môi trường,... Đối với các nhà đầu tư vào Cụm CN, TICCO chú trọng gia tăng trách nhiệm của các nhà đầu tư trong việc quản lý chất thải và tái chế chất thải. Ưu tiên các nhà đầu tư bền vững với môi trường, hạn chế các mối nguy về ô nhiễm và thải nhiều khí thải carbon. Song song với đó, tiếp tục phát huy truyền thống, thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, phục vụ nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt, bảo vệ cây ăn trái, hoa màu, góp phần chống biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước vùng hạ lưu sông Cửu Long và xây dựng nông thôn mới.

Với cổ đông, TICCO phấn đấu giúp cổ đông được hưởng lợi từ sự ổn định và bền vững, với việc nhận cổ tức luôn cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng.

Với người lao động, TICCO đảm bảo một tương lai nghề nghiệp bền vững, được đào tạo và phát triển kỹ năng, và làm việc trong một môi trường văn hóa tích cực. Họ được trang bị các phương tiện làm việc cần thiết và có cơ hội thăng tiến công bằng, với mức thu nhập cao hơn so với mức trung bình xã hội.

Với khách hàng, TICCO cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng cao và được cải tiến liên tục, mang lại niềm tin và sự hài lòng. Công ty tạo ra giá trị tương xứng với giá cả và xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững.

Với nhà cung cấp, TICCO khuyến khích phát triển và tạo ra nguồn doanh thu ổn định và bền vững, đồng thời xây dựng các mối quan hệ đối tác tích cực.

Với nhà nước và xã hội, TICCO cam kết đóng góp vào ngân sách nhà nước và thực hiện trách nhiệm xã hội và môi trường, góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.





## Quản trị rủi ro

### Rủi ro vĩ mô

#### Rủi ro kinh tế

Năm 2023, thế giới tiếp tục đối mặt với hậu quả từ COVID-19 và xung đột giữa Nga và Ukraine, đặt ra những thách thức trong kinh tế. Những thách thức bao gồm lạm phát và tăng giá năng lượng đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế của thế giới, dẫn đến nhiều nước phải hành động, cụ thể là thay đổi chính sách tiền tệ nhằm hạn chế lạm phát, đặt mục tiêu ổn định nền kinh tế lên hàng đầu. Ở các quốc gia phát triển như Mỹ đã thông qua chính sách thắt chặt tiền tệ, nhằm hạn chế chi tiêu, kiểm soát lạm phát, cụ thể là trong năm 2023, Mỹ đã thông qua 4 lần tăng lãi suất và duy trì ở mức cao với lãi suất biên dao động từ 5,25% - 5,50%. Kết quả đã tạo nên sự suy giảm trong nhu cầu tiêu dùng, nhưng cũng kèm theo hậu quả gây gián đoạn chuỗi cung ứng hàng hoá, đặc biệt là trong vấn đề cung ứng năng lượng, dẫn đến diễn biến trong lĩnh vực năng lượng trở nên phức tạp hơn. Đồng thời, các xung đột chính trị, đặc biệt là ở Trung Đông, đã gây phức tạp hoá thêm vào vấn đề gián đoạn giao thương và làm tăng giá năng lượng, gây khó khăn cho quá trình phục hồi kinh tế thế giới. Bên cạnh đó, IMF cho rằng sự phục hồi kinh tế chậm lại còn đến từ sự hồi phục không đồng đều của các quốc gia, nhất là ở các thị trường mới nổi. Cũng theo IMF dự đoán, đến năm 2025, lạm phát mới có thể kiểm soát. Theo OECD ước tính, lạm phát sẽ giảm xuống mức 3,8% vào năm 2024, và 3,2% vào năm 2025.

Trước bối cảnh trên, nền kinh tế Việt Nam năm 2023 ước tính tăng trưởng 5,05%, cao hơn so với năm trước nhưng vẫn thấp hơn so với mục tiêu là 6,5%. Ngành công nghiệp và xây dựng gặp nhiều khó khăn do suy giảm tổng cầu thế giới, dẫn đến mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2011 - 2023, cụ thể là chỉ tăng 3,02%. Trong đó, ngành xây dựng được ghi nhận mức tăng thấp hơn 8,92% so với năm 2022. Nhận xét một cách khách quan, kinh tế Việt Nam vẫn đang thực hiện tốt quá trình phục hồi trước những biến động hết sức tiêu cực của nền kinh tế thế giới. Sự phục hồi này đạt được, cũng là nhờ vào các chính sách sáng suốt của Việt Nam trong vấn đề kích cầu tiêu dùng, gia tăng đầu tư công, giúp nền kinh tế ổn định hơn và dần tăng trưởng theo quỹ đạo.

Với cơ cấu ngành gắn liền với điều kiện phát triển kinh tế, TICCO chịu nhiều ảnh hưởng trước tình hình vĩ mô đầy biến động. Mặc dù năm 2023, Việt Nam đã có nhiều chính sách kích cầu tiêu dùng như giảm lãi suất, chi tiêu đầu tư công, nhưng giá thành của nhiều mặt hàng vẫn ở mức cao và khó có thể thuyên giảm do giá năng lượng vẫn chưa có dấu hiệu suy yếu, cùng với đó là tâm lý nhà đầu tư vẫn còn tiêu cực, dòng tiền chưa được lưu thông mạnh mẽ. Vậy nên, năm 2023 vừa là cơ hội hồi phục, cũng vừa là thách thức đối với TICCO. Vì vậy, TICCO tận dụng tối đa tiềm lực để nắm bắt cơ hội nhưng đồng thời cũng củng cố nội lực để đối mặt với khó khăn, TICCO luôn lên kế hoạch một cách rõ ràng, đề ra chiến lược kinh doanh phù hợp, đảm bảo phát triển bền vững không chỉ cho TICCO mà còn cho khách hàng, cho Quốc gia.

#### Rủi ro lãi suất

Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn với vấn đề lạm phát thế giới vẫn ở mức cao. Trong 6 tháng đầu năm, Fed đã phải tăng 4 lần lãi suất liên tiếp và duy trì lãi suất biên ở mức cao từ 5,25% đến 5,50% trong 6 tháng cuối năm. Mục tiêu của Fed là hạn chế chi tiêu, kiểm soát lạm phát. Trái ngược với Fed, Việt Nam hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, tăng chi tiêu, đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp cũng như người dân phục hồi sản xuất kinh doanh. Theo đó, trong 6 tháng đầu năm, Việt Nam đã giảm 4 lần lãi suất liên tiếp, với mức giảm từ 0,5% - 2%/năm. Và trong 6 tháng cuối năm, Việt Nam giảm mức lãi suất điều hành từ mức dao động 8% - 10%/năm vào cuối năm 2022 xuống thấp hơn 6%/năm. Nhờ chính sách trên, Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất trong giai đoạn 2020 -2023, là minh chứng cho sự hiệu quả trong thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư. Nhờ vào các chính sách nói lỏng trên, các "room" tín dụng đã được mở rộng, lãi suất cho vay giảm, hỗ trợ các doanh nghiệp tăng đầu tư. Đối với các công ty sản xuất và kinh doanh bất động sản nói chung, và với TICCO nói riêng, đây là một tín hiệu tốt trong quá trình phục hồi. Đặc biệt là với cơ cấu nợ vay của TICCO chiếm tới hơn 26% trên tổng tài sản, thì đây là một động lực thúc đẩy Công ty trở lại đà tăng trưởng. Tuy nhiên, việc sử dụng nợ vay cao mang lại rủi ro rất lớn. TICCO luôn nhận thức rõ ràng trong vấn đề này, nên luôn có các biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả, đảm bảo các khoản nợ không gây mất cân đối tài chính và sử dụng một cách hợp lý và hiệu quả.

#### Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang là một Công ty Cổ phần đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy, mọi hoạt động của Công ty đều gắn liền với các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các Thông tư hướng dẫn có liên quan. Ngoài ra với đặc thù ngành xây dựng, đặc biệt là liên quan đến xây dựng các công trình thuỷ lợi, xây dựng khu dân cư, sản xuất bê tông và kinh doanh Bất động sản, Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi các Quy chuẩn Việt Nam về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 12846:2020 về công trình thuỷ lợi - thành phần, nội dung lập thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công, và TCVN 12252:2020 về sản xuất Bê tông,... Bên cạnh đó, các văn bản luật và nghị định liên quan đến Bất động sản cũng ảnh hưởng không ít đến hoạt động kinh doanh của Công ty cả trong vấn đề kinh doanh bất động sản và xây dựng cơ sở hạ tầng. Trong năm 2023, có tín hiệu đáng mừng rằng Chính phủ và các cơ quan, bộ ngành tập trung khôi phục thị trường Bất động sản (BDS) bằng gần 20 động thái quyết liệt. Trong đó, nghị quyết số 33/NQ-CP và văn bản số 756/TTg-KTTH là các tín hiệu quan trọng nhất, chỉ ra sự điều chỉnh linh hoạt và giảm bớt thủ tục hành chính. Khó khăn của thị trường đã được giải quyết và nhiều dự án BĐS đã tái khởi động. Tuy nhiên, vẫn cần thời gian để nhà đầu tư có thể tin tưởng và chi tiêu đầu tư cho các dự án sau cú sốc bong bóng bất động sản, cũng như nhiều tin tiêu cực trên thị trường chứng khoán, bên cạnh đó cũng cần thời gian cho các doanh nghiệp hồi phục sản xuất kinh doanh, tăng khả năng tài chính và tiến hành đầu tư. Nhìn chung lại, pháp luật Việt Nam đã phần nào được khơi thông, hỗ trợ việc sản xuất kinh doanh, gia tăng đầu tư nhưng vấn đề là nền kinh tế cần thời gian để thẩm thấu. TICCO hiểu rõ những động lực đến từ pháp lý cũng như những hạn chế mà pháp luật có thể gây ra. Trước tình hình đó, Công ty luôn theo dõi và thường xuyên cập nhật các chính sách và quy định có liên quan, từ đó đặt ra các kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh một cách phù hợp, đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành, xây dựng hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực.



## Quản trị rủi ro

### Rủi ro đặc thù ngành

#### Rủi ro giá nguyên vật liệu

Hơn 70% chi phí của các công ty xây dựng, sản xuất nói chung và TICCO nói riêng là đến từ chi phí nguyên vật liệu. Trong đó, đối với sản phẩm sản xuất kinh doanh chính của TICCO là bê tông, các nguyên vật liệu đầu vào gồm: xi măng, cát, đá và thép. Trong năm 2023, giá vật liệu xây dựng tăng mạnh, đặc biệt là giá cát xây dựng, với mức tăng trung bình 1,5% mỗi tháng do thiếu nguồn cung và nhu cầu xây dựng tăng cao. Giá thép xây dựng cũng có thời điểm tăng đến gần 16 triệu đồng/tấn, tăng 14% so với mức thấp nhất trong 3 năm qua là 14 triệu đồng/tấn. Trong số các nguyên vật liệu, thì giá xi măng cơ bản giữ ổn định, tuy nhiên giá xi măng ở miền Nam lại cao hơn các khu vực khác do ít nhà máy sản xuất và chi phí vận chuyển cao. Nhìn chung, diễn biến giá nguyên vật liệu trong thời gian qua vẫn ở mức cao, gây thâm hụt lớn trong lợi nhuận. Trước tình hình đó, Công ty luôn chủ động theo dõi tình hình giá, thương lượng, ký kết các hợp đồng mua bán với nhà cung cấp đã hợp tác lâu dài, đề phòng trường hợp giá nguyên vật liệu đầu vào tăng quá cao, đồng thời đánh giá và dự đoán thời điểm thích hợp để mua nguyên vật liệu với mức giá hợp lý. Bên cạnh đó, TICCO kết hợp xây dựng kế hoạch hàng tồn kho một cách phù hợp để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

#### Rủi ro cạnh tranh

Năm 2023 là một năm tiếp nối sự trầm lắng của thị trường bất động sản, giá nguyên vật liệu tăng cao, nhu cầu xây dựng thấp, cùng với những yêu cầu trong phát triển bền vững, ngành sản xuất bê tông đang đứng trước nhiều khó khăn thách thức. Trước bối cảnh đó, TICCO nhận định rõ ràng rằng để có thể cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất bê tông, Công ty phải tối ưu hoá chi phí, tối ưu hoá quy trình sản xuất, tránh lãng phí, đồng thời tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đầu tư phát triển bê tông “xanh”. Vì vậy, TICCO thường xuyên cập nhật diễn biến của thị trường, theo dõi những thay đổi về nhu cầu và thị hiếu của khách hàng, đồng thời không ngừng cải tiến công nghệ, chất lượng sản phẩm để luôn luôn là đơn vị tiên phong trong ngành. Đồng thời tận dụng lợi thế về uy tín lâu năm, có thâm niên trong ngành, TICCO tiếp tục giữ vững quan hệ hợp tác với các khách hàng tin cậy, cũng như không ngừng mở rộng hợp tác với các khách hàng mới cùng các chính sách ưu đãi phù hợp, góp phần gia tăng sự hài lòng của khách hàng.

#### Rủi ro môi trường

Chuyển đổi kinh tế bền vững đang là một xu hướng toàn cầu, đòi hỏi các ngành công nghiệp phải thích nghi để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội. Đối với các doanh nghiệp sản xuất bê tông cũng như xây dựng, vấn đề chuyển đổi sẽ đem lại nhiều khó khăn và thách thức, nhưng TICCO sẵn sàng đối mặt với những thách thức này và có trách nhiệm với xã hội, với môi trường. Một số thách thức mà các doanh nghiệp thuộc ngành này nói chung, và TICCO nói riêng bao gồm chi phí sản xuất tăng cao, do yêu cầu đầu tư vào công nghệ và quy trình mới, áp dụng các tiêu chuẩn và quy định nghiêm ngặt, ảnh hưởng đến quy trình và tiến độ sản xuất. Nhằm hạn chế những thách thức trên, TICCO đã thực hiện việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ mới có thể giúp giảm thiểu chi phí sản xuất và tối ưu hóa quy trình, đồng thời giảm thiểu tác động của các loại phát thải đến môi trường. Tiếp đến là xây dựng một hệ thống quản lý chất lượng và môi trường chặt chẽ giúp đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định, đồng thời tăng cường hiệu quả sản xuất và giảm thiểu rủi ro. Song song với đó, công tác đào tạo và phát triển nhân viên cũng là một phần quan trọng để đảm bảo toàn bộ cán bộ công nhân viên hiểu rõ về các quy trình mới cách thức thực hiện, nâng cao trách nhiệm trong quy trình phát triển “xanh” và bền vững.

#### Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro kể trên, TICCO còn chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn,... Tuy khả năng xảy ra những rủi ro trên là không cao nhưng lại là những rủi ro có khả năng gây thiệt hại lớn. Vậy nên “phòng” vẫn tốt hơn là “chữa”. TICCO luôn đảm bảo quy trình kỹ thuật rõ ràng để không gây tai nạn cháy nổ từ các thiết bị điện, đảm bảo bảo trì bảo dưỡng các thiết bị thường xuyên tránh gây tai nạn, cũng như thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, tiến trình thi công xây dựng an toàn. Đồng thời mua bảo hiểm cho tài sản cũng như công nhân viên đầy đủ theo quy định nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra.







## CHƯƠNG 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% Tăng/Giảm so với năm 2022	% Tiến độ theo kế hoạch
1	Doanh thu thuần	1.648.053	1.669.000	1.669.780	1,32%	100,05%
2	Giá vốn hàng bán	1.272.963	-	1.287.984	1,18%	-
3	Doanh thu hoạt động tài chính	5.384	-	8.994	67,05%	-
4	Chi phí tài chính	11.300	-	19.899	76,10%	-
5	Phần lãi lỗ công ty liên doanh, liên kết	79	-	84	6,57%	-
6	Chi phí bán hàng	142.807	-	161.087	12,80%	-
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.465	-	61.999	30,62%	-
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	178.979	-	147.890	-17,37%	-
9	Lợi nhuận trước thuế	181.564	-	147.283	-18,88%	-
10	Lợi nhuận sau thuế	143.908	-	118.835	-17,42%	-
11	Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất Công ty mẹ)	142.131	150.000	116.665	-17,92%	77,78%

Trong năm 2023, tuy nhận được nhiều sự trợ lực từ phía Chính phủ và hệ thống ngân hàng nhưng thị trường bất động sản vẫn chưa thể ổn định và phục hồi. Chỉ trong một năm, thị trường bất động sản đã chứng kiến sự ra đi của nhiều doanh nghiệp bất động sản, nhiều vụ vi phạm pháp luật quy mô lớn đều có liên quan đến các dự án bất động sản nóng, những ông lớn bất động sản khiến thị trường bất động sản vốn khó khăn lại càng trở nên khó khăn hơn. Lòng tin của nhà đầu tư vào thị trường bị ảnh hưởng rất lớn. Bên cạnh đó, là sự cạnh tranh gay gắt ở lĩnh vực sản xuất kinh doanh bê tông về giá bán, các đối thủ sẵn sàng giảm giá bán và kéo dài thời gian thanh toán, hạn mức công nợ làm ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp trong ngành nói chung và TICC0 nói riêng. Trong bối cảnh đó, doanh thu thuần của Công ty năm 2023 đạt 1.669.780 triệu đồng, tăng 1,32% so với năm 2022 và đạt kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh lại có mức giảm 17,37% kéo theo đó là lợi nhuận sau thuế giảm 17,42%; lợi nhuận sau thuế hợp nhất Công ty mẹ cũng giảm 17,92%, đạt 77,78% kế hoạch năm. Nguyên nhân cho vấn đề này đến từ sự gia tăng trong chi phí. Trong năm, giá vốn hàng bán tăng 1,18% so với năm 2022, phân tách từng mảng kinh doanh, giá nguyên vật liệu để sản xuất bê tông chỉ tăng nhẹ 5,37%, sự tăng mạnh trong giá vốn thi công công trình xây dựng với mức tăng là gần 30% là nguyên nhân chính dẫn tới sự gia tăng giá vốn hàng bán. Bên cạnh đó, các chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng lần lượt tăng đáng kể 76,10%, 12,8% và 30,62%. Nguyên nhân chi phí bán hàng tăng do sự gia tăng chi phí dịch vụ mua ngoài với mức tăng là 42,52%. Và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do Chi phí (hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng 525,85%, đây là khoản chi phí phát sinh không mong muốn, nhưng Công ty đã dự phòng đầy đủ và đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhìn chung lại, về tình hình hoạt động kinh doanh, TICC0 vẫn đảm bảo ổn định trong doanh thu và kiểm soát tốt chi phí, tạo tiền đề cho quá trình phục hồi và tăng trưởng trong tương lai.

## Cơ cấu doanh thu hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% Tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu bán bê tông	1.043.967	63,35%	1.112.393	66,62%	6,55%
Doanh thu thi công công trình xây dựng	219.271	13,30%	317.242	19,00%	44,68%
Doanh thu kinh doanh bất động sản	344.880	20,93%	210.736	12,62%	-38,90%
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	19.448	1,18%	12.305	0,74%	-36,73%
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	3.123	0,19%	3.431	0,21%	9,86%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.363	1,05%	13.673	0,82%	-21,25%
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.648.053</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.669.780</b>	<b>100%</b>	<b>1,32%</b>



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách Ban điều hành

Tính tại ngày 31/12/2023:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Hoàng Huân	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Không điều hành)	1.055.697	4,06%
2	Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị/Phó Tổng giám đốc	1.122.340	4,89%
3	Vũ Huy Giáp	Thành viên Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc	1.035.005	4,51%
4	Nguyễn Thị Hường	Thành viên Hội đồng quản trị (Không điều hành)	844.530	3,68%
5	Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	35.670	0,16%
6	Phạm Văn Hậu	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	78	0,00%
7	Nguyễn Tiến Nhân	Trưởng Ban kiểm soát	8.355	0,04%
8	Đoàn Thị Hồng Cẩm	Thành viên Ban kiểm soát	25.559	0,11%
9	Nguyễn Kiều Diễm Trang	Thành viên Ban kiểm soát	9.646	0,04%
10	Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng giám đốc	276.425	1,21%
11	Nguyễn Hoài Bắc	Phó Tổng giám đốc	598.264	2,61%
12	Nguyễn Ngọc Hùng	Phó Tổng giám đốc	116.058	0,51%
13	Phạm Thị Xuân Lan	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	300	0,00%
14	Huỳnh Thị Mỹ Hương	Kế toán trưởng	3.873	0,02%

## Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2023

Ngày 25/10/2022, Bà Huỳnh Thị Mỹ Hương được Hội đồng quản trị bổ nhiệm làm Kế toán trưởng của Công ty thay thế bà Lê Mỹ Phượng và có hiệu lực từ 02/01/2023.



### Ông Vũ Huy Giáp

Tổng giám đốc

**Giới tính:** Nam

**Năm sinh:** 1977

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

### Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 05/5/2001 đến 01/01/2003	Nhân viên kỹ thuật, Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang.
Từ 01/01/2003 đến 12/9/2005	Phụ trách kế hoạch Xí nghiệp Bê tông, Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang.
Từ 12/9/2005 đến 10/5/2007	Phó Giám đốc Xí nghiệp Bê tông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
Từ 10/5/2007 đến 01/7/2009	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/7/2009 đến 06/04/2013	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh - tiếp thị, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
Từ 06/04/2013 đến 31/8/2014	Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/02/2014 đến 31/12/2020	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang. Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
Từ 12/9/2014 đến 13/11/2017	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang.
Từ 20/9/2016 đến 08/08/2019	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 18/09/2017 đến 01/02/2018	Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 29/04/2017 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
Từ 27/06/2019 đến 30/04/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/05/2021 đến nay	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách Ban điều hành (tiếp theo)



### Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

Phó Tổng giám đốc

**Giới tính:** Nam

**Năm sinh:** 1976

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kinh tế học

#### Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 07/1998 đến 12/2000	Làm việc tại XNXL2 - Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang
Từ 01/2000 đến 07/2007	Làm việc tại XNBT - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/7/2007 đến 01/7/2011	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO trực thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/07/2011 đến 01/08/2014	GĐ Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO trực thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/8/2014 đến 04/2017	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 04/2017 đến 02/2020	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 02/2020 đến 22/04/2022	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và kiêm Trưởng Ban Đầu tư và Quản lý dự án
Từ 04/2022 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang



### Ông Nguyễn Hữu Hiệp

Phó Tổng giám đốc

**Giới tính:** Nam

**Năm sinh:** 1971

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Thủy lợi

#### Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 09/1994 đến 03/1996	Nhân viên tại Sở thủy lợi TG
Từ 04/1996 đến 12/2002	Nhân viên kỹ thuật tại Xí nghiệp xây dựng thủy lợi
Từ 01/2003 đến 08/2005	Chuyên viên kế hoạch - P. Kế hoạch kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/08/2005	Phó giám đốc Trung tâm đầu tư và kinh doanh địa ốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 23/08/2005	Quyền giám đốc trung tâm đầu tư và kinh doanh địa ốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
Từ 03/2009 đến 06/2009	Trưởng phòng Kinh doanh - Tiếp thị tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 07/2009 đến 09/2009	Giám đốc đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 09/2009 đến 07/2012	Trưởng phòng đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 07/2012 đến 01/2014	TP. Kế hoạch - Đầu tư, kiêm Giám đốc Sàn GD BĐS tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 02/2014 đến nay	Phó Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách Ban điều hành (tiếp theo)



### Ông Nguyễn Hoài Bắc

Phó Tổng giám đốc

**Giới tính:** Nam

**Năm sinh:** 1978

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Thủy lợi



### Ông Nguyễn Ngọc Hùng

Phó Tổng giám đốc

**Giới tính:** Nam

**Năm sinh:** 1983

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản lý xây dựng

#### Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 12/2007 đến 06/2008	Nhân viên Kế hoạch Kinh doanh tại P.Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 07/2008 đến 02/2009	Phó trưởng phòng Kế hoạch -KD tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 03/2009 đến 02/2011	Trưởng phòng Sản xuất- vật tư Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 01/02/2011 đến 13/10/2013	Trưởng phòng Sản xuất- vật tư tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 14/10/2013 đến 13/03/2019	Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 26/12/2016 đến 13/03/2019	Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty Bê tông TICCO - Nhà máy Bê tông Tân Phước
Từ 14/03/2019 đến 31/12/2020	Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Từ 01/01/2021 đến 30/06/2022	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Từ 01/07/2022 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO

#### Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 01/06/2006	Nhân viên Kỹ thuật tại Xi nghiệp Bê tông - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/03/2007	Nhân viên Kỹ thuật tại Phòng Sản xuất - Vật tư Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 16/03/2009	Quản đốc Trạm tại Trạm sản xuất Bê tông tươi Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 18/02/2011	Quản đốc Xưởng tại Xưởng sản xuất Bê tông tươi Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 01/01/2012	Phó Trưởng phòng tại Phòng Kinh doanh - Tiếp thị Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 01/03/2013	Trưởng phòng tại Phòng Kinh doanh - Tiếp thị Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 01/05/2015	Phó Giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng Kinh doanh - Tiếp thị tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 13/02/2020 đến 31/12/2020	Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 01/01/2021 đến 30/06/2022	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 01/07/2022 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách Ban điều hành (tiếp theo)



### Bà Phạm Thị Xuân Lan

Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

**Giới tính:** Nữ

**Năm sinh:** 1983

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

#### Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 08/2006 đến 07/2010	Kế toán tổng hợp tại Chi nhánh Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD3
Từ 08/2010 đến 06/2013	Phó phòng kiêm phụ trách P. TCKT tại Chi nhánh Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD3
Từ 10/2013 đến 08/2016	Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH MTV Xây Dựng TICCO
Từ 09/2016 đến 12/2019	Nhân viên kiểm toán nội bộ tại Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Tiền Giang
Từ 01/2020 đến 02/2022	Phó trưởng ban Kiểm toán nội bộ tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 03/2022 đến 06/2023	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 07/2023 đến nay	Trưởng phòng TCKT tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang



### Bà Huỳnh Thị Mỹ Hương

Kế toán trưởng

**Giới tính:** Nữ

**Năm sinh:** 1991

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

#### Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 08/2014 đến 11/2018	Nhân viên kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 11/2018 đến 02/2022	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO
Từ 03/2022 đến 12/2022	Trưởng phòng Tài chính kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/2023 đến nay	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tiêu chí	Năm 2022		Năm 2023	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>663</b>	<b>100%</b>	<b>670</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	173	25,9%	189	28,2%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	117	17,5%	124	18,5%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	307	46,6%	298	44,5%
4	Lao động phổ thông	66	9,9%	59	8,8%
<b>II</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>663</b>	<b>100%</b>	<b>670</b>	<b>100%</b>
1	Nam	605	91,3%	609	90,9%
2	Nữ	58	8,7%	61	9,1%
<b>III</b>	<b>Theo thời hạn HĐLĐ</b>	<b>663</b>	<b>100%</b>	<b>670</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng dài hạn	663	100%	670	100%
2	Hợp đồng ngắn hạn	0	0%	0	0%

## Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Số lượng người lao động	659	673	663	670
Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng)	12.000.000	10.700.000	11.000.000	10.500.000



**"Chính sách nhân sự"**

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Chính sách nhân sự

#### Chính sách đào tạo:

Công ty có những tiêu chuẩn tuyển dụng rõ ràng để đảm bảo trình độ cho từng chức danh tuyển dụng. Bên cạnh đó, công ty luôn chú trọng trong công tác đào tạo, tập huấn giúp nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên trong Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

#### Chính sách về môi trường lao động:

Yếu tố “An toàn” là yếu tố được đặt lên hàng đầu tại TICCO. Theo đó, người lao động luôn được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ, được sử dụng các thiết bị máy móc, xe cơ giới đạt chuẩn. Bên cạnh đó, Công ty có các buổi đào tạo nhân viên trong vấn đề vận hành máy móc nhằm đảm bảo an toàn cho người và tài sản, tránh những rủi ro kỹ thuật không mong muốn. Đồng thời, tạo điều kiện duy trì một môi trường làm việc năng động, an toàn và thoải mái bằng các quy định về an toàn, vệ sinh lao động. Cùng với đó, công ty có tổ chức Công đoàn giúp đảm bảo quyền lợi của người lao động, đồng thời giúp quản lý mạng lưới an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị trực thuộc Công ty.



#### Chính sách tuyển dụng:

Công ty áp dụng nguyên tắc tuyển dụng công khai, minh bạch về chức danh, số lượng, tiêu chuẩn, thời điểm, địa điểm và kết quả tuyển dụng. Tất cả thông tin trên sẽ được đăng tải đầy đủ trên website Công ty, và những trang tuyển dụng uy tín nhằm giúp những người có nhu cầu dễ dàng tiếp cận. Bên cạnh đó, Công ty cũng đề cao vấn đề thực hiện các chương trình thu hút nhân tài, giữ chân những người có trình độ chuyên môn phù hợp.

#### Chính sách về lương, thưởng, đãi ngộ:

Các chỉ tiêu về thời gian cũng như quy chuẩn làm việc được TICCO đề ra và thực hiện nghiêm túc, minh bạch. Từ đó làm căn cứ để quyết định lương thưởng một cách phù hợp theo nguyên tắc thưởng phải đúng người, đúng cách, đúng công sức. Và Công ty luôn đảm bảo mức lương phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và công sức của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, ngoài ra, còn có phụ cấp ca đêm, nghỉ phép,... cũng được Công ty công bố công khai, rõ ràng và minh bạch. Công ty cũng duy trì những đãi ngộ cần thiết nhằm khích lệ tinh thần người lao động như: tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật tại chỗ, khám sức khỏe định kỳ, tài trợ đồng phục và bảo hộ lao động cùng các khoản trợ cấp khác như: trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, trợ cấp gửi con nhà trẻ; chế độ công tác phí, xe đưa rước công nhân viên, trợ cấp tiền xăng,...



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

### Các khoản đầu tư lớn

Tổng giá trị đầu tư năm 2023 là 185,5 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

- **Lĩnh vực BĐS:** 168,2 tỷ đồng
- **Lĩnh vực bê tông:** 16,4 tỷ đồng
- **Lĩnh vực xây dựng:** 925 triệu đồng







# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

## Các dự án lớn đã và đang thực hiện

### CỤM CÔNG NGHIỆP GIA THUẬN 1



Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thuê đất để xây dựng nhà máy sản xuất khi có nhu cầu
Quy mô dự án	50 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
Tổng mức đầu tư phê duyệt	307,083 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	5 năm. Đã quyết toán giai đoạn 1 dự án.

### CỤM CÔNG NGHIỆP GIA THUẬN 2



Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thuê đất để xây dựng nhà máy sản xuất khi có nhu cầu
Quy mô dự án	50 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
Tổng mức đầu tư phê duyệt	390,943 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	5 năm. Hiện đang hoàn thiện thiết kế hạ tầng kỹ thuật

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

## ĐƯỜNG NGUYỄN TRỌNG DÂN NỐI DÀI VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG



Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân có đất trong dự án, các khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu.
Quy mô dự án	7,61 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Phường 4 - xã Long Chánh, thị xã Gò Công
Tổng mức đầu tư phê duyệt	632,178 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	4 năm. Đã quyết toán dự án.

## ĐƯỜNG SỐ 4 VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG



Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, để tạo khu nhà ở chuyển nhượng cho khách hàng và người dân có nhu cầu xây dựng nhà
Quy mô dự án	18,3 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Phường 4, Phường Nhị Mỹ - Xã Long Khánh, Thị xã Cai Lậy
Tổng mức đầu tư phê duyệt	613.000 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	4 năm. Hiện đang hoàn thiện thiết kế hạ tầng kỹ thuật



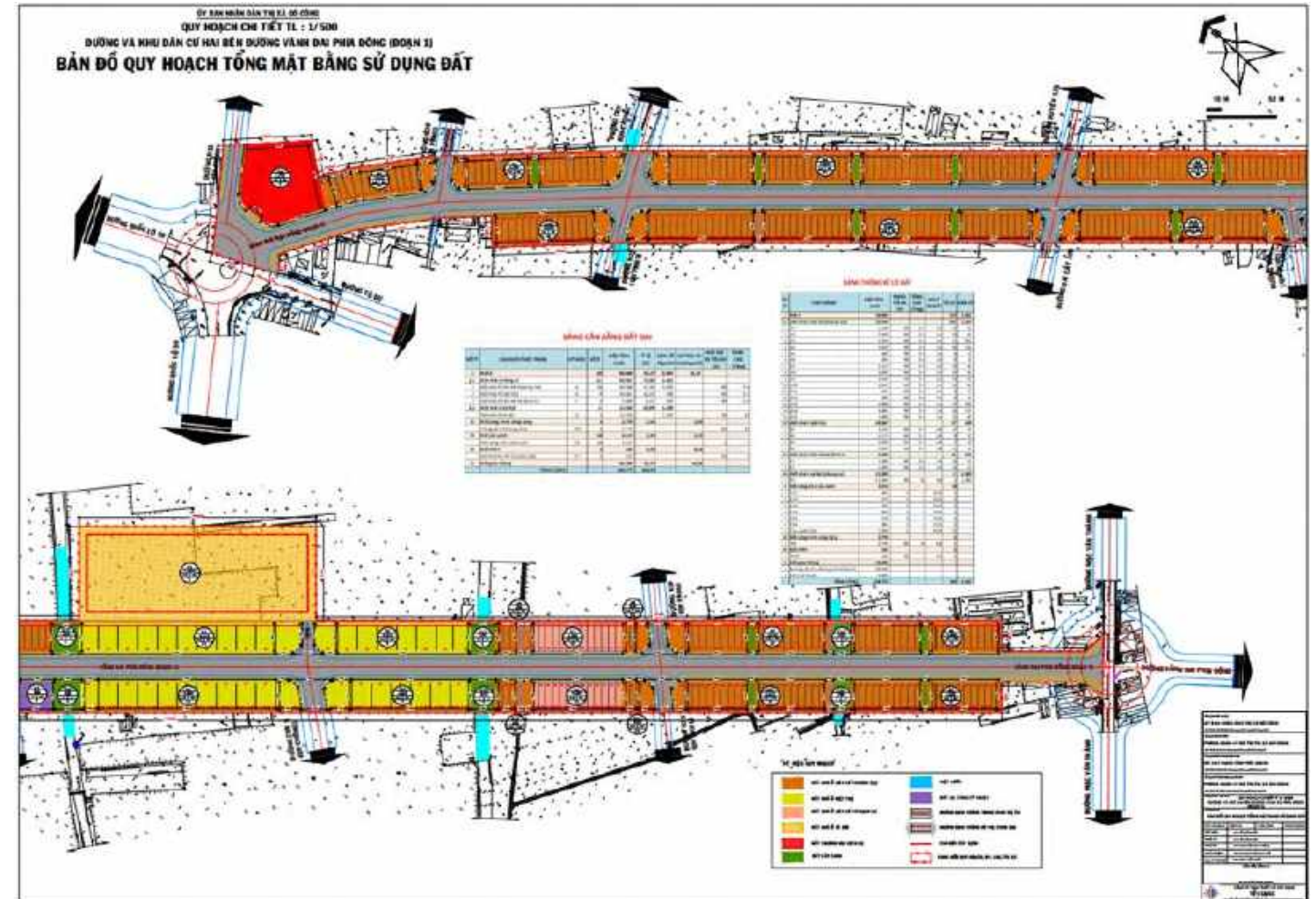
# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

## ĐƯỜNG D7 VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG



Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân có đất trong dự án, các khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu.
Quy mô dự án	6,15 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho
Tổng mức đầu tư phê duyệt	832,685 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	4 năm. Đang triển khai thi công hạ tầng kỹ thuật

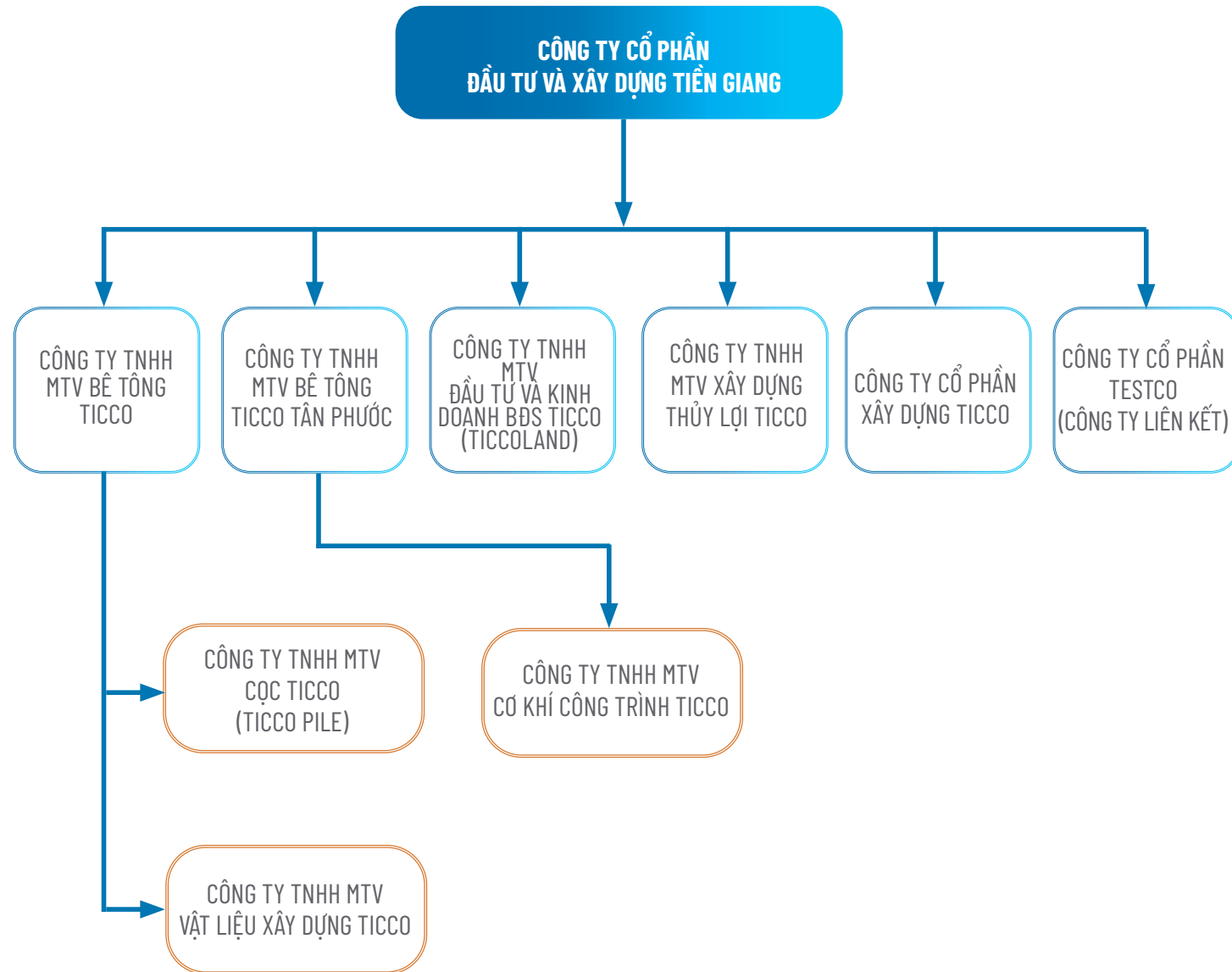
## ĐƯỜNG VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA ĐÔNG - ĐOẠN 1



Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân có đất trong dự án, các khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu.
Quy mô dự án	10,8775 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang
Tổng mức đầu tư phê duyệt	818,000 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	4 năm. Hiện đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

## Các công ty con, công ty liên kết



Với mô hình chuyên môn hóa theo từng mảng kinh doanh, mỗi công ty con liên kết đều là một mắt xích, đóng góp quan trọng trong hiệu quả hoạt động chung của Công ty.

Trong năm 2023, các Công ty con, liên kết đều ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định so với năm 2022, đóng góp to lớn vào sự tăng trưởng doanh thu chung của toàn Công ty.





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng/Giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.848.583	1.852.231	0,20%
2	Doanh thu thuần	1.648.053	1.669.780	1,32%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	375.089	381.797	1,79%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	178.979	147.890	-17,37%
5	Lợi nhuận khác	2.584	-607	-123,49%
6	Lợi nhuận trước thuế	181.564	147.283	-18,88%
7	Lợi nhuận sau thuế	143.908	118.835	-17,42%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.696	4.777	-16,13%
9	Vốn chủ sở hữu	641.737	688.474	7,28%



## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,38	1,33
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,68	0,59

Các chỉ tiêu về khả năng thanh khoản của TICC có sự sụt giảm. Trong đó, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm 0,05 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm 0,09 lần so với năm 2022, lần lượt đạt 1,33 và 0,59 lần. Nguyên nhân đến từ việc tăng nợ ngắn hạn có mức tăng 10,3% cao hơn mức tăng 6,09% của tài sản ngắn hạn, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc kết chuyển các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm dẫn đến sự gia tăng này và ảnh hưởng đến chỉ số. Bên cạnh đó, hơn 50% tài sản ngắn hạn của Công ty là Hàng tồn kho, do đó việc hàng tồn kho ghi nhận tăng 16,12% so với cùng thời điểm năm 2022 đã làm hệ số thanh toán nhanh sụt giảm nhanh hơn, việc hàng tồn kho tăng chủ yếu đến từ thành phẩm Bất động sản đã tăng 380,5% bao gồm đất nền và nhà thô thuộc dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, dự án Khu Nhà ở Thương mại xã Trung An, dự án Đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường và dự án Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và Khu dân cư hai bên đường. Các dự án trên đi vào hoạt động đã mang lại sự gia tăng trong Tổng tài sản của Công ty và mang lại tiềm năng tăng trưởng của TICC trong tương lai.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	65,28%	62,83%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	188,06%	169,03%

Với đặc thù ngành nghề sản xuất bê tông, kinh doanh bất động sản và xây dựng, TICC thường xuyên thực hiện các hoạt động đầu tư. Vì vậy, Công ty sử dụng cơ cấu nợ cao chiếm hơn 60% trên tổng tài sản. Tuy nhiên, nợ có sự giảm nhẹ trong cơ cấu nguồn vốn trong năm 2023, cụ thể là hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm lần lượt 2,45 và 19,03 điểm % so với năm 2022. Mức giảm trên đến từ việc cơ cấu lại các khoản nợ vay trong năm, cụ thể là nợ vay dài hạn giảm 44,23% và thực hiện kết chuyển sang nợ vay ngắn hạn và đã được thanh toán một phần khiến tổng nợ vay giảm 1,28% so với năm 2022. Bên cạnh đó, các khoản chi phí phải trả ngắn hạn cũng có sự giảm mạnh 59,98% so với cùng thời điểm do giảm các khoản ghi nhận về giá vốn trích trước của lĩnh vực kinh doanh bất động sản và chi phí thi công xây dựng công trình. Nhìn chung, việc giảm các khoản nợ trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động và môi trường kinh doanh chưa thật sự thuận lợi giúp TICC giảm các áp lực tài chính đồng thời có các kế hoạch linh hoạt hơn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (tiếp theo)

#### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	2,43	1,90
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,97	0,90

Xét về hệ số năng lực hoạt động, TICC0 ghi nhận mức giảm đối với hệ số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản, cụ thể lần lượt đạt 1,9 và 0,9 vòng so với 2,43 và 0,97 vòng của năm 2022. Sự suy giảm của vòng quay hàng tồn kho chủ yếu đến từ sự gia tăng trong hàng tồn kho cao hơn mức tăng so với giá vốn. Việc TICC0 đang dần hoàn tất các hạng mục công trình xây dựng dẫn đến thành phẩm Bất động sản đã tăng 380,5% so với cùng thời điểm năm 2022, bao gồm đất nền và nhà thô thuộc dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, dự án Khu Nhà ở Thương mại xã Trung An, dự án Đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường và dự án Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và Khu dân cư hai bên đường.

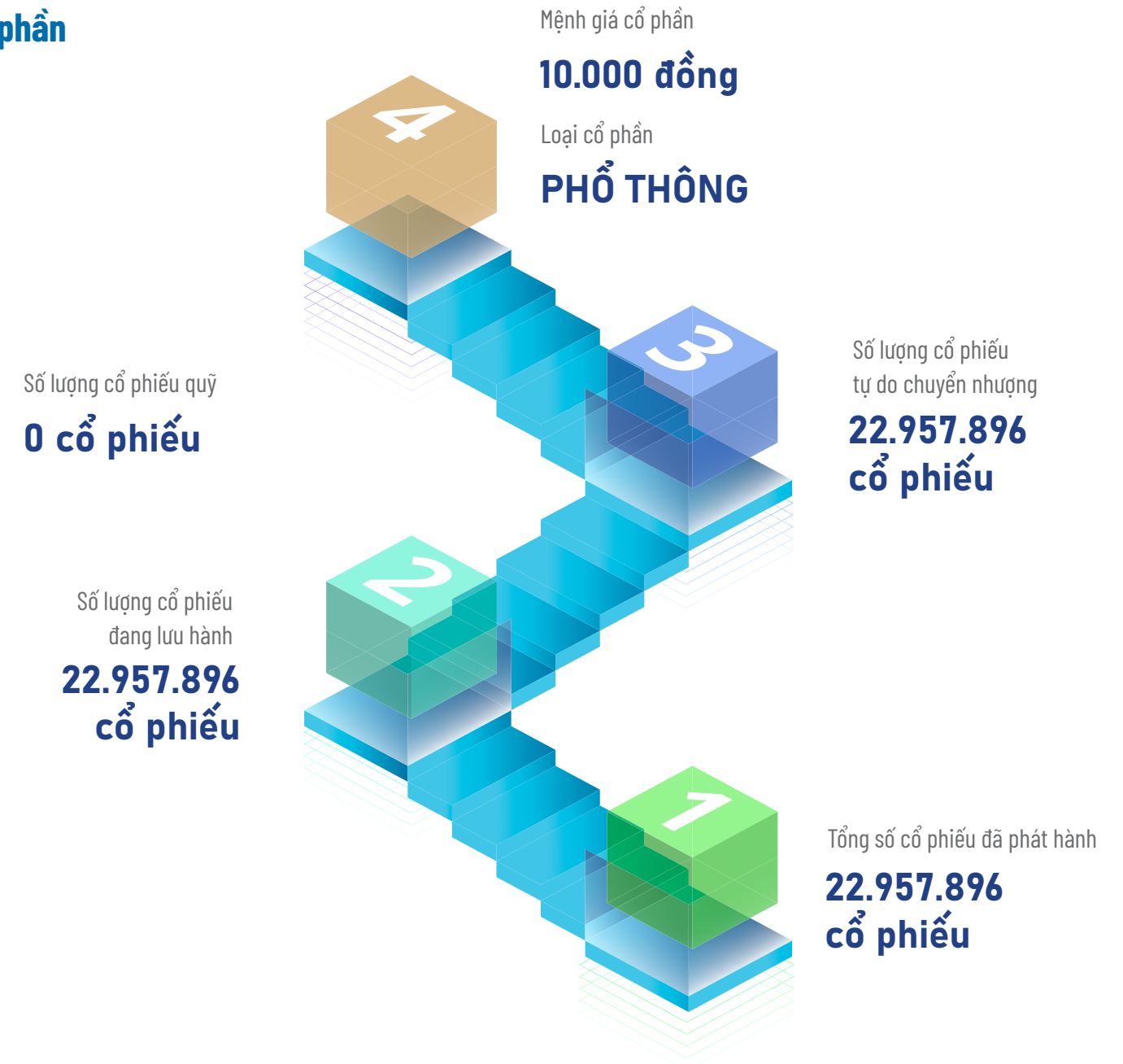
#### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,73%	7,12%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	24,55%	17,87%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,45%	6,42%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	10,86%	8,86%

Trong năm 2023, trước bối cảnh môi trường kinh doanh còn nhiều thách thức, sự phục hồi còn yếu ớt của lĩnh vực bất động sản và xây dựng, sự cạnh tranh của mảng kinh doanh bê tông, các hệ số về khả năng sinh lời của TICC0 hầu hết đều giảm. Cụ thể hệ số ROS, ROE, ROA và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần lần lượt đạt 7,12%; 17,87%, 6,42% và 8,86%.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần



### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2023, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 15%, từ đó nâng vốn điều lệ Công ty từ 199.638.930.000 đồng lên 229.578.960.000 đồng.

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

### Các chứng khoán khác

Không có



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

## Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Cơ cấu tỷ lệ sở hữu</b>	<b>22.957.896</b>	<b>229.578.960.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết)	-	-	0,00%
2	Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	22.957.896	229.578.960.000	100,00%
<b>II</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>
<b>III</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>22.764.857</b>	<b>227.648.570.000</b>	<b>99,16%</b>
1	Cá nhân	20.510.775	205.107.750.000	89,34%
2	Tổ chức	2.254.082	22.540.820.000	9,82%
<b>IV</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>193.039</b>	<b>1.930.390.000</b>	<b>0,84%</b>
1	Cá nhân	43.388	433.880.000	0,19%
2	Tổ chức	149.651	1.496.510.000	0,65%
	<b>Tổng cộng (III+IV)</b>	<b>22.957.896</b>	<b>229.578.960.000</b>	<b>100,00%</b>

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% (căn cứ theo Công văn 3437/UBCK-PTTT ngày 06/06/2022 về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang)

## Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Ngoài việc tập trung vào việc mở rộng thị phần và phát triển hoạt động kinh doanh, TICC0 cũng đặc biệt quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường. Doanh nghiệp tin rằng môi trường không chỉ là một mục tiêu riêng biệt mà còn là một phần không thể tách rời sự phát triển bền vững của công ty. Do đó, trong quá trình phát triển, TICC0 luôn xem xét và tính đến các yếu tố liên quan đến môi trường, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ các trách nhiệm xã hội mà doanh nghiệp cần phải thực hiện.

### Tác động lên môi trường

Khí nhà kính (KNK) là các loại khí có khả năng hấp thụ và phản xạ bức xạ hồng ngoại, được phát ra từ bề mặt Trái Đất khi tiếp xúc với ánh sáng mặt trời. Hiện tượng này tạo nên hiệu ứng nhà kính, góp phần tăng nhiệt độ trung bình của Trái Đất so với nếu không có KNK, với mức tăng khoảng 33°C. Tác động của KNK đối với nhiệt độ Trái Đất rất lớn, và các hoạt động xử lý chất thải rắn và nước thải cũng có thể tạo ra một lượng lớn KNK, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực hoạt động của Công ty và toàn cầu.

TICC0 nhận thức rõ vấn đề này và thực hiện các biện pháp xử lý chất thải theo đúng các quy định và chính sách về xử lý nước thải. Bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu quan trọng của Công ty, và do đó, TICC0 cam kết hạn chế và xử lý các hoạt động gây ra KNK một cách nghiêm túc và hiệu quả, tuân thủ đầy đủ quy định hiện hành.

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nhằm tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu, các khâu hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về sử dụng nguyên vật liệu đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí. Đồng thời tuân thủ quy định về xả thải hợp lý. Công ty cũng thực hiện định kỳ kiểm tra, sửa chữa máy móc, thiết bị nhằm tránh sự cố rò rỉ, gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

STT	Loại nguyên vật liệu	Tổng khối lượng sử dụng (ĐVT: tấn)
1	Cát vàng (mét khối)	1.199.924
2	Đá 1*2 (mét khối)	1.426.406
3	Đá mi (mét khối)	-
4	Thép các loại	1.587.952
5	Xi măng	262.431
6	Tro bay	24.677
7	Nhớt các loại (lít)	52.056



# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

## Tiêu thụ năng lượng

TICCO luôn tuân thủ nghiêm túc các cam kết bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định về môi trường tại từng địa bàn hoạt động của mỗi dự án. Đồng thời, doanh nghiệp không ngừng tuyên truyền và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho mỗi nhân viên trong tổ chức.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp luôn đánh giá và thực hiện các sáng kiến từ đội ngũ nhân viên liên quan đến việc tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. Những ý kiến này được ban lãnh đạo công ty ghi nhận và nghiên cứu để thực hiện nếu chúng có tính khả thi. Ví dụ, trong năm vừa qua, tổng lượng điện năng tiêu thụ của toàn công ty là 3.291.415 KWh, một con số mà công ty cố gắng cải thiện thông qua các biện pháp tiết kiệm năng lượng và tăng cường hiệu suất sử dụng. Tình hình tiêu thụ năng lượng cụ thể trong năm 2023 như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2023
1	Dầu DO	Lít	2.322.750
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	102.070.385.554
2	Xăng	Lít	22.949
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	797.519.130
3	Than đá	Kg	280.039
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	4.688.972.011
4	Gas	Kg	4.025
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	185.150.000
5	Điện	kwh	3.291.415
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	11.849.094.000

## Tiêu thụ nước

TICCO đảm bảo sử dụng nguồn nước một cách có hiệu quả và bền vững thông qua việc lên kế hoạch và chính sách phù hợp. Doanh nghiệp luôn chú trọng đến việc tránh lãng phí nước và ngăn chặn xả thải không cần thiết. Ban lãnh đạo thường xuyên kiểm tra việc thực hiện và bảo dưỡng hệ thống đường ống nước, đảm bảo chất lượng nước sạch, tránh lãng phí do rò rỉ hoặc hư hỏng hệ thống.

TICCO cũng cam kết sử dụng nguồn nước một cách có trách nhiệm và không gây ảnh hưởng đến nguồn nước của cộng đồng xung quanh. Công ty hạn chế việc xả thải ra môi trường, đặc biệt là các nguồn nước lân cận, nhằm bảo vệ môi trường và đảm bảo sinh kế của cả doanh nghiệp và cộng đồng xung quanh.

Trong năm vừa qua, lượng nước tiêu thụ của TICCO là 64.428 m<sup>3</sup>, doanh nghiệp cam kết tiếp tục duy trì và nâng cao các biện pháp tiết kiệm nước và bảo vệ nguồn nước trong tương lai.

STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng (m <sup>3</sup> )
1	Sản xuất	57.123
2	Sinh hoạt	7.305
Tổng cộng		64.428

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hoạt động bảo vệ môi trường của TICCO được thực hiện không chỉ từ những dự án lớn ngoài xã hội mà còn từ những quy định trong Công ty như không xả rác bừa bãi, các quy định về ý thức tự vệ sinh môi trường, nơi làm việc của nhân viên. Công ty quan niệm rằng hành động nhỏ của mỗi cá nhân sẽ tạo ra được đóng góp đáng kể cho công tác bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Bảo vệ môi trường cũng chính là bảo vệ sức khỏe của từng cá nhân, đồng thời giúp Công ty tránh được các rủi ro liên quan đến vấn đề pháp lý về môi trường.

Hoạt động của TICCO tuân thủ đúng với quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 và có những chính sách sửa đổi, cải tiến kịp thời phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Trong năm 2023, số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường của Công ty là không có.







# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

## Chính sách liên quan đến người lao động

TICCO luôn đề cao tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn chủ động xây dựng các chính sách quản trị nguồn nhân lực hợp lý, đảm bảo được các quyền lợi cơ bản đối với công nhân viên cùng những phúc lợi đãi ngộ tốt nhằm giữ chân nhân tài có chất lượng cao.

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tính đến 31/12/2023, tổng số người lao động của Công ty là 670 người với mức thu nhập trung bình là 10.500.000 đồng.

### Chính sách lương thưởng, phúc lợi, đào tạo và đảm bảo an toàn của người lao động:

Các chính sách về lương thưởng và điều kiện làm việc tại TICCO luôn được ban lãnh đạo xem xét và điều chỉnh định kỳ để tăng tính cạnh tranh và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời tạo động lực làm việc cho đội ngũ lao động, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách lương thưởng được xây dựng dựa trên Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, đảm bảo tính công bằng đối với mọi nhân viên. Quỹ lương được phân bổ dựa trên hiệu suất làm việc của từng cá nhân, cùng với việc tổ chức thưởng theo dự án, quý hoặc năm tùy thuộc vào hiệu suất làm việc so với kế hoạch công ty.

Công ty cũng quan tâm đến sức khỏe của nhân viên bằng việc tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm và cung cấp đầy đủ thiết bị bảo hộ để đảm bảo an toàn lao động trong quá trình sản xuất. Đồng thời, các buổi tập huấn và đào tạo định kỳ được tổ chức để nâng cao năng lực chuyên môn của nhân viên, từ đó giúp họ phát triển và đảm bảo được công việc phù hợp với trình độ và kỹ năng của mình.

### Về môi trường lao động:

TICCO luôn trang bị đầy đủ cho công nhân viên các thiết bị phòng hộ đảm bảo an toàn lao động khi tham gia quá trình sản xuất. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên tổ chức kiểm tra môi trường lao động hàng năm để phát hiện và khắc phục các yếu tố nguy hiểm đến sức khỏe và an toàn tính mạng của người lao động.

Về đào tạo, định kỳ, TICCO tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ nhân viên Công ty. Qua đó, đội ngũ lao động sẽ được phân công công việc phù hợp với trình độ và kỹ năng chuyên môn của từng cá nhân.

## Chính sách liên quan đến người lao động (tiếp theo)

### Hoạt động đào tạo người lao động:

STT	Phân loại	Số lượng CBCNV tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo trung bình
			(ĐVT: Giờ/ Người)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>111</b>	
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	109	13,84
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	2	13,84
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	-	-
4	Lao động phổ thông	-	-
<b>II</b>	<b>Theo hợp đồng lao động</b>	<b>111</b>	
1	Toàn thời gian	111	
2	Bán thời gian	-	-
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>111</b>	
1	Nam	91	
2	Nữ	20	
<b>Tổng cộng</b>		<b>111</b>	

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

TICCO luôn thực hiện việc trích lập một quỹ từ thù lao của Ban lãnh đạo và toàn bộ nhân viên để tham gia và đóng góp cho các chương trình thiện nguyện trong và ngoài địa bàn tỉnh Tiền Giang từ khi thành lập và phát triển đến nay. Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là nhiệm vụ hàng đầu và tiên quyết trong chính sách phát triển của Công ty.

Hằng năm, TICCO tham gia vào các chương trình thiện nguyện như trao quà, học bổng tại các Mái ấm tình thân, các xã phường và nơi có nhiều hoàn cảnh khó khăn cần được hỗ trợ. Đặc biệt, trong năm 2023, các hoạt động quyên góp và tình nguyện được tổ chức mạnh mẽ, với sự đóng góp cụ thể từ quỹ này, nhằm mang lại sự hỗ trợ và chia sẻ cho cộng đồng và những người gặp khó khăn.



## Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN



Hoạt động thị trường vốn xanh là một phương thức chiến lược để thúc đẩy tăng trưởng bền vững bằng cách khuyến khích các doanh nghiệp phát hành trái phiếu xanh và thúc đẩy việc xây dựng Báo cáo Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG). Qua đó, nó giúp cung cấp nguồn vốn cho các doanh nghiệp hướng tới các hoạt động sản xuất xanh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong tương lai.

TICCO, là một trong những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Xây dựng và niêm yết trên sàn HOSE, luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Pháp luật và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Doanh nghiệp không ngừng theo dõi và cập nhật các chính sách mới liên quan đến thị trường vốn xanh, nhằm xây dựng từng bước các chính sách hướng đến phát triển xanh, đảm bảo tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đồng thời hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.





## CHƯƠNG 3 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2023:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ % so với KH	Tăng, giảm so với 2022
1	Doanh thu thuần hợp nhất	1.648	1.669	1.670	100,1%	1,3%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	142,1	150	116,7	77,8%	-17,9%
3	Giá trị đầu tư	486,5	573	185,5	32,4%	-61,9%
4	Vốn điều lệ	199,6	229,6	229,6	100,0%	15,0%
5	Cổ tức/Vốn điều lệ	45%	40%			

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022			Năm 2023		
		Doanh thu thuần	Doanh thu có thuế	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Doanh thu có thuế	Lợi nhuận sau thuế
1	Lĩnh vực bất động sản và công ty Mẹ	373	410	101,7	227	246	53,5
2	Lĩnh vực bê tông	1.127	1.219	34,9	1.271	1.385	50,0
3	Lĩnh vực thi công xây dựng	419	454	10,6	342	373	12,1
	<b>Hợp cộng</b>	<b>1.920</b>	<b>2.083</b>	<b>147,2</b>	<b>1.841</b>	<b>2.004</b>	<b>115,7</b>
	<b>Hợp nhất</b>	<b>1.648</b>	<b>1.789</b>	<b>142,1</b>	<b>1.670</b>	<b>1.818</b>	<b>116,7</b>

## Nhận xét:

- Doanh thu năm 2023 đạt so với kế hoạch và tăng 1,3% so với năm 2022
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 77,8% so với kế hoạch và giảm 17,9% so với năm 2022
- Kết quả kinh doanh năm 2023 không đạt kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ có phần nguyên nhân do ảnh hưởng kinh tế thế giới, các chính sách thắt chặt tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp và sự điều hành chưa tốt của Ban Tổng giám đốc (TGD). Ban TGD nhận trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và mong muốn nhận được sự chia sẻ, đóng góp, ủng hộ để kết quả tốt hơn trong thời gian tới.

## Tình hình công tác tổ chức và nhân sự

- Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 670 người.
- Ban TGD gồm có 05 người
- Năm 2023 tiếp tục công tác luân chuyển đội ngũ trong hệ thống TICCO, đặc biệt là nhân sự trong lĩnh vực bê tông, tài chính, kế toán. Công tác đào tạo luôn chú trọng, các nhân sự được tham gia các lớp học về quản lý.
- Năm 2023 tiếp tục ứng dụng phần mềm chuyển đổi số cho công tác, đặc biệt là công tác quản lý dự án.
- Công tác tổ chức và nhân sự cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, các chế độ chính sách cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động luôn được chú trọng.

## Tình hình hoạt động của các lĩnh vực:

### Lĩnh vực bất động sản:

- Lĩnh vực bất động sản tiếp tục duy trì ổn định và đóng góp phần lớn vào hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện công tác bán hàng và xây thô dự án Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng.
- Thực hiện công tác đền bù hơn 95% và các thủ tục pháp lý dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường tại TP Mỹ Tho.
- Tiếp tục thực hiện các công tác liên quan đến đền bù dự án Đường số 4 và khu dân cư hai bên đường tại thị xã Cai Lậy.

### Lĩnh vực bê tông:

- Lĩnh vực bê tông tiếp tục giữ vững thương hiệu, thị trường, doanh số tuy nhiên hiệu quả chưa đạt so với kỳ vọng.
- Lĩnh vực bê tông tiếp tục đầu tư, cải tiến nhằm đối phó với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, giá nguyên liệu không ổn định.

## Tình hình công tác bán hàng, tài chính

- Tình hình tài chính công ty tiếp tục ổn định, tuân thủ các quy định, quy tắc quản lý doanh nghiệp và quản trị tài chính.
- Thực hiện tốt việc xác định nhu cầu vốn, tổ chức huy động vốn đáp ứng kịp thời, đủ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh.
- Tổ chức sử dụng vốn có hiệu quả, quản lý chặt chẽ chi phí, thu nhập và đảm bảo khả năng thanh toán. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp.
- Việc quản trị tài chính cần phải được chú trọng quan tâm hơn nữa để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh.

- Hoàn thành thực hiện các công tác chuyển mục đích sử dụng đất, rừng; công tác đền bù dự án CCN Gia Thuận 2 tại Gò Công Đông.
- Tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến xúc tiến đầu tư vào CCN Gia Thuận 1. Năm 2023 ghi nhận doanh thu với diện tích 1,3 ha dự án CCN Gia Thuận 1.
- Hoàn thành việc được UBND tỉnh chấp thuận là nhà đầu tư dự án Đường và khu dân cư hai bên đường Vành đai phía đông - đoạn 1 tại thành phố Gò Công.
- Thực hiện khảo sát, nghiên cứu, lập quy hoạch các dự án đầu tư bất động sản trên địa bàn Tiền Giang.

### Lĩnh vực xây dựng:

- Lĩnh vực thi công xây dựng được xác định là lĩnh vực hỗ trợ cho bất động sản và bê tông nên việc đầu tư mở rộng được duy trì có giới hạn. Năm 2022 thi công xây dựng đạt kế hoạch đề ra, góp phần hỗ trợ vốn cho bất động sản.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng/Giảm
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1.237.599</b>	<b>1.312.952</b>	<b>6,09%</b>
1	Tiền & các khoản tương đương tiền	221.286	216.604	-2,12%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.733	65.920	57,95%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	335.661	287.482	-14,35%
4	Hàng tồn kho	628.795	730.160	16,12%
5	Tài sản ngắn hạn khác	10.124	12.786	26,29%
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>610.984</b>	<b>539.278</b>	<b>-11,74%</b>
1	Tài sản cố định	338.960	305.206	-9,96%
2	Tài sản dở dang dài hạn	241.872	204.545	-15,43%
3	Bất động sản đầu tư	17.359	19.210	10,66%
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.848.583</b>	<b>1.852.230</b>	<b>0,20%</b>

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng giá trị tài sản tăng nhẹ 0,2% so với cùng thời điểm năm 2022, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm chủ yếu trên 70% trong cơ cấu tổng tài sản và có mức tăng 6,09%. Với đặc điểm kinh doanh của TICC có hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công các công trình xảy ra thường xuyên, do đó lượng hàng tồn kho của Công ty luôn chiếm tỷ trọng cao, trong năm lượng hàng tồn kho có sự gia tăng ở mức 16,12% so với cùng kỳ, chủ yếu là do sự gia tăng 380,5% so với năm 2022 trong chỉ tiêu thành phẩm Bất động sản, bao gồm đất nền và nhà thô thuộc dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, Dự án Khu Nhà ở Thương mại xã Trung An, Dự án Đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường và dự án Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và Khu dân cư hai bên đường. Các dự án trên đi vào hoạt động đã mang lại sự gia tăng trong Tổng tài sản của Công ty. Về mặt tài sản dài hạn, tại thời điểm cuối năm có sự sụt giảm 11,74% so với năm 2022, trong đó tài sản cố định và tài sản dở dang lần lượt giảm 9,96% và 15,43%, chủ yếu đến từ việc hoàn thành các hạng mục xây dựng tại Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 dẫn đến giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

## Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng/Giảm
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>1.206.846</b>	<b>1.163.756</b>	<b>-3,57%</b>
1	Nợ ngắn hạn	898.164	990.639	10,30%
2	Nợ dài hạn	308.683	173.117	-43,92%
<b>II</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>641.737</b>	<b>688.474</b>	<b>7,28%</b>
1	Vốn góp chủ sở hữu	199.639	229.579	15,00%
2	Quỹ đầu tư phát triển	159.810	188.592	18,01%
3	LNST chưa phân phối	267.415	252.867	-5,44%
	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.848.583</b>	<b>1.852.230</b>	<b>0,20%</b>

Về cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ trọng cao với tỷ lệ là 62,83% trên tổng nguồn vốn. Trong năm 2023, các khoản vay nợ ngắn hạn của Công ty có mức tăng 67,71% so với cùng thời điểm 2022, chủ yếu đến từ việc kết chuyển các khoản nợ dài hạn đến hạn trả, từ đó khiến nợ ngắn hạn tăng 10,3% trong khi đó khoản nợ dài hạn giảm mạnh 43,92%, góp phần giảm tổng nợ 3,57%. Ở chiều hướng ngược lại, vốn chủ sở hữu có mức tăng 7,28% so với thời điểm 31/12/2022, trong năm Công ty tiếp tục thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 15%, tương đương vốn góp của chủ sở hữu tăng 29.940 triệu đồng, bên cạnh đó Công ty cũng thực hiện trích lập quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đóng góp vào sự gia tăng của vốn chủ sở hữu.





## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tạo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị, bộ phận trong triển khai các DA của lĩnh vực kinh doanh BĐS và các DA đầu tư mở rộng sản xuất.
- Hỗ trợ các công ty con tạo mối quan hệ với chủ đầu tư. Quản lý, điều phối ứng vốn thi công chặt chẽ, kịp thời cho từng đơn vị thành viên.
- Chia sẻ và cập nhật thông tin kịp thời để giải quyết các chế độ, chính sách đãi ngộ lương, thưởng, phúc lợi, bảo hộ lao động cho người lao động trong hệ thống.
- Công tác đào tạo phát triển nghề nghiệp đối với lao động quản lý được thực hiện thường xuyên. Công tác kiểm toán nội bộ được thực hiện đầy đủ và định kỳ.



## Kế hoạch phát triển trong tương lai

### Nhận định tình hình

#### Lĩnh vực bất động sản:

- Tuy vẫn còn có những khó khăn nhất định nhưng tình hình thị trường bất động sản năm 2024 được dự báo sẽ tích cực hơn. Có thể kỳ vọng giai đoạn khó khăn nhất đã qua và thị trường sẽ bước vào chu kỳ dần hồi phục bởi những điểm sáng mới khi Luật Nhà ở (sửa đổi) và Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi) chính thức có hiệu lực, góp phần tạo lại niềm tin về một thị trường ổn định, an toàn. Sẽ không còn có các nguồn vốn như trước đây khiến cho thị trường bùng nổ nhưng những chính sách cân đối, định hướng dòng tiền vào các phân khúc bất động sản phù hợp với nhu cầu, khả năng chi trả của người dân kỳ vọng sẽ giúp thị trường bất động sản hồi phục.

- Nhu cầu về bất động sản công nghiệp vẫn còn rất lớn, đặc biệt là nhu cầu về các kho nhiều tầng đa dụng và nhà xưởng xây sẵn, đây là thị trường có nhiều triển vọng khi sản xuất phục hồi và tiềm năng lớn từ dòng vốn FDI. Bên cạnh các lợi thế, điểm mạnh của khu công nghiệp, các chủ đầu tư khu công nghiệp cần phải tung ra các chính sách hấp dẫn để thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn và để cạnh tranh với các khu công nghiệp khác. Đã có nhiều yêu cầu khảo sát từ các nhà sản xuất, thương mại điện tử, logistics đa quốc gia, tạo ra sức cầu mạnh mẽ cho thị trường bất động sản công nghiệp trong năm 2024 và các năm tới.

#### Lĩnh vực bê tông:

Năm 2024, Chính phủ đã và đang quyết liệt chỉ đạo thúc đẩy đầu tư công. Điều này đồng nghĩa với việc tăng nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng, bê tông cốt thép, bê tông tươi, dầm cầu, ống cống... đặc biệt là ở những vùng có yêu cầu thoát lũ, vùng đất yếu. Ngành vật liệu xây dựng, bê tông có thể tăng tốc trở lại khi nhu cầu mới tăng cao.

Tuy nhiên, tình hình nguyên vật liệu đầu vào khả năng sẽ tiếp tục tăng. Sự ra đời của nhiều doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề cũng đang tạo ra thị trường cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt là sản phẩm bê tông tươi. Bản thân Công ty cần tăng cường khâu marketing, mở rộng thị trường để tăng tiêu thụ sản phẩm.

#### Lĩnh vực xây dựng:

Trong bối cảnh đầu tư công tiếp tục sứ mệnh là động lực tăng trưởng cho năm 2024, tạo ra đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế, tác động lan tỏa tới các ngành nghề, các dự án lớn đã và đang được các bộ ngành triển khai. Điều này sẽ giúp cho lĩnh vực xây dựng được hưởng lợi lớn trực tiếp, đảm bảo được tình hình việc làm cho lĩnh vực này trong năm.



# Kế hoạch phát triển trong tương lai

## Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024

### Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng, giảm so với TH 2023
1	Doanh thu thuần hợp nhất	1.670	1.745	4,5%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	116,7	122	4,5%
3	Giá trị đầu tư	185,5	490	164,2%
4	Vốn điều lệ	229,6	252,5	10,0%
5	Cổ tức/Vốn điều lệ	Dự kiến 40%	Dự kiến 40%	-

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024		
		Doanh thu thuần	Doanh thu có thuế	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Doanh thu có thuế	Lợi nhuận sau thuế
1	Lĩnh vực bất động sản và công ty Mẹ	227,0	246,0	53,5	253,0	272,0	58,5
2	Lĩnh vực bê tông	1.271,0	1.385,0	50,0	1.331,0	1.464,0	55,0
3	Lĩnh vực thi công xây dựng	342,0	373,0	12,1	444,0	486,0	13,3
<b>Hợp cộng</b>		<b>1.841,0</b>	<b>2.004,0</b>	<b>115,7</b>	<b>2.028,0</b>	<b>2.222,0</b>	<b>126,8</b>
<b>Hợp nhất</b>		<b>1.670,0</b>	<b>1.818,0</b>	<b>116,7</b>	<b>1.745,0</b>	<b>1.910,0</b>	<b>122,0</b>

## Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2024

### Về tổ chức nhân sự:

Tiếp tục rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp. Tiếp tục phân công quyền hạn và trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên trong Ban TGD. Tiếp tục đào tạo, luân chuyển đội ngũ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Xây dựng bộ máy tổ chức công ty tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động phát triển.

### Về công tác tài chính:

Tiếp tục tăng cường công tác về quản trị tài chính, thực hiện nâng cao năng lực tài chính, tái cấu trúc nguồn vốn hoạt động để đáp ứng mục tiêu phát triển của công ty. Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí sản xuất kinh doanh. Điều chỉnh, bổ sung các quy chế về tài chính phù hợp với yêu cầu phát triển.

### Về triển khai thực hiện và kinh doanh các dự án:

Nghiên cứu sắp xếp đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án. Chủ động, phối hợp với các Sở ban ngành để giải quyết các vấn đề về thủ tục đầu tư, công tác quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, công tác bồi thường, báo cáo đánh giá tác động môi trường... Tăng cường công tác tiếp thị, bán hàng và xúc tiến đầu tư vào các dự án.

### Về lĩnh vực bất động sản:

Hoàn thành công tác thi công hạ tầng dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường, tiến hành thi công nhà thô và đưa vào kinh doanh; Hoàn thành cơ bản hạ tầng và đưa vào kinh doanh dự án CCN Gia Thuận 2; Tiếp tục xúc tiến đầu tư vào CCN Gia Thuận 1; Tiếp tục công tác liên quan đến đền bù dự án Đường số 4 và khu dân cư hai bên đường; Thực hiện các công tác liên quan đến đền bù dự án Đường và khu dân cư hai bên đường Vành đai phía đông - đoạn 1. Tiếp tục các công tác liên quan đến việc đấu thầu các dự án đã nghiên cứu và quan tâm...

### Về lĩnh vực bê tông:

Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư, cải tiến nhằm đối phó với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, giá nguyên liệu không ổn định. Tập trung thu hồi công nợ. Ứng dụng chuyển đổi số vào công tác sản xuất và bán hàng. Tiếp tục thực hiện công tác đầu tư đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Tiếp tục nghiên cứu thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy bê tông 20 ha.

### Về lĩnh vực thi công xây dựng:

Tăng cường công tác tìm việc các công trình dự án vốn đầu tư công. Đầu tư thêm thiết bị thi công, đặc biệt là thi bị thi công cọc ván bê tông dự ứng lực. Phấn đấu tăng doanh thu và lợi nhuận

**Thực hiện triển khai các công tác liên quan đến chuyển đổi số và các ứng dụng công nghệ mới.**

## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



### Quản lý nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào trong hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu là nguồn tài nguyên hữu hạn như: thép, cát, đá, xi măng. Do đó, việc sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu đầu vào, tránh gây lãng phí là một trong những mục tiêu hàng đầu trong công cuộc phát triển bền vững của Công ty nói riêng và mục tiêu bảo vệ môi trường cộng đồng nói chung. Công ty tập trung đầu tư các hệ thống cân đo hiện đại đảm bảo độ chính xác tỷ lệ các nguồn nguyên liệu trong quá trình sản xuất các sản phẩm bê tông, đồng thời thường xuyên kiểm tra giám sát hệ thống trạm trộn, xe bồn và các công trình thi công nhằm tránh gây thất thoát nguồn nguyên liệu. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuyên truyền nhắc nhở các cán bộ người lao động toàn Công ty nâng cao ý thức tiết kiệm và ủng hộ các sáng kiến giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, không gây tác hại đến môi trường.

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



### Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng chính của công ty là: Điện và xăng dầu. Hoạt động tiêu thụ năng lượng của Công ty luôn được kiểm soát và áp dụng các biện pháp thi công, sản xuất tiên tiến đạt được mức tiết kiệm năng lượng tối đa, nhằm sử dụng hiệu quả và mang lại giá trị cao nhất cho sản phẩm. Hàng năm công ty có tổng kết phong trào phát huy sáng tạo tiết kiệm năng lượng.



### Tiêu thụ nước

Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án đều được thu gom và xử lý, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra hệ thống thải nước chung trong khu vực thực hiện công trình, dự án.



### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty tuân thủ các quy định về môi trường nên trong quá trình sản xuất kinh doanh, xây dựng và thi công công ty không bị vi phạm và không bị xử phạt về vi phạm môi trường, định kỳ cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường cũng như công tác phòng cháy chữa cháy của Công ty.

## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động



Đối với TICCO, lực lượng lao động là nguồn tài sản lớn nhất mà Công ty có. Do đó, Công ty luôn chú trọng trong việc nghiên cứu, cải tiến các chính sách đối với người lao động, đảm bảo toàn thể nhân viên của Công ty được hưởng đầy đủ các lợi ích, quyền lợi theo quy định của Pháp luật. Chính sách lương thưởng, đãi ngộ được Công ty thực hiện dựa trên tiêu chí công khai, minh bạch, đảm bảo người lao động được hưởng mức đãi ngộ tương xứng với thành quả mà họ tạo ra. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty tạo điều kiện hết mình để người lao động có thể tổ chức các hoạt động đoàn thể, giải trí ngoại khóa nhằm giải tỏa căng thẳng sau những ngày làm việc mệt mỏi, gia tăng sức mạnh đoàn kết trong nội bộ Công ty.

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương




Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất, TICCO đóng góp tích cực vào các hoạt động an sinh xã hội tại cộng đồng địa phương. Công ty thường xuyên phối hợp với các đơn vị địa phương tổ chức các hoạt động thiện nguyện như thăm hỏi, phát quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cựu chiến binh, những người có công với Cách mạng, những học sinh nghèo vượt khó trong học tập, ... Bên cạnh đó, lấy công tác xã hội là cầu nối để doanh nghiệp gắn kết, chia sẻ với cộng đồng; kết nối toàn thể nhân viên, gia tăng tinh thần tương thân tương ái trong nội bộ.

Đối với cổ đông, Công ty luôn minh bạch hóa các hoạt động kinh doanh, thường xuyên cập nhật thông tin nhằm củng cố niềm tin và thúc đẩy mối quan hệ giữa công ty với nhà đầu tư thành một khối thống nhất vững chắc.

Thông qua các hoạt động nêu trên, Công ty đã được các cấp chính quyền công nhận thành tích đóng góp và biểu dương hàng năm, đồng thời tạo được hình ảnh tốt đẹp đối với cộng đồng và thương hiệu uy tín trên thị trường.





## CHƯƠNG 4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023, mặc dù nền kinh tế vẫn đang dần phục hồi nhưng tốc độ vẫn còn chậm, mặc dù nhà nước đã đẩy mạnh đầu tư công, ngành xây dựng có chuyển biến tích cực, song nhìn chung dòng tiền lưu thông trong nền kinh tế vẫn chưa mạnh mẽ. Thị trường chung đã âm ỉ, thị trường bất động sản còn âm ỉ hơn, mặc dù đã có nhiều chính sách, sửa đổi luật nhằm hỗ trợ cho thị trường bất động sản, nhưng cú sốc từ bong bóng bất động sản vẫn chưa phục hồi. Về thị trường bê tông, tại địa bàn hoạt động của TICCÓ xuất hiện nhiều doanh nghiệp sản xuất bê tông tươi, gây áp lực cạnh tranh về giá, cộng thêm giá nguyên liệu đầu vào cao lại càng thêm khó khăn về mặt chi phí.

Trước bối cảnh đó, bằng sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Công ty cùng sự nỗ lực của toàn thể các cán bộ, người lao động, Doanh thu thuần hợp nhất của TICCÓ đạt 1.669 tỷ đồng (tăng 1,32% so với năm 2022), Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Công ty mẹ đạt 116,7 tỷ đồng (giảm 17,92% so với năm 2022), lần lượt đạt 100,05% và 77,92% kế hoạch năm 2023.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	TH 2023/KH 2023	% Tăng/Giảm so với năm 2022
1	Doanh thu thuần	1.648,05	1.669,00	1.669,78	100,05%	1,32%
2	Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất Công ty mẹ)	142,9	150	116,7	77,92%	-17,92%
3	Giá trị đầu tư	486,5	573	185,55	32,38%	-61,18%
4	Cổ tức (%)	45%	40%	-	-	-

## Về công tác đầu tư

Tổng giá trị đầu tư năm 2023 là 185,55 tỷ/ KH 573 tỷ, đạt 32,38%. Cụ thể như sau:

- **Lĩnh vực BĐS:** Giá trị đầu tư năm 2023 là 168,2 tỷ đồng.
- **Lĩnh vực bê tông:** 16,4 tỷ đồng.
- **Lĩnh vực xây dựng:** 925 triệu đồng.

## Về cổ tức

Tạm ứng cổ tức năm 2023 đợt 1 đã thực hiện là 10% (tháng 01/2024), tháng 4/2024 thực hiện tạm ứng cổ tức 10% bằng tiền mặt, lũy kế là 20%. Mức cổ tức năm 2023 sẽ được trình ĐHĐCĐ là 40%.

## Về kế hoạch tăng vốn điều lệ

Trong năm 2023, TICCÓ thực hiện tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023, cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ đã đăng ký: 199.638.930.000 đồng.
- Vốn điều lệ mới: 229.578.960.000 đồng.
- Thời điểm thay đổi vốn: 13/07/2023.
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022.

## Về hoạt động quản trị, môi trường và phát triển bền vững

HDQT tiếp tục nâng cao quản trị doanh nghiệp và định hướng các chính sách phát triển bền vững. rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp.

Đối với TICCÓ, sự phát triển của Công ty gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng xã hội. Vì vậy, Công ty luôn chủ động cập nhật và tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách liên quan đến môi trường và an sinh xã hội do cơ quan Nhà nước ban hành. Đồng thời, chủ động tổ chức và tham gia các hoạt động thiện nguyện, góp một phần công sức vào sự phát triển chung của cộng đồng. Kết thúc năm 2023, nhờ sự đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên, TICCÓ không vi phạm bất kỳ lỗi nào liên quan đến môi trường.





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Về hoạt động của Tiểu ban hỗ trợ phát triển và Ban kiểm toán nội bộ

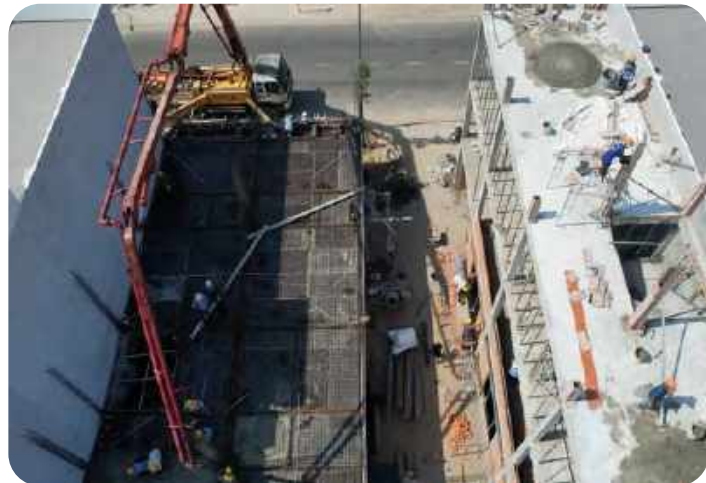
#### Hoạt động của Tiểu ban Hỗ trợ phát triển:

- Các hoạt động hỗ trợ Công ty về tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2023;
- Hỗ trợ cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty về hoạch định công tác tài chính, nhân sự, tiền lương và chuyển đổi số;
- Hỗ trợ phát triển dự án, hoạch định chiến lược nguồn vốn và thực hiện các dự án của Công ty;
- Hoạch định kế hoạch tăng vốn và chiến lược phát triển các Công ty thành viên.

#### Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

- Thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch. Theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động SXKD và các chỉ tiêu trên BCTC của các Công ty trong hệ thống TICCO.
- Phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty, rà soát, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các quy định quản trị nội bộ của Công ty.
- Công tác giám sát hoạt động tài chính, kế toán: Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ, hệ thống thông tin kế toán và lập sổ sách kế toán được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.
- Hỗ trợ, tham vấn các công tác về tài chính, nghiệp vụ chuyên môn; Tham vấn, góp ý xây dựng các quy chế nội bộ của Công ty.
- Phối hợp với Kiểm toán độc lập trong công tác kiểm kê tài sản, nguyên vật liệu, thành phẩm, khối lượng dở dang phục vụ công tác soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.
- Thẩm tra quyết toán dự án đầu tư.

Trong năm 2023, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và đem lại hiệu quả cho Công ty. Các thành viên HĐQT được đánh giá tốt, chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình, có đóng góp thiết thực, hiệu quả. Các ý kiến đóng góp đề xuất được ghi nhận và triển khai. HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình về quản trị Công ty, ngày càng nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động quản trị. Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng trình tự thủ tục, đảm bảo số lượng các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt sự đồng thuận cao. Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành 94 Nghị quyết. Các Nghị quyết của HĐQT luôn sát với mục tiêu kế hoạch, kiểm soát tình hình thực tế, đưa ra những giải pháp phù hợp để đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc được thực hiện căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, thông qua các hoạt động sau:

Hội đồng quản trị luôn rà soát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông đề ra tại các cuộc họp trong năm và thông qua các Nghị quyết để Tổng giám đốc và Ban điều hành làm cơ sở triển khai thực hiện;

Ban Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng quý để có giải pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều được báo cáo, phân tích và giải quyết kịp thời;

Tổ chức họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh để có biện pháp chỉ đạo kịp thời. Giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thường xuyên tổ chức hội ý và trao đổi trong công tác quản lý điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và xử lý các tồn tại, khó khăn vướng mắc trong mọi hoạt động của công ty





## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Về chiến lược phát triển:** Tiếp tục tập trung đầu tư vào lĩnh vực chính là kinh doanh bất động sản và hạ tầng khu/cụm công nghiệp; sản xuất kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn. Xây dựng chiến lược phát triển phù hợp giai đoạn 2022 - 2026.

**Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới đề ra kế hoạch định hướng phát triển Công ty cho giai đoạn từ 2022 - 2026 với các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu như sau:**

- Doanh thu: tăng trưởng 10% hàng năm;
- Lợi nhuận sau thuế: 150 - 200 tỷ đồng/năm;
- Cổ tức: 40-50% hàng năm;
- Vốn điều lệ: đến năm 2026 đạt hơn 300 tỷ đồng;
- Giá trị đầu tư 2022-2026: hơn 3.000 tỷ đồng.

**Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024:**

- Doanh thu thuần hợp nhất: 1.745 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 122 tỷ đồng, phần đầu 140 tỷ đồng;
- Tổng giá trị đầu tư: 490 tỷ đồng;
- Cổ tức: 40%

**Tiếp tục nâng cao công tác quản trị và phát triển bền vững:** Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị Công ty, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất làm việc. Tiếp tục rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp. Tăng cường công tác quản trị và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ và Tiểu ban hỗ trợ phát triển.

**Các giải pháp thực hiện mục tiêu:**

**Định hướng đầu tư:**

Phát huy các lợi thế sẵn có của công ty để tăng doanh thu và lợi nhuận trên các mảng kinh doanh chủ yếu của công ty, đặc biệt là mảng kinh doanh Bất động sản và Bê tông. Xây dựng và quản lý chặt chẽ kế hoạch tài chính gắn liền với chiến lược phát triển của doanh nghiệp, phát triển công ty theo mô hình năng động, linh hoạt tập trung vào các ngành nghề cốt lõi, có lợi thế của TICCO. Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao. Tập trung củng cố phát triển mặt hàng chủ lực của Công ty, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường.

Từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có các định hướng đầu tư như sau:

- Về kinh doanh bất động sản: đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, văn phòng, kho xưởng cho thuê và bất động sản căn hộ.
- Về kinh doanh bê tông: sẵn sàng đầu tư thích đáng theo yêu cầu để mở rộng địa bàn, thị phần kinh doanh, tăng năng lực cung ứng và phát triển thêm sản phẩm mới. Xây dựng thêm nhà máy bê tông và các trạm bê tông vệ tinh.
- Về thi công xây dựng: duy trì củng cố trên nền tảng hiện hữu

**Công tác quản trị và nhân sự:**

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị và phát triển bền vững: Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất làm việc. Tiếp tục rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp. Tăng cường công tác quản trị và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ và Tiểu ban hỗ trợ phát triển.

- Lựa chọn nhân sự có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách quy hoạch nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân sự kế thừa. Thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực gắn liền với đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động, xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, thực hiện các chính sách đãi ngộ nhân viên.

- Tái cấu trúc bộ máy tổ chức Công ty tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động Công ty cổ phần và xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường.

**Các giải pháp thực hiện mục tiêu (tiếp theo):**

**Công tác tài chính:**

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình quản lý tài chính kế toán, nợ phải thu phải trả, củng cố hoàn thiện bộ máy kế toán để quản lý tốt nguồn vốn. Rà soát lại các nguồn vốn để xây dựng kế hoạch sử dụng vốn trong thời gian tới.
- Thường xuyên tiến hành phân tích hoạt động tài chính để đánh giá về thực trạng tài chính của Công ty. Thực hiện tốt việc tiết kiệm trong quản lý, giảm chi phí đầu vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ để tăng cường tính cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Tăng cường việc mời gọi, huy động và tiếp cận các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, sử dụng hợp lý nguồn vốn đã được huy động và quản lý chặt chẽ nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.
- Tăng cường công tác về quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với các thông tin minh bạch, chính xác. Tái cấu trúc nguồn vốn hoạt động để đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty.
- Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí sản xuất kinh doanh.

**Công tác khác:**

- Tăng cường dân chủ thông qua tất cả các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên để xây dựng Công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp và con người trong xã hội hiện đại.
- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; coi trọng công tác thi đua khen thưởng với ý nghĩa là động lực quan trọng trong quá trình cống hiến và sáng tạo của mỗi con người trong tập thể TICCO.
- Lấy công tác xã hội là cầu nối để doanh nghiệp gắn kết, chia sẻ với cộng đồng để cùng phát triển. Với sự chung tay của toàn thể nhân viên, TICCO thường xuyên tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ cộng đồng bằng tinh thần tương thân tương ái.
- Việc đầu tư kinh doanh của Công ty đặc biệt tuân thủ các Quy định và luật về môi trường do chính phủ ban hành.
- Minh bạch hóa các hoạt động kinh doanh, cập nhật thông tin thường xuyên nhằm củng cố niềm tin và thúc đẩy mối quan hệ

giữa doanh nghiệp với nhà đầu tư thành một khối thống nhất vững chắc.

- Ứng dụng công nghệ và đẩy nhanh chuyển đổi số trong doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển. Chuyển đổi số là ưu tiên chiến lược bậc nhất, là vấn đề sống còn của Công ty ngay từ bây giờ và phải có được những kết quả quan trọng trong một hai năm tới đây. Biến đổi phương thức tư duy và cách làm hiện tại sang một cách làm hoàn toàn khác biệt để chớp lấy các cơ hội tăng trưởng bền vững thông qua đổi mới sáng tạo. Có thể thay thế một phần hoặc hoàn toàn một vài bộ phận của Công ty và cách thức vận hành để thu được nhiều giá trị hơn với chi phí được tối thiểu hóa. Để thay đổi diễn ra cần có sự cam kết thống nhất toàn diện từ Ban TGD đến từng phòng ban chức năng, lập Ban Chuyển đổi số TICCO (TICCO Digital). Liên tục theo dõi các xu thế, liên tục thử nghiệm, thích nghi.

- Liên tục đào tạo, đào tạo lại và trang bị cho đội ngũ nhân viên kỹ năng phối hợp hiệu quả với công nghệ mới trong công việc. Đầu tư cho tự học và khuyến khích tự học, lập quỹ khen thưởng cho những thành tích trong tự học.



An aerial photograph of a construction site. In the center, there are several tall, yellow cylindrical silos. To the left, there are large piles of grey material, likely cement or sand. Several concrete mixer trucks are parked on the site. In the background, there are green fields, some buildings, and a body of water. The foreground shows a road with a person riding a motorcycle.

## CHƯƠNG 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thành phần cơ cấu Hội đồng quản trị

Tính đến ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Hoàng Huân	Chủ tịch HĐQT	1.055.697	4,60%
2	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch HĐQT	1.122.340	4,89%
3	Ông Vũ Huy Giáp	Thành viên HĐQT	1.035.005	4,51%
4	Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT không điều hành	844.530	3,68%
5	Bà Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên độc lập HĐQT	35.670	0,16%
6	Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên độc lập HĐQT	78	0,00%



### Ông Trần Hoàng Huân

Chủ tịch HĐQT

**Giới tính:** Nam

**Năm sinh:** 1969

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Thủy nông

**Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Không có

**Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Không có



### Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

Phó Chủ tịch HĐQT

**Giới tính:** Nam

**Năm sinh:** 1976

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế học

**Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Không có

**Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:**

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO;

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước.



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thành phần cơ cấu Hội đồng Quản trị (tiếp theo)



### Ông Vũ Huy Giáp

Thành viên HĐQT

**Giới tính:** Nam

**Năm sinh:** 1977

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Không có

**Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Không có



### Bà Nguyễn Thị Hương

Thành viên HĐQT không điều hành

**Giới tính:** Nữ

**Năm sinh:** 1958

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Sinh - KT Nông nghiệp

**Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Không có

**Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Không có



### Bà Nguyễn Thị Trúc Giang

Thành viên độc lập HĐQT

**Giới tính:** Nữ

**Năm sinh:** 1982

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Trung cấp kế toán

**Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Không có

**Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Không có



### Ông Phạm Văn Hậu

Thành viên độc lập HĐQT

**Giới tính:** Nam

**Năm sinh:** 1987

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kế toán

**Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác:** Không có

**Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:**

- Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Xây dựng Gia Thy;
- Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi;
- Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân.



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thay đổi trong Hội đồng quản trị năm 2023

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị không có sự thay đổi nào.

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có 2 tiểu ban trực thuộc bao gồm: Tiểu ban hỗ trợ phát triển và Ban kiểm toán nội bộ. Hoạt động của 2 tiểu ban trong năm 2023 như sau:

### Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

- Thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch. Theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động SXKD và các chỉ tiêu trên BCTC của các Công ty trong hệ thống TICCOC.
- Phối hợp thẩm tra báo cáo quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành.
- Xem xét tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cảnh báo rủi ro, phối hợp với các phòng ban chuyên môn đề xuất, khuyến nghị những giải pháp xử lý, sửa đổi phù hợp.
- Phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các quy định quản trị nội bộ của Công ty.
- Tham vấn, góp ý công tác quản lý tài chính, nghiệp vụ kế toán, góp ý xây dựng các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
- Phối hợp với Kiểm toán độc lập trong công tác kiểm kê tài sản, nguyên vật liệu, thành phẩm, khối lượng dở dang phục vụ công tác soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

### Hoạt động của Tiểu ban hỗ trợ phát triển:

- Các hoạt động hỗ trợ Công ty về tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2023;
- Hỗ trợ cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty về hoạch định công tác tài chính, nhân sự, tiền lương và chuyển đổi số;
- Hỗ trợ phát triển dự án, hoạch định chiến lược nguồn vốn để thực hiện các dự án của Công ty;
- Hoạch định kế hoạch tăng vốn và chiến lược phát triển các Công ty thành viên.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Hoàng Huân	17	100%
2	Nguyễn Thanh Nghĩa	17	100%
3	Vũ Huy Giáp	17	100%
4	Nguyễn Thị Hương	17	100%
5	Nguyễn Thị Trúc Giang	17	100%
6	Phạm Văn Hậu	17	100%

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị có tổ chức 17 cuộc họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	23/02/2023	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền mặt cho Cổ đông	100%
2	02/NQ-HĐQT	23/02/2023	Chốt danh sách Cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023	100%
3	03/NQ-HĐQT	24/02/2023	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023	100%
4	04/NQ-HĐQT	24/02/2023	Thông qua danh mục các nội dung dự kiến trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023	100%
5	05/NQ-HĐQT	24/02/2023	Báo cáo người đại diện quản lý vốn năm 2022 của các đơn vị	100%
6	06/NQ-HĐQT	24/02/2023	Báo cáo của Ban kiểm toán nội bộ	100%
7	07/NQ-HĐQT	24/02/2023	Cổ tức 2022 tại Công ty CP Xây dựng TICCOC	100%
8	08/NQ-HĐQT	24/02/2023	Giới thiệu nhân sự HĐQT, BKS Công ty CP XD TICCOC nhiệm kỳ 2023-2027	100%
9	09/NQ-HĐQT	24/02/2023	Bổ nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC	100%
10	10/NQ-HĐQT	24/02/2023	Bổ nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV XD TL TICCOC	100%
11	11/NQ-HĐQT	24/02/2023	Đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng tại đường nhánh N1 Nguyễn Công Bình	100%
12	12/NQ-HĐQT	24/02/2023	Đầu tư xây dựng Hệ thống thoát nước mưa, Hàng rào bảo vệ, Đường đi nội bộ & đường đi chung tại khu đất 490 Đỉnh Bộ Lĩnh	100%
13	13/NQ-HĐQT	24/02/2023	Đầu tư xây dựng Nhà kho tại khu đất 490 Đỉnh Bộ Lĩnh	100%
14	14/NQ-HĐQT	24/02/2023	Chủ trương đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa, nhà xưởng cho thuê, trạm bê tông và bãi vật liệu tại lô D01 đến D03 tại cụm CN Gia Thuận 1	100%





# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	15/NQ-HĐQT	05/03/2023	Gia hạn thời gian thực hiện DA đầu tư xưởng SX cọc vuông, gổi cống tại Cty Bê tông TICCO Tân Phước	100%
16	16/NQ-HĐQT	28/03/2023	Nội dung trình ĐHCĐ thường niên năm 2023	100%
17	17/NQ-HĐQT	28/03/2023	Bổ sung nhân sự vào Tiểu ban hỗ trợ phát triển	100%
18	18/NQ-HĐQT	28/03/2023	Miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc tại Cty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
19	19/NQ-HĐQT	05/05/2023	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022	100%
20	20/NQ-HĐQT	05/05/2023	Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023	100%
21	21/NQ-HĐQT	05/05/2023	Điều chuyển Quỹ đầu tư phát triển	100%
22	22/NQ-HĐQT	05/05/2023	Xóa nợ phải thu khó đòi trên 10 năm đã trích dự phòng 100%	100%
23	23/NQ-HĐQT	05/05/2023	Khen thưởng Người lao động Công ty	100%
24	24/NQ-HĐQT	29/05/2023	Chi trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu	100%
25	25/NQ-HĐQT	29/05/2023	Chi trả cổ tức đợt cuối năm 2022 bằng tiền mặt	100%
26	26/NQ-HĐQT	29/05/2023	Sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi	100%
27	27/NQ-HĐQT	29/05/2023	Thành lập Ban đầu tư và QLDA 2	100%
28	28/NQ-HĐQT	29/05/2023	Thông qua bổ nhiệm chức vụ PGĐ Cty bê tông TICCO	100%
29	29/NQ-HĐQT	20/06/2023	Về việc phê duyệt định biên nhân sự, quỹ lương gián tiếp và kinh doanh năm 2022	100%
30	30/NQ-HĐQT	20/06/2023	Về việc phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư xây dựng dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 1	100%
31	31/NQ-HĐQT	20/06/2023	Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện việc soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023	100%
32	32/NQ-HĐQT	22/06/2023	Về việc bổ nhiệm Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
33	33/NQ-HĐQT	22/06/2023	Về việc bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
34	34/NQ-HĐQT	04/07/2023	Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư Trạm trộn bê tông tươi tại khu vực Bến Tre (Đổi mục tiêu dự án từ trạm trộn bê tông tươi sang kính doanh vật liệu xây dựng)	100%
35	35/NQ-HĐQT	13/07/2023	Về việc tăng vốn điều lệ Công ty sau khi kết thúc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022	100%
36	36/NQ-HĐQT	13/07/2023	Về việc ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 14 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
37	37/NQ-HĐQT	16/08/2023	Về việc điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí và nguồn vốn thực hiện dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường	100%
38	38/NQ-HĐQT	18/08/2023	Về việc thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện vay vốn tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tiền Giang để đầu tư dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường	100%
39	39/NQ-HĐQT	18/08/2023	Về việc gia hạn thời gian ủy quyền vay vốn/bảo lãnh cho Giám đốc Công ty TNHH MTV XD Thủy lợi TICCO tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tiền Giang	100%
40	40/NQ-HĐQT	25/08/2023	Đầu tư đường ray, cống trực và khuôn dầm Super T tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
41	41/NQ-HĐQT	25/08/2023	Đầu tư khuôn cọc ván W740, W940 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
42	42/NQ-HĐQT	25/08/2023	Về việc thanh lý thiết bị tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
43	43/NQ-HĐQT	25/08/2023	Gia hạn thời gian thực hiện đầu tư xây dựng Tòa nhà Văn phòng tại đường nhánh N1-Nguyễn Công Bình theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 24/02/2023	100%
44	44/NQ-HĐQT	25/08/2023	Về việc thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư xây dựng Tòa nhà Văn phòng tại đường nhánh N1-Nguyễn Công Bình	100%
45	45/NQ-HĐQT	25/08/2023	Điều chỉnh giá trị dự án Tòa nhà văn phòng Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐQT ngày 17/08/2020	100%



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
46	46/NQ-HĐQT	25/08/2023	Điều chỉnh giá trị đầu tư xây dựng Nhà kho tại khu đất 490 Đỉnh Bộ Lĩnh theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 24/02/2023	100%
47	47/NQ-HĐQT	25/08/2023	Về việc thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (đầu tư đường ray, cổng trục và khuôn dầm Super T)	100%
48	48/NQ-HĐQT	25/08/2023	Về việc phê duyệt định biên nhân sự gián tiếp và kinh doanh từ 01/01/2023	100%
49	49/NQ-HĐQT	25/08/2023	Về việc thông qua chủ trương đầu tư dự án thiết bị thi công cọc ván Bê tông dự ứng lực tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	100%
50	50/NQ-HĐQT	25/08/2023	Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kho xưởng 1.500m <sup>2</sup> tại Khu 490 Đỉnh Bộ Lĩnh	100%
51	51/NQ-HĐQT	25/08/2023	Đầu tư 01 xe vận chuyển vật liệu tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
52	52/NQ-HĐQT	25/08/2023	Về việc phê duyệt đầu tư mua đất tại Trạm Bê tông Chi nhánh Gò Công - xã Tân Trung	100%
53	53/NQ-HĐQT	28/09/2023	Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư Trạm trộn bê tông tươi tại khu vực Bến Tre (Đổi mục tiêu dự án từ trạm trộn bê tông tươi sang kinh doanh vật liệu xây dựng)	100%
54	54/NQ-HĐQT	19/10/2023	Về việc thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư khuôn cọc ván W740, W940	100%
55	55/NQ-HĐQT	02/11/2023	Về việc thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO vay vốn, bảo lãnh, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	100%
56	56/NQ-HĐQT	07/11/2023	Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đường D7 và Khu dân cư hai bên đường	100%

## Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
57	57/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền mặt cho Cổ đông	100%
58	58/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc phê duyệt nội dung và ban hành Quy chế Quản trị tài chính Công ty	100%
59	59/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc phê chuẩn cơ cấu tổ chức bộ máy và định biên nhân sự Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
60	60/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc phê chuẩn cơ cấu tổ chức bộ máy và định biên nhân sự tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
61	61/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc phê chuẩn cơ cấu tổ chức bộ máy và định biên nhân sự tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
62	62/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thu hồi và hủy bỏ các Nghị quyết đã phê duyệt	100%
63	63/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư xây dựng các dự án tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
64	64/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư xây dựng các dự án tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
65	65/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư 02 căn nhà tại dự án Đường Nguyễn Trọng Dân của Công ty TNHH MTV Xây dựng thủy lợi TICCO	100%
66	66/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc đầu tư 03 xe chuyển trộn Bê tông tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
67	67/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư xe chuyển trộn bê tông	100%
68	68/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc đầu tư thiết bị cầu trục Palant 25 tấn tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
69	69/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư Palant tải trọng nâng 25 tấn	100%



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
70	70/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc đầu tư khuôn dầm cầu Super T tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
71	71/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư khuôn dầm cầu Super T	100%
72	72/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc đầu tư khuôn cọc ván W740 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
73	73/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư khuôn cọc ván W740	100%
74	74/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc đầu tư mở rộng sản xuất dầm cầu I33 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
75	75/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư mở rộng sản xuất dầm cầu I33	100%
76	76/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc đầu tư thiết bị thi công cọc ván bê tông dự ứng lực tại Công ty TNHH MTV Xây dựng thủy lợi TICCO	100%
77	77/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO vay vốn, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư dự án thiết bị thi công cọc ván bê tông dự ứng lực	100%
78	78/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc đầu tư 05 xe chuyển trộn Bê tông tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
79	79/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư xe chuyển trộn bê tông	100%

## Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
80	80/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 2	100%
81	81/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Tổng giám đốc vay vốn, thế chấp tại Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang để thực hiện đầu tư dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 2	100%
82	82/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc điều chuyển tài sản cố định từ Công ty Mẹ về Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
83	83/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc điều chuyển thiết bị khuôn cọc ống và đồ gá khuôn D500, D600 và D350 từ Công ty Mẹ về Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
84	84/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc điều chuyển 03 xe chuyển trộn Bê tông từ Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO sang Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
85	85/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thanh lý thiết bị hư hỏng tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
86	86/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc ủy quyền thế chấp cho Tổng giám đốc Công ty để đảm bảo cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	100%
87	87/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Tổng giám đốc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	100%
88	88/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại BIDV - chi nhánh Tiền Giang	100%
89	89/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại BIDV - chi nhánh Tiền Giang	100%
90	90/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc phê duyệt chủ trương nghiên cứu đầu tư dự án Đường nội bộ và khu dân cư hai bên đường tại xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang	100%



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
91	91/NQ-HĐQT	29/11/2023	Về việc bổ sung nhân sự vào Tiểu ban hỗ trợ phát triển	100%
92	92/NQ-HĐQT	20/12/2023	Về việc phê duyệt đầu tư mới 01 xe ô tô 7 chỗ phục vụ công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
93	93/NQ-HĐQT	20/12/2023	Về việc phê duyệt đầu tư mới 01 xe ô tô 7 chỗ phục vụ công tác tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
94	94/NQ-HĐQT	20/12/2023	Về việc đầu tư máy làm lạnh nước nhiệt độ 50C – Water Chiller tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%

### Hoạt động và Đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, các Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó; Tham gia đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề cần sự quyết định của Hội đồng quản trị; Tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động theo phân công công việc của Hội đồng quản trị. Về công tác đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2023, Thành viên Hội đồng quản trị nhận thấy:

- Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đầy đủ các quy định đối với công ty đại chúng.
- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và các cuộc họp mở rộng theo đúng quy định của Điều lệ. Các nội dung cuộc họp được các thành viên Hội đồng quản trị thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những quyết định, giải pháp tốt nhất cho Công ty. Biên bản các cuộc họp được lập đầy đủ, chi tiết và rõ ràng có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- Các vấn đề liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh, hoạt động của doanh nghiệp và xây dựng hệ thống quản lý đã được Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ.
- Các quyết định của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị giữ chức danh Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc đã thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban điều hành; kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị những kết quả đạt được cũng như những khó khăn vướng mắc, qua đó giúp Hội đồng quản trị nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty.

### Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Không có

## BAN KIỂM SOÁT

### Thành phần cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Tiến Nhân	Trưởng Ban	8.355	0,04%
2	Đoàn Thị Hồng Cẩm	Thành viên	25.559	0,11%
3	Nguyễn Kiều Diễm Trang	Thành viên	9.646	0,04%

### Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2023 Ban kiểm soát tổ chức 03 cuộc họp. Thành viên Ban kiểm soát tham dự họp đầy đủ, cụ thể như sau:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Tiến Nhân	3	100%	100%
2	Đoàn Thị Hồng Cẩm	3	100%	100%
3	Nguyễn Kiều Diễm Trang	3	100%	100%

### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty và quy định nội bộ trong việc ban hành và triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Giám sát công ty trong việc tuân thủ theo các quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

### Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Phối hợp Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Thẩm định tính hợp pháp, tính trung thực trong việc lập và trình bày các nội dung trong báo cáo tài chính của công ty.
- Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty về việc cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu các cuộc họp, Nghị quyết, quyết định của HĐQT; Báo cáo tài chính và các báo cáo có liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Qua đó Ban kiểm soát luôn bám sát kịp thời các thông tin trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương chức danh	Lương kiêm nhiệm/ Thưởng
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>2.053.521.015</b>	<b>252.000.000</b>
1	Trần Hoàng Huân	Chủ tịch HĐQT	355.327.238	86.000.000
2	Vũ Huy Giáp	Thành viên HĐQT	355.327.238	-
3	Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	355.327.238	-
4	Nguyễn Thị Hường	Thành viên HĐQT	355.327.238	40.000.000
5	Phạm Văn Hậu	Thành viên HĐQT	276.884.825	40.000.000
6	Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên HĐQT	355.327.238	86.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		<b>300.000.000</b>	<b>634.437.250</b>
4	Nguyễn Tiến Nhân	Trưởng Ban kiểm soát	108.000.000	312.100.938
5	Nguyễn Kiều Diễm Trang	Thành viên BKS	96.000.000	197.351.730
6	Đoàn Thị Hồng Cẩm	Thành viên BKS	96.000.000	124.984.582
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>		<b>2.239.447.542</b>	<b>357.637.500</b>
1	Vũ Huy Giáp	Tổng giám đốc	486.000.000	74.800.000
2	Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng giám đốc	438.000.000	74.400.000
3	Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng giám đốc	378.000.000	68.400.000
4	Nguyễn Hoài Bắc	Phó Tổng giám đốc	336.000.000	49.425.000
5	Nguyễn Ngọc Hùng	Phó Tổng giám đốc	336.000.000	49.425.000
6	Huỳnh Thị Mỹ Hương	Kế toán trưởng	265.447.542	43.187.500

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	BCH Công đoàn cơ sở THG	Tổ chức có liên quan THG	235.863	1,18%	370.000	1,61%	Mua
2	Nguyễn Thanh Dũng	Người có liên quan Người nội bộ - Nguyễn Ngọc Hùng - Phó Tổng giám đốc	7.331	0,04%	16.331	0,08%	Mua
3	Nguyễn Thị Hường	Thành viên HĐQT	1.000.923	5,01%	800.923	4,01%	Bán
4	Bùi Thị Vân	Người có liên quan Người nội bộ - Nguyễn Hoài Bắc - Phó Tổng giám đốc	5.000	0,02%	0	0	Bán
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Gia Thắng	Tổ chức có liên quan THG	0	0,00%	580.000	2,53%	Mua
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Thy	Tổ chức có liên quan THG	959.663	4,18%	559.663	2,44%	Bán



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
I	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Giấy CNĐKDN số 1200656249 đăng ký thay đổi lần 13 ngày 04/07/2022 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Lô 1-6 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang					
	<b>Giao dịch bán</b>							<b>38.489.188.059</b>	
					29/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	1.545.236.999	Hợp đồng số 01/HĐ2021/TICCO ngày 01/10/2021 Hợp đồng số 02/HĐ2021/TICCO ngày 01/10/2021

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					27/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	1.516.227.378	
					28/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	1.467.992.285	Hợp đồng số 01/HĐ2021/TICCO ngày 01/10/2021 Hợp đồng số 02/HĐ2021/TICCO ngày 01/10/2021
					28/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	1.467.992.285	
					28/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	1.467.992.285	Hợp đồng thuê đất số 04/HĐTĐ/2022 ngày 01/10/2022
					28/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền thuê đất	57.681.818	Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ/2023 ngày 02/01/2023



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					28/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền thuê đất	57.681.818	Hợp đồng thuê đất số 04/HĐTĐ/2023 ngày 01/04/2023
					25/10/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền thuê đất	18.409.091	
					27/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền thuê đất	18.409.091	
					31/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Điều chuyển tài sản	5.752.424.282	
					31/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	4.037.964.504	

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					30/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	7.633.908.314	
					30/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	8.878.072.635	
					31/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	5.971.739.760	
II	<b>Công ty TNHH MTV Bê tông Tân Phước</b>	<b>Công ty con</b>	<b>Giấy CNĐKDN số 1201602574 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 4/7/2022 tại Sở KH &amp;ĐT tỉnh Tiền Giang</b>	<b>Ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang</b>					
	<b>Giao dịch bán</b>							<b>25.939.473.080</b>	



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					29/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	215.074.418	
					27/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	209.101.623	Hợp đồng số 06/HĐ.2019/BT.TICCOTAN-
					19/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	202.061.385	PHUOC ngày 01 tháng 07 năm 2019
					22/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	201.577.515	
					31/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Điều chuyển tài sản	1.601.364.415	
					31/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	4.408.329.183	

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					30/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	6.591.582.260	
					30/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	8.027.377.672	
					31/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	4.483.004.609	
III	Công ty Cổ phần Xây dựng TICCOTAN	Công ty con	Giấy CNĐKDN số 1200683404 đăng ký thay đổi lần 13 ngày 06/06/2023 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang					
	Giao dịch bán							2.533.696.567	





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					28/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Phí chi hộ	18.963.366	
					27/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Phí chi hộ	24.045.796	
					28/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Phí chi hộ	130.526.267	
					27/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Phí chi hộ	68.377.131	
					27/02/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	5.550.653	
					27/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	2.199.027	

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					21/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	3.160.586	
					15/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	7.546.429	
					17/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	9.668.511	
					26/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	3.808.889	
					16/11/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	8.446.071	
					12/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	3.427.751	
					03/02/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê đất	15.681.818	Hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ/2022 ngày 01 tháng 10 năm 2022
					28/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê đất	15.681.818	Hợp đồng thuê đất số 02/HĐTĐ/2023 ngày 02 tháng 01 năm 2023



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					16/01/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê kiốt	36.818.182	
					21/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê kiốt	36.818.182	Hợp đồng số 44/HĐCTKO.
					04/07/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê kiốt	36.818.182	TICCO ngày 01/04/2022
					10/05/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê kiốt	36.818.182	
					31/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lãi cho vay	34.520.548	Hợp đồng vay số 01/2022/
					21/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lãi cho vay	26.410.959	HĐVV/TIC-CO-XD ngày
					17/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lãi cho vay	8.408.219	21/09/2022
					20/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cổ tức được chia bằng tiền	1.000.000.000	
					29/05/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cổ tức được chia bằng cổ phiếu	1.000.000.000	

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
								<b>183.168.226.717</b>	
					30/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	10.850.958.182	
					15/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	8.478.730.556	23/HĐ-
					24/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	762.096.296	XD/2022 ngày 16/9/2022
					21/10/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	6.975.000	
					15/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.007.503.704	
					24/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	13.418.965.741	22/HĐ- XD/2022 ngày 16/9/2022
					21/10/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.456.624.074	



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
									HĐ số 32/
					24/10/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	15.902.367.593	HĐXD/2022 ngày 16/11/2022
					10/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	10.392.812.727	
					22/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	11.125.011.818	31/HĐ-XD/2022 ngày 26/10/2022
					30/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.398.912.963	
					30/11/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.892.575.926	
					06/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.908.296.364	
					14/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.374.841.818	Hợp đồng số 18/HĐ-XD/2022 ngày 29/8/2022
					30/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	13.809.104.545	
					15/11/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	17.168.986.111	

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					09/05/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	6.347.760.000	Hợp đồng số 15/HĐ-XD/2021 ngày 25/5/2021
					09/05/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	(94.520.000)	
					22/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.374.880.909	
					24/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.176.687.963	Hợp đồng số 05/ HĐ-XD/2023 ngày 07/03/2023
					20/11/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	61.908.333	
					21/10/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	(99.122.727)	Biên bản làm việc ngày 17/10/2023
					20/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.087.612.963	HĐ số 13/HĐ-XD/2023 ngày 25/07/2023
					25/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.585.700.000	HĐ số 14/HĐ-XD/2023 ngày 25/07/2023



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					20/11/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	270.137.037	HĐ số 09/HĐ-XD/2023 ngày 02/10/2023
					11/01/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	134.505.000	HĐ thi công xây dựng ngày 29/05/2023
					12/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	117.435.455	
					06/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.562.727.273	HĐ số 30/HĐ-XD/2022 ngày 29/10/2022
					06/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	814.545.455	HĐ số 28/HĐ-XD/2022 ngày 07/10/2022
					10/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	121.674.074	HĐ số 05A/HĐ-XD/2023 ngày 20/03/2023
					06/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.585.454.545	HĐ số 27/HĐ-XD/2022 ngày 19/10/2022

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					06/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.856.363.636	HĐ số 26/HĐ-XD/2022 ngày 01/10/2022
					07/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	703.636.364	
					30/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.231.818.182	
					28/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.369.090.909	Hợp đồng số 03/HĐ-XD/2023 ngày 23/02/2023
					30/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	740.909.091	
					06/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.503.636.364	HĐ số 25/HĐ-XD/2022 ngày 01/10/2022
					28/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.407.272.727	
					07/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	650.909.091	Hợp đồng số 04/HĐ-XD/2023 ngày 24/02/2023
					30/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.177.272.727	



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					30/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	969.090.909	Hợp đồng số 04/HĐ-XD/2023
					08/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	349.090.909	ngày 24/02/2023
					27/05/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	9.115.454.545	
					07/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.868.181.818	
					30/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.826.363.636	Hợp đồng số 06/HĐ-XD/2023
					12/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.548.181.819	ngày 07/04/2023
					15/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.556.363.636	
					30/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.195.454.545	

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					29/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	96.986.111	Hợp đồng số 08/HĐ-XD/2023 ngày 20/04/2023
IV	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	Công ty con	Giấy CNĐKDN số 1201534074 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 05/01/2023 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang					
								<b>5.921.120.512</b>	
					16/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lãi cho vay	51.827.573	Hợp đồng vay vốn số 01/2022/HĐVV/TIC-CO-XD/2022 ngày 30/09/2022
					28/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Phí chi hộ	53.752.111	



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					28/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Phí chi hộ	9.760.713	HĐ số 09/HĐ-XD/2023 ngày 02/10/2023
					26/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Phí chi hộ	85.310.994	HĐ thi công xây dựng ngày 29/05/2023
					27/02/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	4.081.300	
					25/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	2.104.222	HĐ số 30/HĐ-XD/2022 ngày 29/10/2022
					21/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	2.422.534	HĐ số 28/HĐ-XD/2022 ngày 07/10/2022
					15/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	5.461.948	HĐ số 05A/HĐ-XD/2023 ngày 20/03/2023
					17/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	5.533.539	HĐ số 27/HĐ-XD/2022 ngày 19/10/2022
					26/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	2.394.061	

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					16/11/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	5.355.251	
					12/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	2.410.053	
					03/02/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê đất	5.454.545	Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTB/2022 ngày 01 tháng 10 năm 2022
					28/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê đất	5.454.545	Hợp đồng thuê đất số 03/HĐTB/2023 ngày 02 tháng 01 năm 2023
					16/01/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê kiốt	17.727.273	
					21/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê kiốt	17.727.273	
					07/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê kiốt	17.727.273	Hợp đồng số 45/HĐTKO.TICCO ngày 01/04/2022
					10/05/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê kiốt	17.727.273	



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					31/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	1.203.009.414	
					30/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	1.771.094.192	
					30/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	1.445.688.183	
					31/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	1.189.096.242	
	<b>Giao dịch mua</b>							<b>87.813.322.526</b>	
					06/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	6.398.317.273	Hợp
					10/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	678.552.727	đồng số
					22/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	962.963.889	22/HĐ- XD/2022
					16/10/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.861.628.704	ngày 22/08/22

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					17/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.401.516.364	Hợp đồng số 25- 11/HĐ-XD/2022
					31/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.748.193.519	ngày 25/11/2022
					28/01/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	6.118.138.182	
					31/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	6.270.294.545	
					22/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.628.329.091	Hợp đồng số 11/ HĐ-XD/2022
					30/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.526.700.926	ngày 11/8/2022
					27/11/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.189.712.037	
					27/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.279.903.704	



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					15/02/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.051.143.636	
					22/05/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.918.786.364	Hợp đồng số 23/HĐ-XD/2022 ngày 23/09/2022
					04/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.995.607.407	
					12/01/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.716.263.889	
					11/02/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	26.634.545	Hợp đồng số 23-9/HĐ-XD/2020 ngày 23/9/2020
					19/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.648.613.636	Hợp đồng 117/2020/HĐXD ngày 23/09/2020

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					24/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	20.896.337.963	
					13/10/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	7.024.062.037	Hợp đồng 15/HĐ/2023 ngày 19/05/2023
					14/11/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.505.714.815	
					27/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	(34.092.727)	
	<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCOCO</b>	<b>Công ty con</b>	<b>Giấy CNĐKDN số 1201640114 đăng ký thay đổi lần 02 ngày 11/01/2023 tại Sở KH &amp; ĐT tỉnh Tiền Giang</b>	<b>Số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang</b>				<b>1.230.213.418</b>	





# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					31/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	304.437.474	
					30/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	309.831.955	
					30/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	305.508.438	
					31/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lợi nhuận chuyển về	310.435.551	
	<b>Giao dịch mua</b>							<b>1.557.285.600</b>	
					31/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lãi vay	383.988.230	
					30/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lãi vay	388.254.766	
					30/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lãi vay	392.521.302	Hợp đồng cho vay ngày 02/04/2021
					31/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lãi vay	392.521.302	

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
			Giấy	Số 490,					
	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Công Trình TICC	Công ty con cấp 2	CNĐKDN số 1201534099 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 16/11/2022 tại Sở KH &ĐT tỉnh Tiền Giang	Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang					
	<b>Giao dịch bán</b>							<b>382.442.479</b>	
					31/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lãi cho vay	112.931.507	Hợp đồng vay vốn số 03/2022/HĐVV/TIC-
					20/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lãi cho vay	123.161.644	CO-CKCT ngày 28/11/2022
					29/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lãi cho vay	120.964.384	Hợp đồng vay vốn số 01/2023/HĐVV/TIC-
					11/11/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Lãi cho vay	6.547.945	CO-CKCT ngày 11/01/2023



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					27/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Phí chi hộ	18.836.999	
	<b>Giao dịch mua</b>							<b>17.797.070.354</b>	
					31/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	601.750.909	
					20/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	11.092.401.852	Hợp đồng xây lắp số 20/HĐ-XD/2022 ngày 29/08/2022
					14/11/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Nhận giá trị công trình nghiệm thu	6.102.917.593	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
VII	Công ty TNHH MTV Cọc TICC	Công ty con cấp 2	Giấy CNĐKDN số 1201537131 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 29/09/2022 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang					
	<b>Giao dịch bán</b>							<b>576.655.485</b>	
					14/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	146.663.014	
					15/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	144.648.630	07/HĐ2021/TICC ngày 01 tháng 10 năm 2021
					20/9/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	140.303.082	
					22/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê thiết bị	145.040.759	



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
VIII	Công ty TNHH MTV VLXD TICCO	Công ty con cấp 2	Giấy CNĐKDN số 1201577198 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 04/01/2023 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Số 490, Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang					
	Giao dịch bán							121.121.657	
					27/02/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	1.009.935	
					25/03/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	678.896	
					21/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	1.217.014	

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Môi quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung	Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
					15/06/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	2.544.741	
					17/08/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	2.542.027	
					26/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	962.077	
					16/11/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	2.107.606	
					12/12/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Tiền điện nước	968.453	
					16/01/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê kiốt	27.272.727	
					21/04/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê kiốt	27.272.727	Hợp đồng số 21/HĐCTKO.
					26/09/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê kiốt	27.272.727	TICCO ngày 01/01/2019
					10/05/2023	01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023	Cho thuê kiốt	27.272.727	

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



### Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (tiếp theo)

**Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát**

Không có

### Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2011, Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty. Đồng thời, HĐQT thường xuyên tổ chức tham gia các chương trình tập huấn của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để nâng cao hiệu quả quản trị. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành, điều chỉnh theo đúng hướng dẫn của các quy định hiện hành.



## CHƯƠNG 6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 57

\*\*\*\*\*

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu vào ngày 02 tháng 01 năm 2004. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1200526842, điều chỉnh gần nhất là lần thứ 21 cấp ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 7 năm 2011 với mã chứng khoán là THG.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có năm (05) công ty con trực tiếp, ba (03) công ty con gián tiếp, một (01) công ty liên kết, hai (02) chi nhánh và một (01) văn phòng đại diện.

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh bê tông; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị; quản lý khai thác và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; thi công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực.

### TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 46 - 48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại : 0273 387 28 78

Fax : 0273 385 05 97

Website : <http://ticco.com.vn>

Mã số thuế : 1 2 0 0 5 2 6 8 4 2

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Hoàng Huân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Huy Giáp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Nhân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Kiều Diễm Trang	Thành viên
Bà Đoàn Thị Hồng Cẩm	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Huy Giáp	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoài Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Hoàng Huân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vũ Huy Giáp	Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Huy Giáp

Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2024



Số: 076/2023/BCTCHN-FAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con (gọi tắt là "Nhóm Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



**Đỗ Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2662-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

**Nguyễn Hữu Thắng - Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2818-2020-099-1



### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.312.952.120.171</b>	<b>1.237.599.202.156</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>216.604.276.306</b>	<b>221.286.185.107</b>
1 Tiền	111		103.154.573.645	124.480.985.567
2 Các khoản tương đương tiền	112		113.449.702.661	96.805.199.540
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>65.919.531.576</b>	<b>41.733.142.843</b>
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	65.919.531.576	41.733.142.843
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>287.482.141.337</b>	<b>335.661.112.442</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	264.860.199.951	292.262.667.540
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.649.588.625	14.918.966.770
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	52.310.771.039	60.882.775.655
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(35.338.418.278)	(32.403.297.523)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>730.160.294.207</b>	<b>628.794.930.719</b>
1 Hàng tồn kho	141		730.527.734.789	629.162.371.301
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(367.440.582)	(367.440.582)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.785.876.745</b>	<b>10.123.831.045</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17	216.738.841	32.570.183
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.624.808.532	2.488.607.481
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	3.944.329.372	7.602.653.381

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>539.277.979.161</b>	<b>610.983.947.880</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>330.945.615</b>	<b>330.945.615</b>
1 Phải thu dài hạn khác	218	8	330.945.615	330.945.615
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>305.205.719.012</b>	<b>338.960.015.173</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	271.340.345.330	306.643.947.272
- Nguyên giá	222		699.472.728.910	684.938.292.513
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(428.132.383.580)	(378.294.345.241)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	33.865.373.682	32.316.067.901
- Nguyên giá	228		38.976.911.419	36.360.811.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.111.537.737)	(4.044.743.305)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>19.209.829.922</b>	<b>17.358.693.117</b>
- Nguyên giá	231		26.578.276.576	23.288.438.055
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.368.446.654)	(5.929.744.938)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>204.544.739.875</b>	<b>241.871.735.321</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	204.544.739.875	241.871.735.321
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>368.501.505</b>	<b>365.107.729</b>
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	368.501.505	365.107.729
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.618.243.232</b>	<b>12.097.450.925</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	17	4.393.695.551	5.785.141.422
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	36.2	5.224.547.681	6.312.309.503
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.852.230.099.332</b>	<b>1.848.583.150.036</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.163.756.079.868</b>		<b>1.206.846.056.372</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>990.639.071.167</b>		<b>898.163.536.668</b>	
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	321.577.748.910		269.247.579.491	
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	252.277.970.888		284.380.715.665	
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	16.679.169.563		6.984.602.645	
4 Phải trả người lao động	314		20.742.509.930		15.987.337.791	
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	43.922.140.789		109.763.795.918	
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	325.770.000		20.000.000	
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	23	1.349.949.536		4.757.390.159	
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	316.577.994.929		188.764.972.868	
9 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	9.860.583.522		9.895.759.841	
10 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	7.325.233.100		8.361.382.190	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>173.117.008.701</b>		<b>308.682.519.804</b>	
1 Phải trả dài hạn khác	337	23	533.040.000		533.040.000	
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	169.061.553.542		303.167.504.144	
3 Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	3.522.415.159		4.981.975.660	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>688.474.019.464</b>		<b>641.737.093.664</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	27	<b>688.474.019.464</b>		<b>641.737.093.664</b>	
1 Vốn cổ phần	411		229.578.960.000		199.638.930.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		229.578.960.000		199.638.930.000	
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000		5.700.930.000	
3 Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.000.000.000		-	
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		168.592.009.761		159.810.401.016	
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		252.866.508.953		267.414.673.370	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		136.201.825.039		125.283.778.362	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		116.664.683.914		142.130.895.008	
6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.735.610.750		9.172.159.278	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.852.230.099.332</b>		<b>1.848.583.150.036</b>	

Huỳnh Thị Mỹ Hương  
 Người lập biểu

Huỳnh Thị Mỹ Hương  
 Kế toán trưởng



Vũ Huy Giáp  
 Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.669.780.465.317	1.648.053.437.867		
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-		
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.669.780.465.317	1.648.053.437.867		
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	29	1.287.983.679.069	1.272.963.785.686		
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		381.796.786.248	375.089.652.181		
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	8.994.934.831	5.384.340.834		
7 Chi phí tài chính	22	31	19.899.248.467	11.300.216.855		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.868.241.314	11.290.429.775		
8 Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	24	16	84.194.915	79.005.703		
9 Chi phí bán hàng	25	32	161.087.424.070	142.807.690.942		
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	61.999.600.604	47.465.529.433		
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		147.889.642.853	178.979.561.488		
12 Thu nhập khác	31	34	715.161.530	3.608.666.487		
13 Chi phí khác	32	34	1.321.876.001	1.023.972.299		
14 Lợi nhuận khác	40	34	(606.714.471)	2.584.694.188		
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		147.282.928.382	181.564.255.676		
16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36.1	27.360.402.251	33.175.949.249		
17 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36.2	1.087.761.822	1.480.262.702		
18 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		118.834.764.309	143.908.043.725		
19 Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		116.664.683.914	142.130.895.008		
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.170.080.395	1.777.148.717		
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	4.777	5.696		
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	38	4.777	5.696		

Huỳnh Thị Mỹ Hương  
 Người lập biểu

Huỳnh Thị Mỹ Hương  
 Kế toán trưởng



Vũ Huy Giáp  
 Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		147.282.928.382	181.554.255.576
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	35	52.343.534.487	47.424.531.177
- Các khoản dự phòng	03		1.440.383.935	2.461.799.202
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	30	(5.814.290)	4.308.741
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(9.073.315.456)	(6.209.662.080)
- Chi phí lãi vay	06	31	19.868.241.314	11.290.429.775
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		211.855.958.372	236.535.662.491
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		40.017.120.119	(67.702.282.061)
- Tăng hàng tồn kho	10		(101.365.363.488)	(209.007.161.274)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(13.016.879.203)	134.121.143.734
- Giảm chi phí trả trước	12		1.207.277.213	2.343.776.272
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.748.607.659)	(11.327.381.894)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(12.283.232.376)	(42.794.666.376)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.567.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	26	(12.726.507.460)	(10.447.471.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>93.939.765.518</b>	<b>34.288.619.392</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.621.112.869)	(52.698.846.154)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	772.727.273
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.426.088.844)	(9.716.266.553)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		239.700.111	-
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.864.620.534	5.306.506.668
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(31.942.881.068)</b>	<b>(56.335.878.766)</b>

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Tiền thu từ đi vay	33	24	342.216.567.900	496.596.364.165
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	24	(348.509.496.441)	(447.654.406.017)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	27.1	(60.391.679.000)	(24.956.634.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(66.684.607.541)</b>	<b>23.986.323.448</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(4.687.723.091)</b>	<b>1.939.064.574</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>221.286.185.107</b>	<b>219.351.429.274</b>
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.814.290	(4.308.741)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>216.604.276.306</b>	<b>221.286.185.107</b>

Huỳnh Thị Mỹ Hương  
Người lập biểu

Huỳnh Thị Mỹ Hương  
Kế toán trưởng

Vũ Huy Giáp  
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu vào ngày 02 tháng 01 năm 2004. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1200526842, điều chỉnh gần nhất là lần thứ 21 cấp ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 7 năm 2011 với mã chứng khoán là THG.

Công ty có trụ sở chính tại số 45 - 48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có năm (05) công ty con trực tiếp, ba (03) công ty con gián tiếp, một (01) công ty liên kết, hai (02) chi nhánh và một (01) văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
<b>Công ty con trực tiếp</b>			
Công ty TNHH MTV Bé tông TICCO	Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh bê tông	100,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam	Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi	66,67%
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam	Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi	100,00%
Công ty TNHH MTV Bé tông TICCO Tân Phước	Tân Phước, Tiền Giang, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh bê tông	100,00%
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động Sản TICCO	Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	100,00%
<b>Công ty con gián tiếp</b>			
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO	Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	100,00%
Công ty TNHH MTV Cọc TICCO	Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam	Đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	Tân Phước, Tiền Giang, Việt Nam	Thi công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	100,00%
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Testco	Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam	Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình	20,00%
<b>Tên chi nhánh/văn phòng đại diện</b>		<b>Địa chỉ</b>	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sân Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal)		Số 46 - 48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Trung tâm Dịch vụ Công nghiệp TICCO		Cụm Công nghiệp Gia Thuận, ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	
Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang		Số 47 Nguyễn Trãi, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Nhóm công ty") là sản xuất, kinh doanh bê tông; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị; quản lý khai thác và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; thi công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp của Nhóm Công ty căn cứ theo thời gian đầu tư/thi công của từng công trình/dự án. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty có thể kéo dài trên 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Nhóm Công ty không quá 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 670 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 663 người).

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

#### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

## 2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

#### Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

### Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

#### Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và được khấu trừ theo thời hạn sử dụng đất.

**Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

**Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.6. Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	04 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	02 - 20 năm
Phương tiện vận tải	03 - 15 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	25 - 50 năm
Phần mềm máy tính	05 - 06 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao

**3.7. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các Bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	06 - 25 năm
Kiot	06 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thanh lý.

**3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản của Nhóm Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**3.9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.11. Các khoản đầu tư**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở Công ty nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

**3.12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13. Các khoản dự phòng**

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**Dự phòng chi phí bảo trì công trình xây dựng**

Dự phòng chi phí bảo trì công trình xây dựng được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2017/TT-BXD - "Hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng" do Bộ Xây dựng ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2017.

**Các khoản dự phòng (tiếp theo)**

**Dự phòng bảo hành công trình xây dựng và công trình cơ khí**

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng và công trình cơ khí được trích lập cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bán giao trong kỳ. Hết thời hạn bảo hành công trình xây dựng và cơ khí, số dư dự phòng bảo hành công trình chưa sử dụng hết được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác.

**3.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.

Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.15. Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.16. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

➤ **Quỹ Đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

➤ **Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.17. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản

**Doanh thu từ hợp đồng xây dựng**

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty về Hợp đồng xây dựng (Thuyết minh 3.18).

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

**Tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức, lợi nhuận được chia**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

**Tiền cho thuê**

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.18. Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

**Hợp đồng xây dựng (tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.19. Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.20. Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.21. Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Nhóm Công ty một cách toàn diện.

**3.22. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.735.523.801	2.682.233.546
Tiền gửi ngân hàng	101.419.049.844	121.798.752.021
Các khoản tương đương tiền	(*) 113.449.702.661	96.805.199.540
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>216.604.276.306</b>	<b>221.286.185.107</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại. Trong đó, Nhóm Công ty đã cầm cố các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 11.905.210.441 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.634.560.250 VND) để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn của Công ty và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Thuyết minh số 24).



5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	65.919.531.576	65.919.531.576	41.733.142.843	41.733.142.843
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>65.919.531.576</b>	<b>65.919.531.576</b>	<b>41.733.142.843</b>	<b>41.733.142.843</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại dưới một năm tại các ngân hàng thương mại. Trong đó, Công ty đã cầm cố các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 7.097.430.851 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.729.423.373 VND) để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn của Công ty và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Thuyết minh số 24).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Phải thu từ hoạt động bán vật liệu xây dựng	1.872.263.680	4.428.112.647		
Phải thu từ hoạt động bán bê tông	190.314.290.850	221.400.899.250		
Phải thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng	67.403.681.795	57.923.242.935		
Phải thu từ hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí	1.335.755.540	1.250.755.540		
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	3.934.208.086	7.259.657.168		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>264.860.199.951</b>	<b>292.262.667.540</b>		
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(35.236.441.278)	(31.993.394.023)		

Chi tiết phải thu ngắn hạn của các khách hàng như sau:

Ban Quản lý dự án Xây dựng công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang	52.329.545.000	477.987.048
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tân Hoàn Thiện	11.283.413.146	13.051.968.643
Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Hòa	7.629.458.520	10.869.851.240
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	5.345.872.212	8.964.390.219
Các khách hàng khác	188.271.911.073	258.893.470.390
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>264.860.199.951</b>	<b>292.262.667.540</b>

Công ty và hai công ty con đã thế chấp các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Thuyết minh số 24).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Trả trước cho hoạt động sản xuất bê tông	1.493.103.976	2.326.386.868		
Trả trước cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	19.620.000	22.680.000		
Trả trước cho hoạt động thi công công trình	2.260.860.149	10.328.844.402		
Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản	1.876.004.500	2.241.055.500		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.649.588.625</b>	<b>14.918.966.770</b>		

Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi (101.977.000) (399.403.500)

Chi tiết trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Thủy Lực	-	1.814.340.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tân Hoàn Thiện	-	5.726.462.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Vinh Quang	1.000.000.000	-
Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thị xã Cai Lậy	931.260.000	931.260.000
Các nhà cung cấp khác	3.718.328.625	6.446.904.770
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.649.588.625</b>	<b>14.918.966.770</b>

Trong đó:

Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 37)	211.500.000	159.000.000
Trả trước cho các bên khác	5.438.088.625	14.759.966.770

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
<b>Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng cho nhân viên	45.322.736.597	53.286.331.683		
Tạm ứng kinh phí bồi thường	4.820.964.160	5.631.086.160		
Ký quỹ, ký cược	362.158.176	400.106.757		
Lãi tiền gửi phải thu	1.070.837.084	881.337.077		
Các khoản phải thu khác	734.075.022	683.913.978		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>52.310.771.039</b>	<b>60.882.775.655</b>		
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi	-	(10.500.000)		

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
<b>Dài hạn</b>				
Ký quỹ, ký cược	330.945.615	330.945.615		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>330.945.615</b>	<b>330.945.615</b>		

9. NỢ XẤU

Đối tượng nợ (*)	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>47.165.571.186</b>	<b>11.929.129.908</b>	<b>38.753.103.587</b>	<b>6.759.709.564</b>	<b>(31.993.394.023)</b>	<b>(31.993.394.023)</b>
Phải thu từ hoạt động bán vật liệu xây dựng	1.302.526.900	480.024.320	1.456.088.400	682.580.250	(763.508.150)	(763.508.150)
Phải thu từ hoạt động bán bê tông	44.023.344.052	11.449.105.588	32.882.089.593	6.067.129.314	(26.814.960.279)	(26.814.960.279)
Phải thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng	1.421.818.624	-	3.663.043.984	-	(3.663.043.984)	(3.663.043.984)
Phải thu từ hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí	339.408.540	-	339.408.540	-	(339.408.540)	(339.408.540)
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	78.473.070	-	412.473.070	-	(412.473.070)	(412.473.070)
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>101.977.000</b>	<b>-</b>	<b>399.403.500</b>	<b>-</b>	<b>(399.403.500)</b>	<b>(399.403.500)</b>
Trả trước cho hoạt động thi công công trình xây dựng	82.177.000	-	222.026.500	-	(222.026.500)	(222.026.500)
Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản	19.800.000	-	177.377.000	-	(177.377.000)	(177.377.000)
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.500.000</b>	<b>-</b>	<b>(10.500.000)</b>	<b>(10.500.000)</b>
Phải thu khác từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	-	10.500.000	-	(10.500.000)	(10.500.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.267.548.186</b>	<b>11.929.129.908</b>	<b>39.163.007.087</b>	<b>6.759.709.564</b>	<b>(32.403.297.523)</b>	<b>(32.403.297.523)</b>

(\*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 6, Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 8.

Trong năm Công ty đã thực hiện xóa các khoản nợ phải thu khó đòi trên 10 năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ và được Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023. Tổng giá trị các khoản nợ phải thu khó đòi đã thực hiện xóa và theo dõi ngoài sổ kế toán là 7.930.897.711 VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09-DN/HN

10. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	61.651.226	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	45.610.046.934	-	37.397.109.673	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	18.283.636	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	442.080.049.428	(367.440.582)	494.605.393.167	(367.440.582)
Thành phẩm	76.189.462.820	-	61.119.306.585	-
Thành phẩm bất động sản (**)	165.563.334.666	-	34.457.925.772	-
Hàng hóa	1.023.189.715	-	1.564.352.468	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>730.527.734.789</b>	<b>(367.440.582)</b>	<b>629.162.371.301</b>	<b>(367.440.582)</b>

(\*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các dự án kinh doanh bất động sản	381.385.921.632	-	482.556.598.459	-
Các công trình xây dựng	58.966.001.612	(367.440.582)	9.596.733.664	(367.440.582)
Các công trình thi công cơ khí	1.728.126.184	-	2.452.061.044	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>442.080.049.428</b>	<b>(367.440.582)</b>	<b>494.605.393.167</b>	<b>(367.440.582)</b>

(\*\*) Thành phẩm bất động sản của Công ty bao gồm:

- Đất nền phân lô thuộc dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, thị trấn Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Khu nhà ở Thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Dự án đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;
- Dự án đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường.

Một số quyền sử dụng đất của Dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, Dự án đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường, Dự án đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang (Thuyết minh số 24).

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	138.812.108.398	380.406.594.420	163.302.415.488	2.417.174.207	684.938.292.513
Tăng trong năm	5.326.464.714	7.559.361.501	1.421.792.000	226.818.182	14.534.436.397
Số cuối năm	144.138.573.112	387.965.955.921	164.724.207.488	2.643.992.389	699.472.728.910
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	606.513.373	163.660.424.055	21.778.807.843	849.556.332	186.895.301.603
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	45.331.878.183	250.409.634.143	80.326.508.718	2.226.324.197	378.294.345.241
Khấu hao trong năm	9.141.951.672	24.464.335.976	16.101.051.915	130.698.776	49.838.038.339
Số cuối năm	54.473.829.855	274.873.970.119	96.427.560.633	2.357.022.973	428.132.383.580
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	93.480.230.215	129.996.960.277	82.975.906.770	190.850.010	306.643.947.272
Số cuối năm	89.664.743.257	113.091.985.802	68.296.646.855	286.969.416	271.340.345.330
<b>Trong đó:</b>					
Sử dụng để thế chấp (*)	89.664.743.257	90.917.720.302	30.545.233.608	-	211.127.697.167

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 211.127.697.167 VND (31 tháng 12 năm 2022: 234.658.867.989 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại các Ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 24).

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	35.925.047.406	435.763.800	36.360.811.206
Tăng trong năm	2.616.100.213	-	2.616.100.213
Số cuối năm	38.541.147.619	435.763.800	38.976.911.419
<b>Trong đó:</b>			
Đã khấu hao hết	-	350.263.800	350.263.800
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	3.638.904.505	405.838.800	4.044.743.305
Hao mòn trong năm	1.049.694.432	17.100.000	1.066.794.432
Số cuối năm	4.688.598.937	422.938.800	5.111.537.737
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	32.286.142.901	29.925.000	32.316.067.901
Số cuối năm	33.852.548.682	12.825.000	33.865.373.682
<b>Trong đó:</b>			
Sử dụng để thế chấp (*)	33.852.548.682	-	33.852.548.682

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 33.852.548.682 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 32.286.142.901 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các tổ chức tín dụng (Thuyết minh số 24).

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Kiốt cho thuê	Đất, văn phòng, nhà kho cho thuê	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	1.580.316.192	21.708.121.863	23.288.438.055
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.289.838.521	3.289.838.521
Số cuối năm	1.580.316.192	24.997.960.384	26.578.276.576
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	1.360.827.832	4.568.917.106	5.929.744.938
Khấu hao trong năm	219.488.360	1.219.213.356	1.438.701.716
Số cuối năm	1.580.316.192	5.788.130.462	7.368.446.654

**BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

	VND		
	Kiot cho thuê	Đất, văn phòng, nhà kho cho thuê	Tổng cộng
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	219.488.360	17.139.204.757	17.358.693.117
Số cuối năm	-	19.209.829.922	19.209.829.922
<i>Trọng đổi:</i>			
Sử dụng để thế chấp (*)	-	15.412.498.253	15.412.498.253

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, bất động sản đầu tư của Công ty với tổng giá trị còn lại là 15.412.498.253 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 16.175.917.817 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang để Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 (Thuyết minh số 24).

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	3.431.115.335	3.122.637.952
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	2.378.735.668	2.087.087.016

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản cũng như tình hình kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 (*)	160.598.599.016	198.496.145.403
Chi phí xây dựng cơ bản Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2	34.546.179.241	33.262.851.525
Chi phí mua sắm xây dựng tài sản cố định	9.399.961.618	10.112.738.393
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>204.544.739.875</b>	<b>241.871.735.321</b>

(\*) Quyền sử dụng đất Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Thuyết minh số 24).

**15. CHI PHÍ ĐI VAY**

		VND	
		Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay trong năm	(Thuyết minh số 31)	19.868.241.314	11.290.429.775
Vốn hóa vào giá trị dự án bất động sản	(*)	6.146.087.540	12.755.403.915
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>26.014.328.854</b>	<b>24.045.833.690</b>

(\*) Các khoản chi phí đi vay được vốn hóa liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư Dự án đường D7 và khu dân cư hai bên đường (Thuyết minh số 10) và Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2 (Thuyết minh số 14).

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Testco với giá trị vốn góp là 260.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Testco là thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình; trụ sở chính đặt tại Lô 1, 2, 3 Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Chi tiết giá trị khoản đầu tư như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc khoản đầu tư	260.000.000	260.000.000
Phần lãi lũy kế trong công ty liên kết	108.501.505	105.107.729
<b>Giá trị thuần khoản đầu tư</b>	<b>368.501.505</b>	<b>365.107.729</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	365.107.729	409.822.683
Phần lãi trong công ty liên kết phát sinh trong năm	84.194.915	79.005.703
Cổ tức được chia	(65.000.000)	(88.400.000)
Giảm do công ty liên kết trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(15.801.139)	(35.320.657)
<b>Số cuối năm</b>	<b>368.501.505</b>	<b>365.107.729</b>

Thông tin tài chính tóm tắt của công ty liên kết như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng tài sản	2.098.532.456	2.044.368.829
Tổng nợ phải trả	256.074.928	218.830.183
Tài sản thuần	1.842.507.528	1.825.538.646
Tỷ lệ sở hữu	20,00%	20,00%
<b>Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần</b>	<b>368.501.505</b>	<b>365.107.729</b>

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	61.894.288	24.926.761
Thuế đất phi nông nghiệp	5.472.748	7.643.422
Chi phí trả trước khác	149.371.805	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>216.738.841</b>	<b>32.570.183</b>

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.806.253.723	5.231.554.725
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	587.441.828	553.586.697
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.393.695.551</b>	<b>5.785.141.422</b>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	98.098.129	98.098.129	1.949.842.900	1.949.842.900
Phải trả cho hoạt động sản xuất bê tông	283.070.325.396	283.070.325.396	230.985.583.595	230.985.583.595
Phải trả cho hoạt động thi công công trình	21.363.861.572	21.363.861.572	18.338.261.342	18.338.261.342
Phải trả cho hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí	6.301.640.201	6.301.640.201	1.339.642.984	1.339.642.984
Phải trả cho hoạt động kinh doanh bất động sản	10.743.823.612	10.743.823.612	16.634.248.670	16.634.248.670
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>321.577.748.910</b>	<b>321.577.748.910</b>	<b>269.247.579.491</b>	<b>269.247.579.491</b>

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Toàn	76.139.995.390	64.601.315.228
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Nghĩa Cường	39.154.269.817	30.445.723.389
Các nhà cung cấp khác	206.283.483.703	174.200.540.874
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>321.577.748.910</b>	<b>269.247.579.491</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i>	186.248.140	396.769.120
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	321.391.500.770	268.850.810.371

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận trước tiền bán vật liệu xây dựng	31.396.347	6.832.000
Nhận trước tiền bán bê tông	33.287.206.964	14.005.062.573
Nhận trước tiền thi công công trình xây dựng	67.779.500.289	79.640.960.752
Nhận trước tiền bán bất động sản	151.172.067.288	190.720.060.340
Nhận trước tiền thi công cơ giới	7.800.000	7.800.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>252.277.970.888</b>	<b>284.380.715.665</b>
<i>Chi tiết người mua trả tiền trước ngắn hạn như sau:</i>		
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang	46.809.237.000	-
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang	1.200.000.000	43.613.688.000
Ban Quản lý Đầu tư & Xây dựng Thủy lợi 10	5.025.876.000	19.473.000.000
Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Cai Lậy	2.035.647.000	13.634.405.000
Các khách hàng mua bất động sản	151.172.067.288	190.720.060.340
Các khách hàng khác	46.035.143.600	16.939.562.325
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>252.277.970.888</b>	<b>284.380.715.665</b>

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Thuế phải nộp	Thuế nộp thừa (*)	Số phải nộp	Số đã nộp	Thuế phải nộp	Thuế nộp thừa (*)
Thuế Giá trị gia tăng	2.816.461.652	4.358.287.947	19.573.091.729	21.288.861.134	676.442.965	3.934.038.665
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.001.220.112	3.208.936.234	27.360.402.251	12.283.232.376	15.869.453.753	-
Thuế Thu nhập cá nhân	164.120.881	35.429.200	3.499.789.550	3.507.321.893	131.450.045	10.290.707
Các loại thuế khác	2.800.000	-	208.135.788	209.112.988	1.822.800	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.984.602.645</b>	<b>7.602.653.381</b>	<b>50.641.419.318</b>	<b>37.288.528.391</b>	<b>16.679.169.563</b>	<b>3.944.329.372</b>

(\*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá vốn trích trước của lĩnh vực kinh doanh bất động sản	36.544.259.939	78.276.019.592
Chi phí thi công công trình xây dựng	3.275.681.292	26.840.615.146
Chi phí lãi vay	2.324.491.608	1.670.502.217
Các khoản khác	1.777.707.950	2.976.658.963
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.922.140.789</b>	<b>109.763.795.918</b>

**22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước	325.770.000	20.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>325.770.000</b>	<b>20.000.000</b>

**23. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	23.798.553	32.308.933
Nhận ký quỹ, ký cược	71.500.000	78.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.254.650.983	4.647.081.226
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.349.949.536</b>	<b>4.757.390.159</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i>	13.186.591	13.186.591
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	1.336.762.945	4.744.203.568
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	533.040.000	533.040.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>533.040.000</b>	<b>533.040.000</b>

24. VAY

	Số đầu năm	Tiền thu từ đi vay	Tiền chi trả nợ gốc vay	Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>					
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	188.764.972.868	245.142.873.700	(333.924.622.764)	216.594.771.125	316.577.994.929
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang (a)	114.271.186.288	245.142.873.700	(261.769.958.694)	-	97.644.101.304
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	114.271.186.288	245.142.873.700	(261.769.958.684)	-	97.644.101.304
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang (b)	74.493.786.580	-	(72.154.664.080)	216.594.771.125	218.933.893.625
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang (c)	14.194.834.580	-	(14.537.292.080)	14.669.166.460	14.326.708.960
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (d)	12.546.892.000	-	(12.546.892.000)	29.646.892.000	29.646.892.000
Vay các cá nhân (e)	42.347.780.000	-	(42.347.780.000)	42.973.703.090	42.973.703.090
<b>Vay dài hạn</b>	5.404.280.000	-	(2.722.700.000)	129.305.009.575	131.986.589.575
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang (b)	303.167.504.144	97.073.694.200	(14.584.873.677)	(216.594.771.125)	169.061.553.542
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang (c)	16.642.768.846	4.375.173.156	-	(14.669.166.460)	6.348.775.542
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (d)	99.272.428.531	43.574.811.469	-	(29.646.892.000)	113.200.348.000
Vay các cá nhân (e)	55.205.533.090	-	-	(42.973.703.090)	12.231.830.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	132.046.773.677	49.123.709.575	(14.584.873.677)	(129.305.009.575)	37.280.600.000
<b>Số có khả năng trả nợ</b>	491.932.477.012	342.216.567.900	(348.509.496.441)	-	485.639.548.471
	491.932.477.012				485.639.548.471

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

Hợp đồng vay	Số cuối năm (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Số 05/2023/433488/HETD ngày 12 tháng 12 năm 2023	58.965.018.000	Từ 5 tháng đến 6 tháng	Từ 5,3 đến 6,3	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi và thi công các công trình	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.692,8 m <sup>2</sup> , địa chỉ: Khu phố 6, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Số 01/2023/1678922/HETD ngày 05 tháng 12 năm 2023	22.645.468.624	6 tháng	Từ 5,5 đến 6,1	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn, mở L/C nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh	Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 600, tờ bản đồ số 33, diện tích 158,9 m <sup>2</sup> , địa chỉ: ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
					Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3, diện tích 11.451,7 m <sup>2</sup> , địa chỉ: xã Sơn Phú, huyện Giồng Chôm, tỉnh Bến Tre
					Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang
					Quyền đòi nợ từ các hợp đồng thi công xây lắp/hợp đồng kinh tế
					Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.195,5 m <sup>2</sup> , địa chỉ: ấp Ông Cai, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang
					Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.270,6 m <sup>2</sup> , địa chỉ: ấp Sơn Quy A, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang
					Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 06, diện tích 118.574 m <sup>2</sup> , địa chỉ: ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
					Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, quyền đòi nợ (các khoản phải thu khách hàng), hàng hóa luân chuyển theo các hợp đồng mà Công ty TNHH MTV Bê tông TICC0 là người thụ hưởng

**Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)**

Hợp đồng vay	Số cuối năm (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Số 01/2023/12223824/HĐTD ngày 15 tháng 12 năm 2023	16.033.614.680	6 tháng	5,9	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn, mở L/C nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 6, diện tích 118.574,5 m <sup>2</sup> , địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2023/12223824/HĐBBĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, quyền đòi nợ (các khoản phải thu khách hàng), hàng hóa luân chuyển theo các hợp đồng mà Công ty TNHH MTV Bé tông TICCO Tân Phước là người thụ hưởng

**TỔNG CỘNG**

**97.644.101.304**

**(b) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang**

Hợp đồng vay	Số cuối năm (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Số 02/2018/433488/HĐTD ngày 23 tháng 5 năm 2018	1.800.000.000	84 tháng	9,7	Mua 6 xe trộn bê tông Hyundai HD720	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 04/2018/433488/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2018	591.422.000	84 tháng	9,7	Mua 1 xe tải hiệu Hyundai HD210 và 1 bơm bê tông Putzmeister	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 01/2019/433488/HĐTD ngày 24 tháng 5 năm 2019	80.000.000	60 tháng	9,7	Mua 1 xe Toyota Fortuner G (FG)	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 01/2020/433488/HĐTD ngày 04 tháng 11 năm 2020	366.800.000	60 tháng	9,7	Mua 1 xe 10 chỗ Hyundai Solati	Tài sản hình thành từ vốn vay

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)**

Hợp đồng vay	Số cuối năm (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Số 02/2019/12223824/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2019	4.535.555.984	57 tháng	8,5	Thực hiện bàn giao toàn bộ dự án "Dự án đầu tư xưởng ống công nghệ máy bê tông Tân Phước" từ Công ty TNHH MTV Bé tông TICCO sang Công ty TNHH MTV Bé tông TICCO Tân Phước	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1601, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.195,5 m <sup>2</sup> , địa chỉ: Ấp Ông Cai, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang Các tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/12223824/HĐBBĐ và hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2019/12223824/HĐBBĐ ký cùng ngày 05 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty TNHH MTV Bé tông TICCO Tân Phước với Ngân hàng Toàn bộ số dư tiền gửi tại Ngân hàng; Các khoản phải thu, hàng hóa luân chuyển của các hợp đồng kinh tế mà Công ty TNHH MTV Bé tông TICCO Tân Phước là người thụ hưởng Toàn bộ quyền đòi nợ, quyền phải thu phát sinh theo các hợp đồng kinh tế mà Công ty TNHH MTV Bé tông TICCO Tân Phước ký kết với các khách hàng, đối tác
Số 01/2020/12223824/HĐTD ngày 30 tháng 01 năm 2020	293.085.394	60 tháng	8,5	Mua 10 bộ khuôn cọc tròn D600 mm, L17.4M (10.4+2+2+3)	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 02/2020/12223824/HĐTD ngày 27 tháng 02 năm 2020	1.207.500.000	60 tháng	8,5	Mua 04 xe bồn trộn bê tông Hyundai HD270	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 03/2020/12223824/HĐTD ngày 28 tháng 7 năm 2020	1.509.163.000	60 tháng	8,5	Mua 01 xe xúc và 01 trạm trộn bê tông 120 m <sup>3</sup> /h	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 04/2020/12223824/HĐTD ngày 26 tháng 9 năm 2020	252.700.000	60 tháng	8,5	Mua 01 xe ô tô Ford Everest	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 05/2020/12223824/HĐTD ngày 26 tháng 10 năm 2020	2.790.000.000	59 tháng	8,5	Mua 01 xe đầu kéo HONGYANG; 01 rơ moóc tải DOOSUNG và 05 xe bồn trộn bê tông HINO	Tài sản hình thành từ vốn vay



<b>Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiên Giang (tiếp theo)</b>					
Hợp đồng vay	Số cuối năm (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Số 06/2020/12223824/HĐTD ngày 07 tháng 12 năm 2020	700.000.000	57 tháng	8,5	Mua 01 xe HINO FM8JW7A lắp cầu thủy lục	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 01/2021/12223824/HĐTD ngày 15 tháng 6 năm 2021	1.285.223.547	60 tháng	8,5	Mua 20 bộ khuôn cọc ống D350, D400 và dàn quay ly tâm D300-D600.	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 01/2022/12223824/HĐTD ngày 17 tháng 5 năm 2022	1.231.318.921	60 tháng	8,5	Mua khuôn dầm I33	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 01/2023/12223824/HĐTD ngày 12 tháng 01 năm 2023	1.635.342.680	60 tháng	8,5	Đầu tư xưởng sản xuất cọc vuông, gói cồng	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 02/2023/12223824/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2023	1.489.542.976	60 tháng	8,0	Xây dựng đường ray cồng trục, cồng trục, khuôn dầm superT	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 03/2023/12223824/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2023	907.830.000	60 tháng	8,0	Đầu tư khuôn cọc ván W740, W940	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.675.484.502</b>				
<b>Trong đó:</b>					
Vay dài hạn đến hạn trả	14.326.708.960				
Vay dài hạn	6.348.775.542				

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**(c) Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiên Giang**

Hợp đồng vay	Số cuối năm (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Số 02/2019/HĐTD ngày 04 tháng 6 năm 2019	31.367.240.000	72 tháng	6,9	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1	Các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất sau: Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3, diện tích 276 m <sup>2</sup> , địa chỉ: khu phố 4, phường 3, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang Thửa đất số 63 và 64, tờ bản đồ số 3, tổng diện tích 552 m <sup>2</sup> , địa chỉ: ấp Long Mỹ, xã Long Chánh, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28, diện tích 465,6 m <sup>2</sup> , địa chỉ: ấp 5, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 947, 948, 949 và 950, tờ bản đồ số 11, tổng diện tích 1.195,4 m <sup>2</sup> , địa chỉ: ấp Hưng Hòa, xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang Quyền sử dụng đất thừa đất số 90, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.724,3 m <sup>2</sup> , địa chỉ: ấp Long Mỹ, xã Long Chánh, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2114, tờ bản đồ số GTC1, diện tích 24.726 m <sup>2</sup> , địa chỉ: ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 1019 và 1020, tờ bản đồ số 11, tổng diện tích 1.486 m <sup>2</sup> , địa chỉ: ấp Long Mỹ, xã Long Chánh, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 506, tờ bản đồ số 33, diện tích 259,6 m <sup>2</sup> , địa chỉ: ấp 2, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Số 08/2022/HĐTD-TĐTD ngày 22 tháng 11 năm 2022	85.500.000.000	48 tháng	6,6	Đầu tư Dự án đường D7 và khu dân cư hai bên đường	
Số 06/2023/HĐTD-TĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2023	25.980.000.000	60 tháng	6,3	Đầu tư Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2	Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 34.750,30 m <sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất tại ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>142.847.240.000</b>				
<b>Trong đó:</b>					
Vay dài hạn đến hạn trả	29.646.892.000				
Vay dài hạn	113.200.348.000				

(d) **Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang**

Hợp đồng vay	Số cuối năm (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Số 0363/VCB-KH/19CD ngày 04 tháng 9 năm 2019	1.437.000.000	60 tháng	7,6	Đầu tư thay thế Trạm bê tông Chi nhánh Gò Công	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 0364/VCB-KH/19CD ngày 04 tháng 09 năm 2019	500.000.000	60 tháng	7,6	Đầu tư thiết bị thi công ép cọc	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 0598/VCB-KH/20CD ngày 14 tháng 12 năm 2020	32.748.063.090	48 tháng	8,1	Đầu tư Dự án đầu tư đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường	Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 2130, 2131, 2132, 2133, 2138, 2139, 2140, 2144 và 2145, tờ bản đồ số GTC1, tổng diện tích 102.055,2 m <sup>2</sup> , địa chỉ: ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 28, diện tích 925,9 m <sup>2</sup> , địa chỉ: 46-48, Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Số 0551/VCB-KH/19CD ngày 16 tháng 11 năm 2019	1.286.000.000	60 tháng	7,5	Mua 06 xe chuyển trộn hiệu Hino và 01 xe bơm bê tông hiệu Putzmeister	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 0528/VCB-KH/20CD ngày 23 tháng 9 năm 2020	2.784.250.000	60 tháng	8,1	Mua 01 xe ô tô bơm bê tông hiệu KCP, cần dài 38 mét và 01 ô tô bơm bê tông hiệu KCP cần dài 45 mét	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 0653/VCB-KH/20CD ngày 25 tháng 11 năm 2020	2.828.000.000	60 tháng	8,0	Mua 06 xe ô tô chuyển trộn nhãn hiệu Hyundai	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 0570/VCB-KH/20CD ngày 25 tháng 11 năm 2020	2.828.000.000	60 tháng	8,0	Mua 06 xe ô tô chuyển trộn nhãn hiệu Hyundai	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng số 0447/VCB-KH/19CD ngày 01/10/2019	955.000.000	60 tháng	8,7	Mua 04 xe chuyển trộn bê tông tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOTân Phước	Tài sản hình thành từ vốn vay

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)**

Hợp đồng vay	Số cuối năm (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Số 0772/VCB-KH/22CD ngày 28 tháng 11 năm 2022.	4.885.680.000	84 tháng	11,0	Đầu tư tài sản cố định căn nhà số A09-08 và A09-09 thuộc dự án đường Nguyễn Trọng Dân và KDC hai bên đường tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	Tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 425, tờ bản đồ số 9, diện tích 115 m <sup>2</sup> , địa chỉ: khu phố 5, phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 426, tờ bản đồ số 9, diện tích 115 m <sup>2</sup> , địa chỉ: khu phố 5, phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang
Số 0874/VCB-KH/22CD ngày 28 tháng 12 năm 2022	4.953.540.000	84 tháng	11,1	Đầu tư tài sản cố định căn nhà số A09-06 và A09-07 thuộc dự án đường Nguyễn Trọng Dân và KDC hai bên đường tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	Tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 423, tờ bản đồ số 9, diện tích 115 m <sup>2</sup> , địa chỉ: khu phố 5, phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 424, tờ bản đồ số 9, diện tích 115 m <sup>2</sup> , địa chỉ: khu phố 5, phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.205.533.090</b>				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	42.973.703.090				
Vay dài hạn	12.231.830.000				

(e) **Vay các cá nhân**

Khoản vay dài hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay từ 13 tháng đến 24 tháng, hình thức vay tín chấp, lãi suất theo thỏa thuận nhưng không vượt quá 12,5%/năm.

VAY (tiếp theo)

Ngoài ra, Nhóm Công ty còn ký kết với các ngân hàng các hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức sau:

Công ty ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 06/2023/433488/HĐBL ngày 12 tháng 12 năm 2023 với hạn mức bảo lãnh là 220.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh đến ngày 12 tháng 12 năm 2024. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại số 490 Đình Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho; toàn bộ số dư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang; quyền đòi nợ và ký quỹ 5% giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các hợp đồng cấp bảo lãnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số dư bảo lãnh của hợp đồng này là 127.812.069.493 VND.

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 06/2023/12223824/HĐBL ngày 15 tháng 12 năm 2023 với hạn mức bảo lãnh là 10.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh đến ngày 15 tháng 12 năm 2024, tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2023/12223824/HĐBĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2023/433488/HĐBĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 và hợp đồng thế chấp bất động sản số 05/2023/12223824/HĐBĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước còn dùng toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế để đảm bảo cho hợp đồng này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số dư bảo lãnh của hợp đồng này là 1.990.396.000 VND.

Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2023/9075085/HĐBL ngày 16 tháng 10 năm 2023 với hạn mức bảo lãnh là 60.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh đến ngày 16 tháng 10 năm 2024. Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO dùng toàn bộ số dư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang, quyền đòi nợ và ký quỹ 40% giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các hợp đồng cấp bảo lãnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số dư bảo lãnh của hợp đồng này là 4.978.878.750 VND.

Công ty ký kết với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang (ABBANK) hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1619/22/TD/XXVI ngày 11 tháng 3 năm 2022 với hạn mức là 50.000.000.000 VND. Công ty thực hiện ký quỹ tại ABBANK đối với hạn mức bảo lãnh và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết trực tiếp với các đối tác có nguồn thanh toán từ Ngân sách Nhà nước để đảm bảo cho các hợp đồng cấp bảo lãnh này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số dư bảo lãnh của hợp đồng này là 2.463.000.000 VND.

Công ty ký kết với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang hợp đồng cấp bảo lãnh từng lần số 0166/23/ABBANK-BLTL/BB/058 ngày 27 tháng 12 năm 2023 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp bảo lãnh từng lần số SĐBS.01- 0166/23/ABBANK-BLTL/BB/058 ngày 29 tháng 12 năm 2023 với số tiền bảo lãnh là 3.787.245.400 VND. Công ty thực hiện ký quỹ bằng tiền và cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh này. Tại ngày 31/12/2023, số dư bảo lãnh là 3.787.245.400 VND.

25. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng	9.427.401.810	9.495.450.424
Dự phòng chi phí bảo hành công trình cơ khí	433.181.712	400.309.417
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.860.583.522</b>	<b>9.895.759.841</b>
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Dài hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo trì Cụm Công Nghiệp Gia Thuận 1	3.522.415.159	4.981.975.660
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.522.415.159</b>	<b>4.981.975.660</b>

26. QUỸ KHEN THƯỜNG VÀ PHÚC LỢI

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	2.870.179.927	4.619.291.020	979.837.300	8.469.308.247
Trích lập trong năm	3.901.332.113	3.871.212.830	-	7.772.544.943
Thu khác	-	2.557.000.000	-	2.557.000.000
Điều chỉnh giữa các quỹ	1.078.591.362	(1.078.591.362)	-	-
Sử dụng trong năm	(3.277.162.700)	(6.180.471.000)	(979.837.300)	(10.437.471.000)
Số cuối năm	<b>4.572.940.702</b>	<b>3.788.441.488</b>	-	<b>8.361.382.190</b>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	4.572.940.702	3.788.441.488	-	8.361.382.190
Trích lập trong năm (*)	7.995.345.399	3.695.012.971	-	11.690.358.370
Sử dụng trong năm	(7.868.467.610)	(4.858.039.850)	-	(12.726.507.460)
Số cuối năm	<b>4.699.818.491</b>	<b>2.625.414.609</b>	-	<b>7.325.233.100</b>

(\*) Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh số 27.1).

## 27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 27.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	VND Tổng cộng
<b>Năm trước</b>							
Số đầu năm	159.713.060.000	5.700.930.000	-	134.102.713.095	222.635.117.299	8.425.129.845	530.576.950.239
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	142.130.895.008	1.777.148.717	143.908.043.725
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	25.707.687.921	(33.450.113.580)	(30.119.284)	(7.772.544.943)
Chia cổ tức	39.925.870.000	-	-	-	(63.881.504.700)	(1.000.000.000)	(24.955.634.700)
Giảm do công ty liên kết trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(19.720.657)	-	(19.720.657)
Số cuối năm	199.638.930.000	5.700.930.000	-	159.810.401.016	267.414.673.370	9.172.159.278	641.737.093.664
<b>Năm nay</b>							
Số đầu năm	199.638.930.000	5.700.930.000	-	159.810.401.016	267.414.673.370	9.172.159.278	641.737.093.664
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	116.664.683.914	2.170.080.395	118.834.764.309
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (*)	-	-	-	28.781.608.745	(40.365.338.192)	(106.628.923)	(11.690.358.370)
Chia cổ tức (**)	29.940.030.000	-	1.000.000.000	-	(90.831.709.000)	(500.000.000)	(60.391.679.000)
Giảm do công ty liên kết trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(15.801.139)	-	(15.801.139)
Số cuối năm	229.578.960.000	5.700.930.000	1.000.000.000	188.592.009.761	252.866.508.953	10.735.610.750	688.474.019.464

(\*) Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023. Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 là 45% vốn điều lệ (tương ứng 89.837.518.500 VND) bao gồm cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 30% vốn điều lệ và cổ tức chi trả bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vốn điều lệ; trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi với mức trích lần lượt là 20% và 8% lợi nhuận sau thuế năm 2022 (tương ứng 28.426.179.002 VND và 11.370.471.601 VND).

(\*\*) Công ty Cổ phần Xây dựng TICCOC phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-DHĐCĐ.XD TICCOC ngày 08 tháng 4 năm 2023. Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 là 30% vốn điều lệ (tương ứng 4.500.000.000 VND) bao gồm cổ tức đã tạm ứng trong năm 2022 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 10% vốn điều lệ và cổ tức chi trả bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ; trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi với mức trích lần lượt là 10% và 6% lợi nhuận sau thuế năm 2022 (tương ứng 533.144.615 VND và 319.886.769 VND).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09-DN/HN

## 27.2. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	22.957.896	19.963.893
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.957.896	19.963.893
Cổ phiếu phổ thông	22.957.896	19.963.893
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.957.896	19.963.893
Cổ phiếu phổ thông	22.957.896	19.963.893

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

## 28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán bê tông	1.112.393.114.805	1.043.967.240.382
Doanh thu thi công công trình xây dựng và cơ khí	317.242.054.994	219.271.455.394
Doanh thu kinh doanh bất động sản	210.735.878.592	344.880.165.979
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	12.305.429.430	19.448.448.204
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	3.431.115.335	3.122.637.952
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.672.872.161	17.363.489.956
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.669.780.465.317</b>	<b>1.648.053.437.867</b>

## 29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán bê tông	862.897.492.661	846.974.318.850
Giá vốn thi công công trình xây dựng và cơ khí	285.921.251.995	195.112.801.883
Giá vốn kinh doanh bất động sản	117.868.853.559	201.551.606.454
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	8.222.930.828	14.372.323.911
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	2.378.735.668	2.087.087.016
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.694.414.358	12.865.647.572
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.287.983.679.069</b>	<b>1.272.963.785.686</b>

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.989.120.541	5.357.929.104
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.814.290	26.411.730
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.994.934.831</b>	<b>5.384.340.834</b>

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.868.241.314	11.290.429.775
Lỗ chênh lệch tỷ giá	31.007.153	9.787.080
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.899.248.467</b>	<b>11.300.216.855</b>

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	18.119.979.253	18.504.537.366
Chi phí vật liệu, bao bì	44.616.172.581	49.546.181.010
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	10.634.693	5.598.512
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	11.359.652.123	11.312.257.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.607.440.277	56.568.634.348
Chi phí bằng tiền khác	6.373.545.143	6.880.482.182
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>161.087.424.070</b>	<b>142.807.690.942</b>

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	29.489.357.305	26.309.944.013
Chi phí vật liệu quản lý	738.703.491	805.495.980
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.765.913.049	1.651.480.904
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.839.157.936	1.848.064.269
Thuế, phí và lệ phí	772.338.052	1.017.237.455
Chi phí dự phòng	10.866.018.466	1.736.203.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.975.931.857	2.206.596.583
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.552.180.448	11.890.506.711
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>61.999.600.604</b>	<b>47.465.529.433</b>

34. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	-	722.538.182
Hoàn nhập bảo hành công trình xây dựng	480.034.664	2.050.200.926
Các khoản khác	235.126.866	835.927.379
	<b>715.161.530</b>	<b>3.608.666.487</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản bị phạt	(345.751.436)	(430.876.054)
Các khoản khác	(976.124.565)	(593.096.245)
	<b>(1.321.876.001)</b>	<b>(1.023.972.299)</b>
<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN</b>	<b>(606.714.471)</b>	<b>2.584.694.188</b>

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.138.285.882.583	1.134.037.113.404
Chi phí nhân công	162.899.318.620	141.383.036.457
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12 và 13)	52.343.534.487	47.424.531.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.993.737.910	384.070.094.343
Các chi phí khác	51.001.879.807	46.634.229.709
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.574.524.363.407</b>	<b>1.763.549.005.090</b>

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại huyện Tân Phước của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2017) và mức thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo; được miễn thuế bốn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Năm 2023, thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại huyện Tân Phước của công ty TNHH MTV Bê Tông TICCO Tân Phước áp dụng thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ thực hiện dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 1 của Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 17% trong 10 năm, được miễn thuế TNDN trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2023, thu nhập từ thực hiện dự án này được miễn thuế TNDN.

Ngoài các ưu đãi thuế TNDN nói trên, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**36.1. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.350.402.251	36.175.949.249
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.087.761.822	1.480.262.702
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>28.448.164.073</b>	<b>37.656.211.951</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>147.282.928.382</b>	<b>181.564.255.676</b>
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	29.456.585.676	36.312.851.135
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất các công ty con	(2.431.623.137)	(1.758.783.083)
Lỗ đã ghi nhận thuế hoãn lại không được chuyển lỗ	1.141.091.854	2.528.487.163
Thu nhập không chịu thuế	(16.838.983)	(15.801.140)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.041.157.283	1.145.267.995
Thuế TNDN được miễn, giảm	(1.262.231.526)	(879.391.542)
Điều chỉnh thuế TNDN hiện hành các kỳ trước	520.022.906	415.614.243
Điều chỉnh thuế TNDN hoãn lại các kỳ trước	-	(92.032.820)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>28.448.164.073</b>	<b>37.656.211.951</b>

**36.2. Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
	VND			
Các khoản lỗ tính thuế	855.740.253	1.141.091.854	(285.351.601)	(2.200.258.282)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	73.488.116	73.488.116	-	-
Khấu hao tài sản cố định	117.613.857	117.613.857	-	-
Lãi chưa thực hiện khi hợp nhất	4.177.705.455	4.980.115.676	(802.410.221)	719.995.580
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>5.224.547.681</b>	<b>6.312.309.503</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>			<b>(1.087.761.822)</b>	<b>(1.480.262.702)</b>

**Lỗ tính thuế chuyển sang năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 4.278.701.267 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Đây là khoản lỗ tính thuế phát sinh trong năm 2023 theo tờ khai quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trị giá 855.740.253 VND từ khoản lỗ lũy kế nói trên.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tính trên các khoản lỗ tính thuế lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền 1.141.091.854 VND được hoàn nhập theo Kết luận về việc thanh tra thuế số 2744/KL-CTTG ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Cục thuế tỉnh Tiền Giang.

**37. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**37.1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan của Nhóm Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Testco	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông - Thủy lợi Tiền Giang	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt là ông Nguyễn Hữu Hiệp

Các giao dịch của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Testco	Thuê thí nghiệm	1.172.539.535	473.474.791
	Nhận cổ tức	65.200.000	88.400.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông - Thủy lợi Tiền Giang	Thuê tư vấn thiết kế	-	230.707.071

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông - Thủy lợi Tiền Giang	211.500.000	159.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>211.500.000</b>	<b>159.000.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông - Thủy lợi Tiền Giang	-	45.000.000
Công ty Cổ phần Testco	186.248.140	351.769.120
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>186.248.140</b>	<b>396.769.120</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Testco	13.186.591	13.186.591
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.186.591</b>	<b>13.186.591</b>

37.2. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Năm nay			Năm trước			VND
		Lương chức danh	Lương kiêm nhiệm/Thưởng	Cộng	Lương chức danh	Lương kiêm nhiệm/Thưởng	Cộng	
<b>Hội đồng quản trị (HDQT)</b>								
Ông Trần Hoàng Huân	Chủ tịch - Thường trực HDQT	2.053.521.015	252.000.000	2.305.521.015	2.315.636.023	130.569.590	2.446.205.613	
Ông Vũ Huy Giáp	Thành viên	355.327.238	-	355.327.238	715.180.379	82.569.590	797.749.969	
Ông Lê Vinh Hiến	Thành viên	-	-	-	320.091.129	-	320.091.129	
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên	355.327.238	-	355.327.238	320.091.129	-	320.091.129	
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	355.327.238	40.000.000	395.327.238	320.091.129	-	320.091.129	
Bà Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên	355.327.238	86.000.000	441.327.238	320.091.128	48.000.000	368.091.128	
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên	276.884.825	40.000.000	316.884.825	80.000.000	-	80.000.000	
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>300.000.000</b>	<b>634.437.250</b>	<b>934.437.250</b>	<b>300.000.000</b>	<b>502.799.375</b>	<b>611.881.632</b>	
Ông Trương Bích Huyền	Trưởng ban	-	-	-	36.000.000	-	36.000.000	
Ông Phan Trọng Liêm	Thành viên	-	-	-	32.000.000	-	32.000.000	
Bà Phạm Thị Xuân Lan	Thành viên	-	-	-	32.000.000	-	32.000.000	
Ông Nguyễn Tiến Nhân	Trưởng ban	108.000.000	312.100.938	420.100.938	72.000.000	161.390.415	233.390.415	
Bà Nguyễn Kiều Diễm Trang	Thành viên	96.000.000	197.351.730	293.351.730	64.000.000	214.491.217	278.491.217	
Bà Đoàn Thị Hồng Cẩm	Thành viên	96.000.000	124.984.582	220.984.582	64.000.000	126.917.743	190.917.743	
<b>Ban điều hành</b>		<b>1.567.447.542</b>	<b>260.787.500</b>	<b>1.828.235.042</b>	<b>1.788.280.000</b>	<b>268.000.000</b>	<b>2.056.280.000</b>	
Ông Vũ Huy Giáp	Tổng Giám đốc	486.000.000	74.800.000	560.800.000	558.560.000	74.000.000	632.560.000	
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	438.000.000	74.400.000	512.400.000	441.280.000	74.000.000	515.280.000	
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	378.000.000	68.400.000	446.400.000	441.280.000	74.000.000	515.280.000	
Bà Lê Mỹ Phương	Kế toán trưởng	-	-	-	347.160.000	46.000.000	393.160.000	
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hương	Kế toán trưởng	265.447.542	43.187.500	308.635.042	-	-	-	

50/01/2024 (TNG) (S)

38. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay	Năm trước
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận sau thuế (VND)	116.664.683.914	142.130.895.008
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(6.999.881.035)	(11.370.471.601)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>109.664.802.879</b>	<b>130.760.423.407</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (**)	22.957.896	22.957.896
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.777</b>	<b>5.696</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	109.664.802.879	130.760.423.407
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	-	-
<b>Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng (VND)</b>	<b>109.664.802.879</b>	<b>130.760.423.407</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	22.957.896	22.957.896
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>22.957.896</b>	<b>22.957.896</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.777</b>	<b>5.696</b>

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2022 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023.

**LÃI TRÊN CỔ PHIẾU** (tiếp theo)

(\*\*) Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh lại số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân năm 2022 như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	133.603.041.308	(2.842.617.901)	130.760.423.407
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	19.963.893	2.994.003	22.957.896
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	6.692	(997)	5.696

**39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

**39.1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh bê tông; Thi công công trình; Kinh doanh bất động sản và Kinh doanh khác. Nhóm Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 5 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO (công ty con cấp 2);
- Bộ phận sản xuất, kinh doanh bê tông: Sản xuất, kinh doanh bê tông tươi, bê tông đúc sẵn; đồng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con cấp 1), Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước (công ty con cấp 1) và Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (công ty con cấp 2).
- Bộ phận thi công công trình: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính Công ty; Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (công ty con cấp 1) và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO (công ty con cấp 1);
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư, cho thuê bất động sản và cho thuê lại quyền sử dụng đất tại các cụm công nghiệp. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh BĐS TICCO (công ty con cấp 1), và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sản Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOreal) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Trung tâm Dịch vụ Công nghiệp TICCO;
- Bộ phận kinh doanh khác: Bao gồm hoạt động sản xuất gia công sản phẩm cơ khí, thi công cơ giới,... Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO (công ty con cấp 2).

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09-DN/HN

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

Số cuối năm	Lĩnh vực kinh doanh					Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận	VND
	Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bê tông	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác			
<b>Tài sản</b>								
Tài sản bộ phận	2.638.187.336	360.905.265.371	366.808.354.206	635.901.027.511	12.385.874.582	-	1.378.638.709.008	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	1.078.218.460.369	1.078.218.460.369	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.638.187.336</b>	<b>360.905.265.371</b>	<b>366.808.354.206</b>	<b>635.901.027.511</b>	<b>12.385.874.582</b>	<b>1.078.218.460.369</b>	<b>2.456.857.169.377</b>	<b>(604.627.070.045) 1.852.230.099.332</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Nợ phải trả bộ phận	4.608.345.646	547.445.736.730	444.469.811.608	210.679.164.760	8.932.032.897	-	1.216.135.091.641	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	344.645.737.959	344.645.737.959	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>4.608.345.646</b>	<b>547.445.736.730</b>	<b>444.469.811.608</b>	<b>210.679.164.760</b>	<b>8.932.032.897</b>	<b>344.645.737.959</b>	<b>1.560.780.829.600</b>	<b>(397.024.749.732) 1.163.756.079.868</b>
<b>Số đầu năm</b>								
Tài sản	6.982.765.866	334.299.999.218	185.475.659.699	795.051.435.297	10.617.372.902	-	1.332.437.232.982	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	1.086.529.439.177	1.086.529.439.177	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>6.982.765.866</b>	<b>334.299.999.218</b>	<b>185.475.659.699</b>	<b>795.051.435.297</b>	<b>10.617.372.902</b>	<b>1.086.529.439.177</b>	<b>2.418.966.672.159</b>	<b>(570.383.522.123) 1.848.583.150.036</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Nợ phải trả bộ phận	6.302.544.603	498.876.539.585	558.646.986.382	293.018.431.092	5.290.029.012	-	1.362.134.530.674	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	223.279.692.849	223.279.692.849	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>6.302.544.603</b>	<b>498.876.539.585</b>	<b>558.646.986.382</b>	<b>293.018.431.092</b>	<b>5.290.029.012</b>	<b>223.279.692.849</b>	<b>1.585.414.223.523</b>	<b>(378.568.167.151) 1.206.846.056.372</b>



**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng				Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bé tông		Lĩnh vực kinh doanh bất động sản		Lĩnh vực kinh doanh khác		Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận		Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
	Lĩnh vực kinh doanh xây dựng	Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bé tông	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất						
Doanh thu thuần bộ phận	19.794.526.666	1.281.656.114.591	601.290.138.458	214.667.594.836	27.624.625.860	-	-	2.145.032.990.411	(475.252.525.094)	1.669.780.465.317					
Giá vốn bộ phận	15.752.697.532	1.027.560.927.658	574.233.796.743	120.399.771.045	24.318.773.558	-	-	1.762.265.966.506	(474.282.287.437)	1.287.983.679.069					
Chi phí bán hàng	1.059.796.529	161.238.605.070	-	3.223.641.314	-	-	-	165.532.042.913	(4.444.618.843)	161.087.424.070					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	917.022.138	33.548.890.180	18.001.183.762	9.127.733.602	1.001.407.879	-	-	62.596.237.551	(596.636.947)	61.999.600.604					
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>2.055.010.467</b>	<b>59.307.691.683</b>	<b>9.055.157.993</b>	<b>81.916.438.875</b>	<b>2.304.444.423</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>154.638.743.441</b>	<b>(4.071.018.133)</b>	<b>158.709.761.574</b>					
Doanh thu hoạt động tài chính	52.041.442	3.484.301.768	773.790.476	6.733.874.876	1.758.620	61.330.665.565	21.919.073.665	72.376.432.767	(63.381.497.936)	8.994.934.831					
Chi phí tài chính	-	31.007.153	-	-	-	-	-	21.950.080.818	(2.050.832.351)	19.899.248.467					
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	84.194.915					
Thu nhập khác	-	10.500.000	546.602.893	133.692.468	110.167.763	-	-	800.763.104	(85.601.574)	715.161.530					
Chi phí khác	-	649.017.819	597.406.872	101.484.013	601.842	-	-	1.348.510.546	(26.634.545)	1.321.876.001					
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2.107.051.909</b>	<b>62.122.468.479</b>	<b>9.776.044.490</b>	<b>88.682.422.196</b>	<b>2.415.768.954</b>	<b>39.411.591.920</b>	<b>204.517.347.948</b>	<b>(57.234.419.566)</b>	<b>147.282.928.382</b>	<b>147.282.928.382</b>					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	421.475.182	7.904.628.188	3.438.147.866	15.175.352.747	420.798.268	-	-	27.360.402.251	-	27.360.402.251					
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	285.351.601	-	-	-	-	285.351.601	-	1.087.761.822					
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1.685.576.727</b>	<b>54.217.840.291</b>	<b>6.054.545.023</b>	<b>73.507.069.449</b>	<b>1.994.970.686</b>	<b>39.411.591.920</b>	<b>176.871.594.096</b>	<b>(98.036.829.787)</b>	<b>118.834.764.309</b>	<b>118.834.764.309</b>					

VND

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang**  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09-DN/HN

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Năm trước	Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng				Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bé tông		Lĩnh vực kinh doanh bất động sản		Lĩnh vực kinh doanh khác		Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận		Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
	Lĩnh vực kinh doanh xây dựng	Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bé tông	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất						
Doanh thu thuần bộ phận	28.672.800.693	1.145.759.798.625	513.010.899.168	363.904.351.869	19.663.609.670	-	-	2.071.011.459.825	(422.958.021.958)	1.648.053.437.867					
Giá vốn bộ phận	23.098.736.777	944.432.952.983	492.091.179.468	215.068.030.895	17.723.563.048	-	-	1.692.434.463.771	(419.470.678.065)	1.272.963.785.686					
Chi phí bán hàng	3.832.888.320	134.592.063.454	-	4.382.739.168	-	-	-	142.807.690.942	-	142.807.690.942					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	952.765.213	20.885.355.208	10.105.460.201	15.056.425.744	1.075.326.786	-	-	48.075.323.154	(609.793.721)	47.465.529.433					
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>768.420.363</b>	<b>45.849.426.980</b>	<b>10.814.259.499</b>	<b>129.377.155.862</b>	<b>864.749.234</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>187.693.981.958</b>	<b>(2.877.550.152)</b>	<b>184.816.431.806</b>					
Doanh thu hoạt động tài chính	4.196.243	1.908.327.420	2.490.189.429	2.932.112.533	1.403.306	45.466.999.138	13.242.317.872	52.803.228.069	(47.418.887.235)	5.384.340.834					
Chi phí tài chính	-	7.795.420	-	1.991.654	-	-	-	13.252.104.952	(1.951.688.097)	11.300.216.855					
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	79.005.703					
Thu nhập khác	-	229.030.300	2.074.724.816	1.525.154.639	42.014.292	-	-	3.870.930.135	(262.263.648)	3.608.666.487					
Chi phí khác	-	58.255.062	393.674.919	572.042.311	7	-	-	1.023.972.299	-	1.023.972.299					
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>792.616.626</b>	<b>47.920.740.300</b>	<b>14.985.498.825</b>	<b>133.260.389.069</b>	<b>908.136.825</b>	<b>32.224.681.266</b>	<b>230.092.062.911</b>	<b>(48.527.807.235)</b>	<b>181.564.255.676</b>	<b>181.564.255.676</b>					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	169.166.818	5.515.744.811	2.717.413.108	27.569.430.672	184.193.940	-	-	36.175.948.249	-	36.175.948.249					
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	2.200.258.282	-	-	-	-	2.200.258.282	-	1.480.262.702					
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>623.449.808</b>	<b>42.404.995.489</b>	<b>10.067.827.435</b>	<b>105.670.958.497</b>	<b>723.942.885</b>	<b>32.224.681.266</b>	<b>191.715.855.380</b>	<b>(47.807.811.655)</b>	<b>143.908.043.725</b>	<b>143.908.043.725</b>					

VND

39.2. Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty tại tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

40. CAM KẾT THUÊ

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê lại đất số 01/HĐ/TLĐ ngày 15 tháng 11 năm 2003, Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 11 năm 2003 và các Phụ lục số 01 ngày 18 tháng 11 năm 2004, Phụ lục số 02 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 37.805 m<sup>2</sup> đất thuộc lô đất số 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 11 năm 2003, đơn giá thuê là 0,6 USD/m<sup>2</sup>/năm.
- Hợp đồng thuê bãi số 38/HĐ.BB ngày 19 tháng 7 năm 2006 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 9.721 m<sup>2</sup> đất có chiều dài cập theo bờ sông Tiền 13 m và kênh Xáng Cụt là 355 m trong Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 40 năm bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2006, đơn giá thuê là 1 USD/m<sup>2</sup>/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 2166/HĐTĐ ngày 23 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 21.482,4 m<sup>2</sup> đất tại số 490 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam để làm Văn phòng làm việc Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 25 tháng 11 năm 2008 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047. Phụ lục hợp đồng thuê đất số 2160/PLHĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với diện tích 7.692,8 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Diện tích đất thuê còn trả tiền thuê hàng năm là 13.789,6 m<sup>2</sup>, tiền thuê đất hàng năm là 138.427.504 VND, thời gian ổn định đơn giá thuê đất từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.
- Hợp đồng thuê đất số 1701/HĐTĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 1.822,3 m<sup>2</sup> đất tại số 490 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam thời hạn thuê là từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 4.236.848 VND.
- Hợp đồng thuê đất số 5125/HĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 118.574,5 m<sup>2</sup> đất tại ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm, thời hạn thuê là từ ngày 27 tháng 10 năm 2015 đến ngày 27 tháng 10 năm 2065, tiền thuê đất hàng năm là 249.006.450 VND.

41. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ</b>		
Đô la Mỹ (USD)	1.256,99	1.316,39
Đồng Euro (EUR)	3.385,77	3.407,88
		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>		
Phải thu từ hoạt động bán bê tông	4.954.312.988	-
Phải thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng	2.515.058.223	-
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	446.526.500	-
Phải thu từ hoạt động bán vật liệu xây dựng	15.000.000	-
<b>CỘNG</b>	<b>7.930.897.711</b>	<b>-</b>

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT thông qua việc xóa nợ phải thu khó đòi trên 10 năm đã lập dự phòng 100%.

42. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

  
Huỳnh Thị Mỹ Hương  
Người lập biểu

  
Huỳnh Thị Mỹ Hương  
Kế toán trưởng

  
  
Vũ Huy Giáp  
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2024

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đã được công bố thông tin đúng quy định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo website: [www.ticco.com.vn](http://www.ticco.com.vn)

Tiền Giang, ngày 17 tháng 04 năm 2024

## XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**VŨ HUY GIÁP**





# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG



Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam



0273 3872 878



[www.ticco.com.vn](http://www.ticco.com.vn)